



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**  
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình ảnh: **OrlandoSantana (Pixabay)**

**LIÊN LẠC:**

• Bài vở: [baivochanhphap@gmail.com](mailto:baivochanhphap@gmail.com)

• Quảng cáo / Phát hành:

**(714) 266-4171**

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

\*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

[baivochanhphap@gmail.com](mailto:baivochanhphap@gmail.com)

Trân trọng cảm ơn.

## NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), tr. 3
- **KHÍ HẬU BỐN MÙA** (thơ ĐNT Tin Nghĩa), tr. 6
- **NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 7
- **BA PHÁP ẮN** (HT. Thích Đức Thắng), trang 10
- **THÔNG TƯ TRUY TÁN CÔNG HẠNH CỦA TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TUỆ SỸ** (HĐĐH GHPGVNTNHNK), trang 13
- **HỎI THĂM ĐƯỜNG MÂY CŨ** (thơ Phổ Đồng), trang 14
- **THÂN ĐẸP MÀ TIẾNG LẠI HAY** (Quảng Tánh), trang 15
- **SỰ THẬT CHỨNG MINH** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 16
- **STORY OF FIVE HUNDRED BHIKKHUS** (Daw Tin), trang 17
- **TỨ CÚ LỤC BÁT "HOA"** (thơ Vĩnh Hữu - Tâm Không), tr. 18
- **SƠ QUÁT VỀ CỘI NGUỒN VỌNG TƯƠNG QUA DUY THỨC HỌC** (Khánh Hoàng), trang 19
- **TRỪNG DƯƠNG, CHUÔNG SỚM** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 22
- **LƯỢC SỬ VỀ VIỆC PHIÊN DỊCH PHẬT ĐIỂN RA CHỮ HÁN** (TN Thanh Trì), tr. 23
- **AI ĐIỀU HT TUỆ SỸ** (thơ Toại Khanh), trang 25
- **NHỮNG SỢI DÂY TRÓI BUỘC** (TN Hằng Như), trang 26
- **TRĂNG VÔ PHIÊN, KHIÊM HẠ...** (thơ Tịnh Bình), trang 29
- **CÂY CUỐC VÀ HẠT GIỐNG NHÀ PHẬT** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- **XIN NÓI RẰNG KHÔNG BIẾT** (Nguyễn Giác), trang 31
- **ĐÊM NGUYỆT BẠCH** (thơ Nguyễn An Bình), trang 34
- **VĂN HÓA DUYÊN SINH GIỮA KHÓI LỬA HẬN THÙ HIỆN NAY** (Huỳnh Kim Quang), tr. 39
- **KINH ĐÊM** (thơ Nhật Quang), trang 42
- **CÂY XANH TRÊN TRIỀN NÚI** (Hạnh Chi), trang 43
- **TRUYỆN CỰC NGẮN HOÀNG LONG**, trang 46
- **NHỮNG NGÔI MỘ ĐÁ** (thơ Diệu Viên), trang 48
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 49
- **XIN CHÀO THÁNG MƯỜI MỘT...** (thơ Lâm Bằng Phương), trang 51
- **THAY ĐỔI HÌNH DÁNG CỦA TUỔI GIÀ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 52
- **LÊ CẦU AN CHO TLHT THÍCH TUỆ SỸ** (Thanh Huy), trang 55
- **TRẠI TÙ SƠN LA** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 58
- **LĂNG ĐĂNG VÀNG THU** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 59
- **CỜ TRÓI tập 1 - chương 7** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61
- **NẤU CHAY: CANH BÍ MÙA THU** (Phương Thy), trang 66
- **THĂM PHỄ TÍCH ĐẠI HỌC NALANDA, ẤN ĐỘ** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 67
- **LỜI THỀ NGUYỆN** (Truyện cổ Phật giáo), trang 68



Báo Chánh Pháp số 145, tháng 12.2022, do Chùa Trí Phước (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



# Thư Tòa Soạn

## NGÃ NGUYỆN VÔ CÙNG

Tâm chí nhỏ thì nhìn cuộc đời trong phạm vi trăm năm, thấy mục đích sống trong vòng gia đình, xã hội, tôn giáo, quốc gia. Tâm chí rộng hơn thì hướng đến lợi ích của nhân loại, của thế giới, trong hiện tại và nhiều thập niên hay thế kỷ tương lai.

Giới hạn nhỏ, lớn là ở nơi không gian và thời gian. Mục tiêu nhỏ, lớn thì đặt nơi lợi ích của cá nhân hay số đông. Nhưng dù ngắn hạn hay dài hạn, con đường tất yếu của đời sống nhân loại là giáo dục. Con đường của Phật giáo ở cuộc đời này cũng không ngoài lãnh vực giáo dục, thuật ngữ thiền môn gọi là giáo hóa, hóa độ, hoằng pháp.

Trong thiền môn, tâm chí cũng có nhỏ và lớn như vậy. Nhỏ thì mục đích đặt nơi giới phẩm đại đức, thượng tọa, hòa thượng..., hoặc nơi chức danh trụ trì, viện chủ, hội chủ (một giáo hội hay hội đoàn). Lớn thì mục tiêu là làm Phật, trước hết là tu tập hành trì, chứng ngộ chân lý để thoát ly sinh tử (sinh tử đại sự [1]), nguyện nhiều đời nhiều kiếp cho đến vô tận vị lai luôn hết lòng hoằng truyền Chánh Pháp, cứu khổ và hóa độ hằng hà sa số chúng sanh.

Làm trưởng tử của đức Phật thì tâm chí phải cao rộng, không thể thấp bé quẩn quanh nơi ngôi vị hay ngôi chùa. Thậm chí làm người phật-tử tại gia cũng cần học theo tâm chí như thế.

Tâm chí cao rộng thì trải cả thế nguyện của mình đến vô cùng vị lai, bao trùm cả vô tận không gian. Nơi nào có thể giới khổ đau, có chúng sinh khổ đau, nơi đó xin nguyện có mặt để giáo hóa, không chỉ trong hiện tại mà đời đời kiếp kiếp tương lai.

Nói ra thì có vẻ như là điều không tưởng. Ít người tin là có thể thực hiện được, khi nhìn chung quanh, chỉ thấy đa số là những con người bình thường, tài năng giới hạn, đức độ khiêm khuyết... Có chăng thì là hàng bồ-tát mới thực hiện được.

Nhưng bồ-tát, thực ra không phải là những vị thần linh bay trên trời cao hay ở một cõi ngoài kiếp nhân sinh này. Một khi từ lòng thương cảm trước thống khổ thế gian, cất lên ước nguyện đem lại hạnh phúc an vui thực sự cho số đông, tức khởi phát

bồ-đề nguyện, là có thể cất được bước chân đầu tiên trên bồ-đề hành. Nguyện lớn dẫn đường cho những phương tiện thiện xảo hóa độ chúng sanh.

Nghiệm thật kỹ sẽ thấy chung quanh có rất nhiều vị bồ-tát thường tiếp xúc chúng ta, thường nâng đỡ, giáo dục, khuyến hóa chúng ta vượt qua những khổ đau, kiếp nạn của đời thường. Bồ-tát sơ tâm thì giáo hóa nhỏ; đại bồ-tát thì giáo hóa lớn.

Giáo hóa lớn là trải cả sinh mệnh và tâm chí của mình cho việc hoằng truyền Chánh Pháp, cứu khổ chúng sinh; dù hư không có hao mòn hay có một giới hạn nào đó, thế nguyện của tôi cũng vô cùng tận [2].

Chấp tay ngưỡng vọng những vị bồ-tát đã đến và đi, và sẽ trở lại thế gian thống khổ này để tiếp tục thực hiện con đường hóa độ dài xa vô tận.

[1] Chỉ có sinh-tử là việc lớn, tức là phải thoát ly cõi luân hồi sinh-tử.

[2] "Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng 虛空有盡, 我願無窮" – Hư không dù có giới hạn thì nguyện của tôi cũng không cùng tận – trong bài sám Quy Mạng, là một cách diễn đạt khác của Thiền sư Di Sơn Kiều Nhiên (730 – 799) về thế nguyện vô tận của hàng Bồ-tát đối với Chánh Pháp cũng như đối với việc độ sinh, qua văn phát nguyện của ngài Anan trong kinh Thủ Lăng Nghiêm: "Thuần-nhã-đa tánh khả tiêu vong / Thước-ca-ra tâm vô động chuyển" 舜若多性可銷亡 爍迦囉心無動轉 – Tánh hư không dù có thể tiêu vong, tâm kiên cố cũng không động chuyển (Tiếng Phạn: Thuần-nhã-đa phiên âm từ chữ sūnya, tức là hư không, tính không; Thước-ca-ra phiên âm của chữ Vajra, nghĩa là kim cương, hay sắt sét – dùng trong câu này là nói tính chất kiên cố, sắc bén có thể chặt đứt vật khác nhưng không thể bị phá hủy của kim cương để nói tâm nguyện bất hoại đối với Chánh Pháp).

# TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

## DIỆU ÂM lược dịch

### **ẤN ĐỘ: Dự án Ni chúng Tây Tạng công bố sáng kiến xây dựng chỗ ở cho Ni viện Phật giáo Dolma Ling**

Dự án Nữ tu Tây Tạng (TNP), một tổ chức từ thiện được đăng ký tại Hoa Kỳ có trụ sở tại Seattle và Quận Kangra của Himachal Pradesh, Ấn Độ, đã công bố lời kêu gọi tài trợ cho việc xây dựng nhà ở và cơ sở sinh hoạt cho các nữ tu sĩ Phật giáo của Ni viện Dolma Ling và Học viện Biện chứng Phật giáo Dolma Ling ở miền bắc Ấn Độ.

Trong một thông báo, TNP cho biết việc gây quỹ là nhằm mục đích "xây dựng 16 phòng và cơ sở vật chất cho các geshema (tương đương nữ Tiến sĩ Phật giáo Tây Tạng) tại Ni viện Dolma Ling, giúp họ đạt được những nghiên cứu nâng cao cần thiết để trở thành những giáo viên có trình độ đầy đủ theo truyền thống của họ".

Được khánh thành bởi Đức Đạt lai Lạt ma vào năm 2005, Ni viện Dolma Ling và Viện Biện chứng Phật giáo tọa lạc tại Thung lũng Kangra gần Dharamsala ở miền bắc Ấn Độ. Đây là học viện đầu tiên dành riêng cho giáo dục Phật giáo cấp cao hơn dành cho các nữ tu sĩ Phật giáo Tây Tạng thuộc mọi truyền thống và được TNP tài trợ hoàn toàn.

Khoảng 250 ni cô tham gia đầy đủ vào việc học tập, thực hành và công tác ni viện tại Dolma Ling, cũng như tổ chức các dự án tự cung tự cấp -

chẳng hạn như làm đậu phụ và sản xuất đồ thủ công. Vào năm 2013, 10 nữ tu Dolma Ling đã làm nên lịch sử khi tham gia kỳ thi Geshema năm thứ nhất.

(Buddhistdoor Global - November 10, 2023)

### **BANGLADESH: Tu viện Phật giáo Sabek Bilchari có lịch sử 200 năm**

Tu viện - Tịnh xá Phật giáo Sabek Bilchari giữ một vị trí nổi bật là một trong những cơ sở tu viện Phật giáo lâu đời nhất và nổi tiếng nhất ở quận Bandarban. Tu viện này đóng vai trò trung tâm trong việc phát triển và bảo tồn nền giáo dục và văn hóa Phật giáo trong khu vực.

Theo Đại Trưởng lão Upainda Wainsa, Hiệu trưởng của Tịnh xá, tu viện được thành lập cách đây khoảng 200 năm - trong thời kỳ thuộc địa là của Anh vào năm 1820.

Tu viện Phật giáo Sabek Bilchari trải dài trên khoảng 15 mẫu đất, bao gồm cả địa hình bằng phẳng và đồi núi. Nó được trang trí bằng nhiều cấu trúc và tòa nhà khác nhau góp phần tạo nên bầu không khí độc đáo và thanh bình.

Tầm quan trọng của tu viện Sabek Bilchari có giá trị lịch sử và tôn giáo to lớn đối với các Phật tử. Mỗi ngày, nó thu hút vô số người hành hương và khách du lịch từ những nơi xa xôi đến thăm để cầu xin phước lành, cầu nguyện cho hòa bình và cầu mong hạnh phúc cho gia đình họ.

(tipitaka.net - November 8-14, 2023)

### **Các ni cô Dolma Ling theo học bằng Geshema**

Photo: Buddhistdoor Global



Tu viện - Tịnh xá Phật giáo Sabek Bilchari  
Photo: Bangladesh Post

### **THÁI LAN: Hội thảo chuyên đề Phật giáo-Kitô giáo lần thứ 7 khai mạc tại Bangkok**

Từ ngày 13-16 tháng 11 năm 2023, Hội thảo chuyên đề Phật giáo-Kitô giáo lần thứ 7 với chủ đề "Karuna và Agape trong Đối thoại để Chữa lành Vết thương Nhân loại và Trái đất" sẽ diễn ra tại Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya ở Bangkok, Thái Lan.

Sự kiện này là nỗ lực hợp tác giữa Bộ Đối thoại Liên tôn, Hội đồng Giám mục Công giáo Thái Lan và Đại học Phật giáo Mahachulalongkornrajavidyalaya.

Hội thảo chuyên đề này "sẽ tái khẳng định tình hữu nghị và sự hiểu biết lẫn nhau được xây dựng thông qua đối thoại với các đối tác Phật giáo trên toàn thế giới và đặc biệt là ở Thái Lan", và "cũng sẽ xác định các hành động chung để chữa lành vết thương của nhân loại và hành tinh".

Phật tử và Kitô hữu từ nhiều quốc gia khác nhau, bao gồm Cam Bốt, Hồng Kông, Ấn Độ, Nhật Bản, Mã Lai, Mông Cổ, Miến Điện, Singapore, Tích Lan, Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan và Vương quốc Anh, sẽ tham gia sự kiện.

### **PAKISTAN: Bảo tồn hành lang tranh đá Phật giáo ở vùng Thượng Indus**

Các chuyên gia Trung Quốc và Pakistan đã cùng nhau hợp tác để bảo tồn hành lang tranh đá ở khu Thượng Indus của



Pakistan.

Nhóm khảo sát khảo cổ chung của Trung Quốc-Pakistan nói trên do Đại học Sư phạm Trùng Khánh dẫn đầu cho dự án bảo tồn Hành lang Tranh đá Thượng Indus đã tổ chức lễ khai trương tại thành phố Bahawalpur, Pakistan. Trong sự hợp tác đột phá, nỗ lực chung này nhằm mục đích bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phong phú của khu vực đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khảo cổ học.

Hành lang tranh đá Phật giáo và chữ Hán trên thượng nguồn sông Indus không chỉ là di sản lịch sử, văn hóa vô cùng quý giá của người dân địa phương mà còn thuộc về toàn thể nhân loại.

Những bức tranh đá này đã được lưu lại bởi nhiều du khách, thương nhân, người hành hương và cư dân cổ xưa trong khu vực đi dọc theo các tuyến đường thương mại, và có niên đại sớm nhất là vào khoảng từ năm 5000 trước Công nguyên đến năm 1000 sau Công nguyên, cung cấp những hiểu biết có giá trị về cuộc sống và tín ngưỡng của các nền văn minh cổ đại từng phát triển mạnh mẽ trong khu vực.

(Pakistan Today - November 12, 2023)



*Tranh đá Phật giáo ở vùng Thượng Indus, Pakistan  
Photo: Pakistan Today*

### **ẤN ĐỘ: Phật tử tổ chức Lễ kỷ niệm Poi Potwa Panchong tại Namsai, AP**

Lễ Poi Potwa Panchong, đánh dấu đỉnh cao của Varsha Vassa, một khóa tu 3-tháng hàng năm của Phật tử Nguyên thủy, đã được tổ chức với lòng nhiệt thành tôn giáo và niềm hân hoan ở thành phố Namsai, bang Arunachal Pradesh vào ngày 7-11-2023.

Trong lễ Poi Potwa Panchong, tín đồ thực hiện các nghi lễ để tôn vinh chư đạo sư.

Khoảng 300 nhà sư và người dân từ 85 ngôi làng ở các quận Namsai, Changlang và Assam đã tham gia nghi lễ, và hơn 5,000 tín đồ đã tham dự lễ acharya puja kết hợp của Phật lịch 2567 (2023 Dương lịch).

Tham dự lễ kỷ niệm, ông CR Khampa, Thị trưởng Namsai, nhấn mạnh tầm quan trọng về những lời dạy của Đức Phật, và nói rằng "thế giới sẽ hòa bình nếu những lời dạy này được tuân theo đúng nghĩa, vì mục tiêu chính của tất cả Phật tử là đạt được niết bàn."

Ông bày tỏ sự đánh giá cao đối với cộng đồng Phật giáo Nguyên thủy vì đã tổ chức lễ acharya puja kết hợp này.

Thượng tọa Dharma Ketji, Chủ tịch Tăng đoàn Phật giáo Arunachal, Thượng tọa Ven Vimala Tisa, chủ tịch JCPPBS, và Thượng tọa Bhadant Aggadhama sư trưởng tu viện Namsai, cũng đã phát biểu trong sự kiện này.

(tipitaka.net - November 9, 2023)



*Phật tử tổ chức Lễ kỷ niệm Poi Potwa Panchong tại Namsai, Arunachal Pradesh (Ấn Độ)  
Photo: Arunachal24*

### **ẤN ĐỘ: Hiệp hội Phật giáo Ladakh kêu gọi xóa bỏ tệ nạn xã hội và phân biệt đẳng cấp**

Ngày 15-11-2023, Hiệp hội Phật giáo Ladakh (LBA) trong cuộc họp báo tại Leh đã kêu gọi cộng đồng Phật giáo ở Ladakh xóa bỏ tệ nạn xã hội và phân biệt đối xử dựa trên đẳng cấp.

Trong cuộc họp Đại hội đồng của LBA, người ta nhấn mạnh vào việc ngừng tổ chức lễ kỷ niệm nghỉ hưu ở Ladakh, là điều đang gây căng thẳng cho nền kinh tế địa phương.

Tsering Dorjay Lakruk, một lãnh đạo cấp cao của LBA, nhấn mạnh rằng những lễ kỷ niệm này góp phần tạo thêm gánh nặng cho nền kinh tế do chuẩn bị thức ăn quá nhiều, tắc nghẽn xe cộ và tai nạn do uống rượu.

Ông Lakruk cũng đề cập

đến vấn đề lạm dụng ma túy ngày càng gia tăng trong học sinh, kêu gọi phụ huynh giám sát chặt chẽ con cái và bảo vệ chúng khỏi những ảnh hưởng có hại như vậy.

Hơn nữa, ông nhấn mạnh sự cần thiết của cộng đồng Phật giáo trong việc loại bỏ các phong tục xã hội gắn liền với sự phân biệt đối xử dựa trên đẳng cấp.

(VOICE OF LADAKH - November 16, 2023)



*Các thành viên của Hiệp hội Phật giáo Ladakh (LBA) trong cuộc họp báo tại Leh  
Photo: Voice of Ladakh*

### **NEPAL: Khởi công xây dựng ngôi chùa Phật giáo Nga ở Lâm Tì Ni**

Đại sứ quán Nga tại Nepal và một số tổ chức khác đã khởi công một dự án xây dựng ngôi chùa Phật giáo Nga 2 tầng ở Lâm Tì Ni với mức đầu tư 300 triệu Rupees.

Việc xây dựng cơ sở hạ tầng - theo phong cách đại diện cho Tu viện St George 108 tuổi ở St Petersburg, Nga - dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2025.

Pravin Gauchan, đại diện của tổ chức Tu viện Nga ở Nepal, cho biết dự án này được đồng khởi xướng bởi Đại sứ quán Nga tại Nepal, Maitri Sangh người Nepal, Tổ chức Xây dựng Chùa Phật giáo Nga và những người hành hương Phật giáo Nga với khoản đầu tư 300 triệu Rupees.

Sanuraja Shakya, thành viên thư ký của Quỹ Phát triển Lâm Tì Ni, cho biết dự án này cũng được hỗ trợ bởi những người Nepal ở nước ngoài.

Cho đến nay, đã có 27 quốc gia xây dựng chùa chiền và tu viện đại diện cho đất nước mình tại Lâm Tì Ni. Theo Quỹ Phát triển Lâm Tì Ni, các thỏa thuận đã được ký kết với 40 quốc gia và tổ chức để xây dựng các công trình.

(kathmandupost.com - Nov. 18, 2023)



*Lễ khởi công xây dựng ngôi chùa Phật giáo Nga ở Lâm Tì Ni  
Photo: Kathmandu Post*

**THÁI LAN: Tượng Phật Ngọc được tìm thấy trong thân cây xoài ở ngôi chùa tại tỉnh Chonburi**

Tại chùa Nongsang Pracha Bamroong ở huyện Phanat Nikhom, tỉnh Chonburi, một tượng Phật bất ngờ được tìm thấy bên trong cây xoài khi nó bị đốn hạ trong quá trình tạo cảnh quan. Người ta tin rằng tượng này có từ thời vị trụ trì đầu tiên của ngôi chùa sống ở đó cách đây khoảng 100 năm.

Việc phát hiện ra bức tượng xảy ra khi vị trụ trì hiện tại giao nhiệm vụ cho các nhà sư cải thiện cảnh quan của bản tự để chuẩn bị cho một sự kiện lớn vào ngày 5-11. Để đạt được điều này, họ đã mang đến một chiếc máy cắt cây để cắt tia cây. Khi chặt một cây xoài lớn, có đường kính thân cây khoảng 80cm và cao 10m, máy cắt đã chạm phải một tượng Phật nhỏ bằng ngọc lục bảo. Tượng đã được tách ra cẩn thận và cất giữ trong phòng của sư trụ trì. Nhà sư giải thích rằng một máy cắt cây đã được đưa từ bên ngoài vào vì ông cần phải di dời gỗ ra khỏi khuôn viên. Trong quá trình chặt cây và tách thân cây, người ta đã phát hiện ra tượng Phật ẩn khuất này. Bức tượng có màu xanh lá cây và vẽ một nhân vật đang mỉm cười, dường như đã bị hư hại do việc sử dụng cưa trong quá trình chặt.

(Tipitaka Network - November 16, 2023)

*Tượng Phật Ngọc được tìm thấy trong thân cây xoài ở chùa Nongsang Pracha Bamroong, Thái Lan  
Photos: MSN*



**NHẬT BẢN: Ikeda, trưởng nhóm cư sĩ Phật giáo Soka Gakkai, từ trần ở tuổi 95**

Daisaku Ikeda, nhà lãnh đạo lâu năm của tổ chức Phật giáo tại gia Soka Gakkai, và là người sáng lập đảng Komeito, đã qua đời vì tuổi già vào ngày 15-11-2023 tại tư gia ở Tokyo, thọ 95 tuổi.

Ông Ikeda trở thành chủ tịch thứ ba của Soka Gakkai, với số thành viên được tuyên bố là hơn 8.27 triệu hộ gia đình, vào năm 1960. Nhóm này cung cấp cơ sở bầu cử mạnh mẽ cho đảng Komeito.

Ikeda thành lập nhóm chính trị tiền thân của Komeito vào năm 1961 và thành lập Komeito vào năm 1964. Sau cuộc tranh cãi về sự tách biệt giữa chính trị và tôn giáo, ông tập trung vào các hoạt động của tổ chức Phật giáo Soka Gakkai, mặc dù ông vẫn có ảnh hưởng trong chính trị.

Ikeda đảm nhận chức vụ chủ tịch danh dự của nhóm vào năm 1979, bốn năm sau khi thành lập Soka Gakkai Quốc tế, tổ chức có 2.8 triệu thành viên tại hơn 190 quốc gia và vùng lãnh thổ.

(The Mainichi - November 18, 2023)



*Daisaku Ikeda, cố chủ tịch của tổ chức Phật giáo tại gia Soka Gakkai, Nhật Bản  
Photo: The Maichini*

**NHẬT BẢN: Chùa Gakuen-ji lịch sử và là điểm ngắm lá mùa thu nổi tiếng nhất tỉnh Shimane**

Nằm sâu trong vùng núi phía đông Tỉnh Shimane, chùa Gakuen-ji là một trong những ngôi chùa Phật giáo mang tính lịch sử nhất trong khu vực.

Phật giáo được du nhập vào Nhật Bản vào thế kỷ thứ 6 và nhân vật có công trong việc truyền bá đạo Phật là Hoàng hậu Suiko. Bản thân là một Phật tử, Hoàng hậu Suiko ủng hộ việc thành lập các ngôi chùa trên khắp Nhật Bản - và Chùa Gakuen-ji nằm trong số đó.

Theo một phiên bản của câu chuyện thành lập ngôi chùa Gakuen-ji, Hoàng hậu Suiko đã được khỏi bệnh về mắt khi một nhà sư tên Chishun Shinon cầu nguyện cho sự hồi phục của bà tại Thác Furo. Biết ơn, Hoàng hậu Suiko đã lệnh cho xây dựng một ngôi chùa ở thác nước này.

Chùa Gakuen-ji cũng đóng một vai trò trong câu chuyện về Benkei, một tu sĩ chiến binh huyền thoại thế kỷ 12. Tương truyền rằng sư Benkei đã mang một chiếc chuông chùa gần 100 km từ chùa Daisen-ji ở tỉnh Tottori đến chùa Gakuen-ji trong một đêm. Một lễ hội bao gồm việc tái hiện cảnh Benkei mang chuông được tổ chức vào Chủ nhật cuối cùng của tháng 10 để tưởng nhớ huyền thoại này.

Chùa Gakuen-ji cũng nổi tiếng với vẻ đẹp tự nhiên xung quanh, đặc biệt là từ giữa đến cuối tháng 11 khi nhiều cây phong chuyển màu lá sang màu đỏ và cam vào mùa thu.

(japantoday.com - November 20, 2023)



## KHI HẬU BỐN MÙA

Thu đi cho lá vàng bay, (\*)  
Thu về cho gió hây hây mát lòng.  
Thế rồi thu chuyển sang đông,  
Mang theo cơn lạnh cho lòng tái tê.  
Đông tàn xuân đến mang về,  
Âm dương vương khí còn gì quý hơn?  
Nắng hè oi bức kinh hồn,  
Ve sầu réo gọi nỡ nùng làm sao!  
Bốn mùa thay đổi ào ào,  
Thiên nhiên quy luật làm sao đổi dời?  
Năm xưa truyện đã tả rồi:  
Bích Câu Kỳ Ngộ có lời như sau:  
“Đua chen Thu cúc, Xuân đào,  
Lựu phun lửa Hạ, mai chào gió Đông”...  
Chúng ta đều thuộc nằm lòng,  
Thiên nhiên như vậy đừng mong đổi dời...  
Đó là quy luật định rồi,  
Đồng thanh chấp nhận đổi dời được nao?

Quý Mão Trọng thu – Nov. 10th, 2023



## ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

(\*) Câu đầu của bản nhạc “Lá đổ muôn chiều”  
nhạc sĩ Đoàn Chuẩn.



Chùa Gakuen-ji

Những cây phong trong khuôn viên chùa Gakuen-ji  
chuyển màu lá vào mùa thu



Photos: Japan Today



# NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC

HT. Thích Thắng Hoan

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

Hành giả sau khi thực tập hoàn tất 30 ngôi vị tu tập của Bồ Tát Hạnh một cách thuần thục liền sử dụng ba năng lực thù thắng nói trên quán chiếu Tướng và Dụng của Duy Thức để chuyển Tư Chứng Phần Ý Thức thứ sáu thành Trí Tuệ Hữu Phân Biệt với những phương thức sau đây:

## a)- QUÁN CHIẾU TƯỚNG VÀ DỤNG CỦA DUY THỨC:

Tướng của Duy Thức tức là cảnh giới của Duy Thức trong ba cõi và Dụng của Duy Thức tức là sự sinh hoạt của Duy Thức trong ba cõi. Hành giả phải thông suốt tánh chất, giá trị và ý nghĩa cảnh giới của Duy Thức biến hiện trong ba cõi và sự sinh hoạt của tám Thức trong mỗi chúng sanh hữu tình trong ba cõi, nghĩa là:

1)- Phải thông suốt trong ba cõi, cảnh giới nào thuộc về vọng hiện của thế giới chân như pháp tánh và cảnh giới nào thuộc về nghiệp duyên của thế giới vọng hiện. Theo Bát Thức Quy Củ Tụng của Thích Thắng Hoan, trang 20 giải thích: "Những thế giới Vô Sắc phần nhiều là thế giới vọng hiện của thế giới chân như lưu xuất và cũng là nền tảng của thế giới nghiệp duyên sanh khởi. Thế giới nghiệp duyên chính là những thế giới Sắc Giới và những thế giới này được phát sanh là do những thế giới vọng hiện của Vô Sắc tạo nghiệp thành. Còn những thế giới Dục Giới cũng là loại thế giới nghiệp duyên và những thế giới này được phát sanh là do những thế giới Sắc Giới tạo nghiệp bằng cách cô đọng những Sắc Uẩn kết hợp thành hình."

2)- Trong tám Thức Tâm Vương, phải thông suốt những cảnh giới nào nơi ba cõi thuộc Tướng Phần của Thức nào gây tạo và giá trị của những cảnh giới Tướng Phần nói trên do Kiến Phần của tám Thức Tâm Vương gây tạo bằng cách nào.

3)- Trong tám Thức Tâm Vương, phải thông suốt những Thức nào có mặt trong những chúng sanh vô tình và những Thức nào có mặt trong những chúng sanh hữu tình. Sự sinh hoạt như thế nào của những tâm Thức trong các chúng sanh hữu tình cũng như trong các chúng sanh vô tình.

Người nào thông suốt tánh chất, giá trị, ý nghĩa Tướng và Dụng của Duy Thức qua những

điều kiện nói trên là người đó đã trang bị được tư lương thứ nhất của Duy Thức Hạnh.

## b)- NHIẾP PHỤC PHIÊN NÃO CHƯỚNG VÀ SỞ TRI CHƯỚNG:

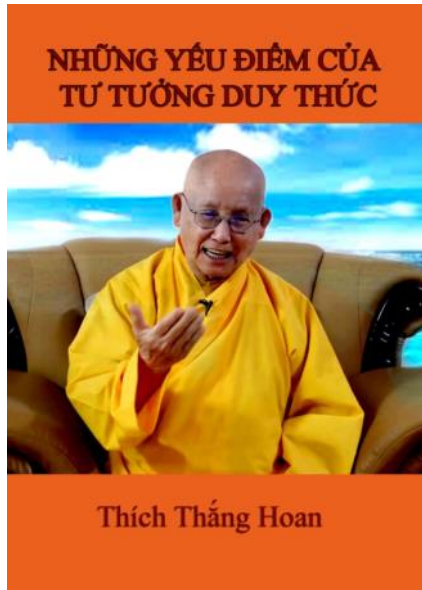
Phiên não chướng, nghĩa là những phiên não làm chướng ngại cho sự giác ngộ. Sở Tri Chướng nghĩa là chỗ để hiểu biết (đối tượng) mang tánh chất ảo giác (Illusions) và điên đảo vọng tưởng làm trở ngại cho sự giác ngộ. Theo Duy Thức Học, trong mỗi con người các phiên não làm chướng ngại gồm có 26 loại thường gọi là 26 Tâm Sở Phiên Não. 26 Tâm Sở Phiên Não này được chia làm hai nhóm: một nhóm gọi là Căn Bản Phiên Não và một nhóm gọi là Tùy Phiên Não. 26 Phiên Não này thường làm trở ngại cho sự hiểu biết chân chánh của con người. (Xem *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* quyển II, trang 252-253). Muốn nhiếp phục hai loại chướng ngại này, hành giả phải áp dụng Phương Pháp Trị Liệu Qua Sự Tu Tập (Xem *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* quyển II, trang 227 cùng tác giả).

Hành giả muốn nhiếp phục và Phiên Não Chướng và Sở Tri Chướng, trước hết nhiếp phục Phiên Não Chướng và sau đó Sở Tri Chướng tự nhiên nhiếp phục được ngay, nguyên do Sở Tri Chướng trở nên ảo giác và điên đảo vọng tưởng đều do Phiên Não Chướng lên ngôi chỉ đạo trong sự tri thức vạn pháp.

Để áp dụng Phương Pháp Trị Liệu Qua Sự Tu Tập nhiếp phục Phiên Não Chướng, hành giả phải luyện tập phương pháp Nội Quán. Nội Quán là phương pháp quán chiếu bên trong nội tâm. Nội tâm A Lại Da là kho chứa tất cả hạt giống vạn pháp, nhưng người quản lý (chấp trước) những hạt giống đó trong nội tâm A Lại Da chính là Tâm Thức Mạt Na. Muốn xóa bỏ những hạt giống bất thiện trong nội tâm A Lại Da phải nhờ đến Tâm Thức Mạt Na thực hiện, ngoài Tâm Thức Mạt Na không ai có khả năng thay thế. Muốn quán chiếu nội tâm, phải theo phương pháp sau đây:

1. Quán chiếu sau khi hoàn tất công thức thiền chỉ.

2. Thay vì ngoại quán, nghĩa là quán những đối tượng bên ngoài mà ở đây quán những đối tượng bên trong nội tâm A Lại Da.



3. Muốn quán những đối tượng bên trong nội tâm A Lại Da, phải đóng Nhân căn lại nghĩa là phải nhắm hai con mắt lại để tạo màn ảnh trong sáng. Màn ảnh trong sáng nghĩa là màn ảnh không cõnden tối mờ đục nữa.

4. Thay vì Ý Thức thứ sáu nhớ lại những cảnh đối tượng bên trong nội tâm A Lại Da mà ở đây Nhân Thức quán chiếu thấy trực tiếp được những cảnh đối tượng của Ý Thức thứ sáu đang nhớ lại.

5. Ý Thức thứ sáu thực tập quán chiếu đến khi nào muốn thấy những cảnh đối tượng gì bên trong nội tâm A Lại Da liền thấy ngay lập tức, thấy một cách tự tại tự nhiên là lúc đó chúng tỏ Ý Thức thứ sáu làm chủ được và điều khiển được Thức Mạt Na thứ bảy theo ý mình muốn.

6. Chừng đó Ý Thức thứ sáu điều khiển Thức Mạt Na thứ bảy trực tiếp điều phục những Phiền Não Chướng theo Phương Pháp Trị Liệu Qua Sự Tu Tập (đã đề cập ở trên trong *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* quyển II, trang 227 cùng một tác giả), nguyên vì Thức Mạt Na thứ bảy chính là tâm thức quản lý tất cả chúng tử thiện ác trong kho chứa Thức A Lại Da. Hành giả nào nhiếp phục được Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng và tinh thông được tánh chất cũng như giá trị của những chúng tử trong sự sanh diệt lưu chuyển là người đó đã trang bị được tư lương thứ hai của Duy Thức Hạnh.

#### c)- GIẢI TRỪ CHẤP TRƯỚC:

Muốn giải trừ chấp trước về ngã pháp để chứng được Duy Thức Tánh, hành giả sử dụng trí tuệ hữu phân biệt của Tự Chứng Phần Ý Thức thứ sáu sau khi chứng đắc Thập Hồi Hướng liền quán chiếu ngã pháp qua phương pháp Tam Tánh và Tam Vô Tánh (Tam Tánh và Tam Vô Tánh đã được giải thích rõ trong *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* quyển I, trang 189 và 317 cùng một tác giả) và quán chiếu đến khi nào thấy rõ chỗ dung thông không sai biệt của các pháp môn tu tập, thông suốt chỗ viên dung vô ngại của lý sự, của tánh tướng các pháp, thể hiện được đức tánh thân giáo, khiêm cung, bình dị chính là người giải trừ được bệnh chấp trước ngã pháp và cũng là người trang bị được tư lương thứ ba về Duy Thức Hạnh.

Tóm lại ngôi vị Tư Lương nhằm xây dựng Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng với mục đích:

- Trang bị sự tinh thông về Tướng và Hạnh của Duy Thức,
- Nhiếp phục phiền não chướng và sở tri chướng,
- Giải trừ chấp trước về ngã và pháp,
- Phát huy trí tuệ hữu phân biệt của Tự Chứng Phần Ý Thức thứ sáu để quán chiếu Duy Thức Tánh.

Nhưng ngôi vị Tư Lương này chỉ là trang bị mà chưa phải là ngôi vị an trụ Duy Thức Tánh, nguyên vì chưa diệt được hai tướng Nhị Thủ Năng và Sở.

#### 2)- Cấp Bậc Gia Hạnh: (Gia Hạnh Vị)

Gia Hạnh Vị là ngôi vị gia công thật hành Duy Thức Quán. Hành giả nương theo năng lực của Thập Hồi Hướng tiến tu Tứ Gia Hạnh để phát khởi trí tuệ vô lậu Tự Chứng Phần của Thức Mạt Na thứ bảy. Trí tuệ hữu phân biệt Tự Chứng Phần của Ý Thức thứ sáu phối hợp với năng lực Thập Hồi

Hướng quán chiếu chiều sâu Tứ Tâm Tư để thấy rõ các pháp hữu lậu đều là hư giả không có tự tánh để phát huy trí tuệ vô lậu Tự Chứng Phần của Thức Mạt Na thứ bảy và khiến cho trí tuệ vô lậu này đạt được Chân Kiến Đạo của bậc Sơ Địa Bồ Tát Hạnh. Tứ Gia Hạnh gồm có: Noãn, Đảnh, Nhân và Thế Đệ Nhất.

a)- *Noãn Vị*: nghĩa là ở ngôi vị này, hành giả nỗ lực sử dụng trí tuệ hữu phân biệt của Ý Thức thứ sáu chuyên cần quán chiếu gián trạch tánh không của các pháp nơi ngoại cảnh:

- Tánh không nghĩa là tánh chất không của các pháp thuộc biến kế sở chấp do Ý Thức xây dựng nên.

- Tánh chất không của các pháp thuộc y tha khởi do Thức A Lại Da xây dựng nên.

- Trong các pháp Y Tha Khởi loại nào thuộc biến kế sở chấp.

- Tánh chất Ngũ Ấm và Ngũ Uẩn từ đâu sanh ra. (Muốn rõ vấn đề này hãy xem quyển "Bát Nhã Tâm Kinh Qua Cái Nhìn Của Duy Thức" cùng một tác giả)

- Tánh Chất Sắc Ấm hay Sắc Uẩn, một trong Ngũ Ấm hay trong Ngũ Uẩn từ đâu sanh ra hãy xem Nguyên Lý Tứ Đại (trong *Khảo Nghiệm Duy Thức Học*, quyển I, trang 214 cùng một tác giả) thì sẽ rõ.

Hành giả sử dụng trí tuệ hữu phân biệt quán chiếu đến khi nào thông suốt những điều kiện trên chính là người đạt được chân kiến đạo (thấy được đạo chân chánh) và lúc đó sức ấm của ánh sáng trí tuệ vô lậu Tự Chứng Phần Thức Mạt Na thứ bảy bắt đầu xuất hiện cũng giống như người xưa dùng cây khô cọ sát để lấy lửa.

b)- *Đảnh Vị*: nghĩa là quán chiếu tánh chất cuối cùng của các pháp gọi là Đảnh vị. Ở giai đoạn này hành giả tiếp tục quán chiếu nguyên lý không của những cảnh sở thủ thuộc biến kế sở chấp trong nội tâm. Cảnh sở thủ gồm có hai phần: Nghiệp Lực Tập Khí và Nghiệp Tướng Tập Khí, gọi chung là Nhị Thủ Tập Khí.

- Tánh chất không của những chúng tử cảnh giới và nghiệp lực tập khí hữu lậu đã được thâu nhập vào nội Tâm A Lại Da và sự quan hệ của những chúng tử này đóng địa vị quan yếu như thế nào trong sự sanh khởi vạn pháp nơi thế giới ngoại cảnh.

- Tánh chất không của những chúng tử vô lậu quan hệ trong sự duyên khởi vạn pháp nơi thế giới ngoại cảnh.

Hành giả quán chiếu đến khi nào thông suốt những điều kiện trên chính là người đã khiến cho Trí tuệ vô lậu Tự Chứng Phần của Thức Mạt Na thứ bảy tăng trưởng của tánh không, cũng như người xưa lấy được lửa qua sự cọ sát thân cây khô để nấu nướng.

c)- *Nhẫn Vị*: là ngôi vị quán chiếu Tứ Tâm Tư của những cảnh sở thủ và tâm năng thủ để phát khởi trí tuệ chân kiến đạo (trí tuệ thấy đạo chân chánh).

Tứ Tâm Tư: Tứ nghĩa là bốn; Tâm nghĩa là tìm kiếm, tìm hiểu; Tư nghĩa là tư duy, là quán chiếu. Tứ Tâm Tư nghĩa là bốn lãnh vực quán chiếu và tìm hiểu tánh chất, giá trị và ý nghĩa của các pháp trong thế gian. Tứ Tâm Tư gồm có bốn lãnh vực: Danh, Nghĩa, Tự Tánh và Sai Biệt. Đây là phương pháp quán chiếu nhằm gián trạch Danh, Nghĩa, Tự Tánh, Sai Biệt của các pháp với



mục đích xa lìa hai tướng: Tâm Năng Thủ và Cảnh Sở Thủ để cho trí tuệ Chân Kiến Đạo được xuất hiện từ nơi nội tâm. Tứ Tâm Tư được giải thích như sau:

1)- **Danh**: gọi cho đủ là danh xưng, nghĩa là tên gọi của các pháp.

Danh xưng của các pháp là những từ ngữ do người đời đặt ra để dán nhãn hiệu cho các pháp để phân biệt, danh xưng Nguyễn Thị A, Trần Văn B, bông hoa Hồng, bông hoa Lan, bông hoa Huệ, xe Honda, xe Toyota, xe Ford... Danh xưng của các pháp đều thuộc về loại Tùy Thuyết Nhân, một trong mười nhân của Duy Thức Học. Tùy Thuyết Nhân nghĩa là một pháp nào đó tùy (Tùy) theo sự cảm nhận của chúng sanh rồi sau đó tướng tượng đặt (Thuyết) cho một tên gọi để để phân biệt làm nguyên nhân (Nhân).

Danh xưng của các pháp gồm có hai loại: một loại danh xưng do người đời tưởng tượng đặt ra theo nhu cầu sinh hoạt trong xã hội để gọi và một loại danh xưng do các bậc chứng ngộ phương tiện thiết lập để định hướng chân giả phân minh dành cho các hàng đệ tử về sau tu tập khỏi bị lầm lạc trên con đường giải thoát. Hành giả quán chiếu tìm hiểu tánh chất, giá trị và ý nghĩa của hai loại danh xưng này để mình định rõ loại danh xưng nào nên xóa bỏ và loại danh xưng nào nên nương tựa để tìm nguồn. Hành giả nên biết rằng, danh xưng do các bậc chứng ngộ phương tiện thiết lập, như danh xưng Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật Dược Sư, Bồ Tát Quán Thế Âm, v.v... mặc dù giả danh nhưng rất cần thiết cho các nhà tu tập nương tựa quán chiếu để tìm nguồn Pháp Thân của các ngài từ chân tâm thể hiện, cũng giống như chúng ta nhắc đến danh xưng Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, Hòa Thượng Thích Thiện Hòa, v.v... mặc dù giả danh, nhưng hình tướng của các ngài từ trong tâm thức A Lại Da lập tức xuất hiện theo danh xưng đó.

2)- **Nghĩa**: gọi cho đủ là danh nghĩa. Danh nghĩa bao gồm cảnh danh xưng hay danh tướng và nghĩa vụ hay ý nghĩa (mục đích). Nghĩa còn có tên nữa là sự vật. Danh nghĩa của một sự vật được thiết lập có nghĩa vụ phù hợp với danh tướng, như người máy (robot) được kiến lập đúng với danh tướng là hình tướng giống con người và đúng với nghĩa vụ là sinh hoạt thay thế một phần chức năng của con người; như bóng hồng nylon bằng chất nhựa, v.v... được kiến lập đúng với danh tướng bóng hồng thiết và đúng với nghĩa vụ là thay thế bóng hồng thiết trang trí cho đẹp nhà cửa phòng xá. Các sự vật khác như nhà cửa, bàn ghế, xe cộ, thành phố, đường sá, v.v... cũng giống như thế, nghĩa là cũng được kiến lập đúng với danh tướng và nghĩa vụ của chúng. Danh nghĩa có hai loại, một loại do Ý Thức xây dựng thuộc biển kể sở chấp và một loại do Thức A Lại Da xây dựng thuộc y tha khởi.

a. Loại do Ý Thức xây dựng cũng có hai dạng: một dạng do Ý Thức căn cứ theo danh tướng của sự vật y tha khởi làm mẫu mực để xây dựng, như người máy, bóng nylon, nhà cửa, bàn ghế, xe cộ, thành phố, đường sá, v.v... xây dựng nên đúng với nghĩa vụ; một dạng do Ý Thức căn cứ theo danh xưng xây dựng nên hình tượng đúng với ý nghĩa.

b. Loại do Thức A Lại Da xây dựng cũng có hai dạng: một dạng do Thức A Lại Da căn cứ theo danh nghĩa chung tử biến kể sở chấp trong nội tâm xây dựng nên hiện tượng duyên sanh trong thế gian và một dạng do Thức A Lại Da căn cứ theo danh nghĩa của thế giới chân như pháp tánh xây dựng nên hiện tượng trong ba cõi phàm thánh đồng cư độ. Phàm thánh đồng cư độ, nghĩa là trong cõi phàm có cõi thánh (Pháp giới tánh) nằm phía bên trong, trong nhục thân có Phật thân (Phật tánh), trong nước đục có nước trong; nhưng cõi phàm riêng cõi phàm và cõi thánh riêng cõi thánh, nhục thân riêng nhục thân và Phật thân riêng Phật thân tuy lẫn lộn nhau, nhưng không ô nhiễm với nhau, cũng như dòng điện trong những bóng đèn màu sắc, nghĩa là bóng đèn có màu sắc, nhưng dòng điện không có màu sắc. Thế giới pháp tánh hay Phật Thân được thu nhỏ lại tùy theo cõi phàm, tùy theo nhục thân của chúng sanh, cho nên Kinh Phật thường nói: "Tinh dữ vô tình đồng thành Phật đạo hay đồng viên chủng trí."

3)- **Tự Tánh**: Tự tánh của các pháp duyên sanh gọi là tự tánh giả lập. Tự tánh của các pháp duyên sanh đều nương nơi Kiến Phần Thức A Lại Da để sanh khởi, để tồn tại, không có Kiến Phần Thức này xây dựng và hiện hữu để duy trì sự sống còn thì các pháp không thể hiện hữu trong thế gian. Hành giả quán chiếu tìm hiểu tự tánh của các pháp duyên sanh từ đâu sanh ra và Kiến Phần Thức A Lại Da thiết lập bằng cách nào để thành hình và duy trì sanh mạng như thế nào để tồn tại trong thế gian chính là hành giả quán thông được nguyên lý của Duy Thức Học trên lãnh vực duyên sanh.

4)- **Sai Biệt**: Quán chiếu sự sai biệt của các pháp duyên sanh, nghĩa là quán chiếu tìm hiểu nguyên nhân nào tạo nên hình tướng khác nhau của vạn pháp và do những điều kiện gì đưa đến sự sinh hoạt sai biệt nhau của vạn pháp duyên sanh. Theo Luật nhân quả nghiệp báo, vạn pháp trên hiện tượng duyên sanh có bao nhiêu hình tướng không giống nhau thì nguồn gốc của chúng nhất định phải có bấy nhiêu nguyên nhân sai biệt nhau và vạn pháp trong thế gian có bao nhiêu sự cảm thọ khác nhau thì nguồn gốc của chúng nhất định cũng phải có bấy nhiêu điều kiện không giống nhau. Hành giả thấu triệt tinh tường những điều kiện nêu trên là đã dung thông được nguyên lý của vạn pháp trên lãnh vực duyên sanh.

d)- **Thế Đệ Nhất**: nghĩa là trong các pháp hữu lậu thế gian (thế) có Thánh pháp vô lậu chân chính tối thượng (đệ nhất). Hành giả ở nơi bậc này tiếp tục quán chiếu nhị không (ngã pháp đều không) không cho gián đoạn, quán chiếu mãi đến khi nào Thánh pháp vô lậu chân chính tối thượng phát sanh liên tục không ngừng và hành giả phải thực tập quán chiếu một cách thuần thực, nghĩa là hành giả lúc nào quán chiếu thì Thánh pháp nói trên tự nhiên xuất hiện để dàng thế là hành giả chuyển Thức thành được Trí tuệ vô lậu, cũng như người nghe đài phát thanh, bắt đúng tần số thì âm thanh của đài phát ra liên tục không ngừng. Hành giả quán chiếu được như thế đã bước vào ngưỡng cửa Chân Kiến Đạo của bậc Sơ Địa, một trong Thập Địa Bồ Tát thuộc cấp bậc Thông Đạt.

(còn tiếp một kỳ)

# BA PHÁP ẤN

HT Thích Đức Thắng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

## TAM PHÁP ẤN 三法印 (Dharma-mudra = Pháp ấn)

Đây là ba phạm trừ nghĩa lý đặc trưng để bảo chứng nhận diện ra những lời dạy của đức Đạo sư một cách chính xác mà không nhầm lẫn với những lời dạy bởi các giáo chủ của các ngoại đạo khác qua: "Các hành là vô thường, các pháp vô ngã và, Niết bàn tịch tịnh" cho nên được gọi là ba pháp ấn. Ba phạm trừ nội dung nghĩa lý này chúng luôn luôn phù hợp với chân lý cuộc sống qua mọi hiện tượng nhân sinh cùng vũ trụ. Trong ba tạng kinh điển dù là Đại thừa hay Tiểu thừa ba phạm trừ tư tưởng nghĩa lý "Vô thường, vô ngã, Niết-bàn" này đều có hết, với mục đích là dùng để ấn định bảo chứng cho những lời dạy của đức Đạo sư, chứ không phải là những lời nói của Ma. Nếu kinh điển nào mà không mang nghĩa lý của một trong ba phạm trừ này thì những kinh điển đó không phải do đức Đạo sư nói ra.

Theo *Kinh Tạp A-hàm* quyển 10 thì đức Đạo sư cùng đệ tử của Ngài đã đề cập và giảng dạy về đề tài này theo ý nghĩa của chúng qua ngũ uẩn diệt. Thật ra ba phạm trừ này do các bộ phái sau này căn cứ vào những lời dạy rải rác khắp trong kinh điển theo những lời dạy của Phật cùng các Thánh đệ tử của Ngài sau này mà lập ra, nhưng tất cả đều rất chính xác theo những lời dạy của Ngài ở rải rác trong ba tạng giáo qua ba phạm trừ khổ lý trên. Theo *Căn bốn Thuyết nhứt thiết hữu bộ Tỳ-nại-da* 9, đức Thế tôn bảo với Hiền Thủ:

Chư hành giai vô thường  
Chư pháp tất vô ngã  
Tịch tịnh tức Niết bàn  
Thị danh tam pháp ấn.

*Các hành đều vô thường  
Các pháp tất vô ngã  
Vắng lặng tức Niết bàn  
Đó là ba pháp ấn.*

Đó là ba pháp ấn mà đức Đạo sư đã dạy ngài Hiền Thủ trong *Luật Căn bốn Thuyết nhứt thiết hữu bộ*. Theo *Kinh Duy Ma Cật* số 6 thì: "*Như luận Đại Trí thuyết thì Kinh Thịnh vẫn có ba pháp ấn, vô thường ấn, vô ngã ấn, Tịch diệt Niết bàn ấn. Theo kinh Tiểu thừa thì có ấn này, tức là chỉ cho kinh liễu nghĩa của Tiểu thừa. Hành giả nào vắng theo những lời dạy trong những kinh này thì sẽ đắc đạo. Nếu kinh nào không có ba pháp ấn này thì không phải là kinh liễu nghĩa.*" Ở đây *Kinh Duy Ma Cật* ngoài những gì cần để hình thành nghĩa lý của ba phạm trừ này như các Kinh điển Thịnh văn, mà còn xác nhận một cách chắc chắn rằng trong kinh liễu nghĩa Tiểu thừa lúc nào cũng hiện diện một trong ba pháp ấn này, hành giả nào vắng theo những lời dạy trong kinh Liễu nghĩa này mà tục hành tu tập thì sẽ đưa đến chỗ đắc đạo va,

nếu kinh nào mà không có sự hiện hữu của ba pháp ấn này thì kinh điển đó không phải là kinh Liễu nghĩa. Và cũng theo *A-tỳ-đạt-ma pháp Uẩn Túc luận* 12 thì: "*Đối với ba pháp ấn mà hành giả còn sinh khởi do dự cho rằng tất cả các pháp vô thường mà cho rằng chẳng phải tất cả các pháp là vô thường; tất cả các pháp là vô ngã mà cho rằng chẳng phải tất cả các pháp vô ngã; là Niết bàn tịch tịnh mà cho rằng chẳng phải Niết bàn tịch tịnh, thì những quan niệm này là si mê.*" Ba pháp ấn là ba phạm trừ dùng để ấn chứng, công nhận những kinh điển nào phù hợp với chân lý, phù hợp với những lời dạy của đức Đạo sư, phù hợp với sự thật thì kinh điển những lời dạy ấy đích thật là của trí tuệ còn nếu đối với những kinh điển như vậy mà hành giả nào khởi niệm nghi ngờ không có lòng tin chắc thật vào ba phạm trừ nghĩa lý này thì đó là những con người si mê ngu muội cần được giáo dục và hướng dẫn để đi theo con đường chánh. Cũng theo *Câu Xá luận* ký 1, Đ. 41, trang 0001b xác nhận một cách dứt khoát về ba pháp ấn này thì: "*Kinh giáo tuy là nhiều, tóm lược lại thì chia ra làm ba loại gọi là pháp ấn: Một, chư hành vô thường. Hai, chư pháp vô ngã. Ba, Niết bàn tịch tịnh. Vì ấn chứng các pháp nên gọi là pháp ấn. Nếu thuận theo ấn này thì gọi là kinh Phật, nếu nghịch lại ấn này thì chẳng phải là những lời Phật dạy.*"

Qua kinh luận trình bày ở trên dù là Tiểu thừa hay Đại thừa ba phạm trừ này dùng để kiểm chứng và chứng minh rằng những kinh luật luận đó do đức Đạo sư thuyết còn nếu không thuộc và một trong ba phạm trừ này thì không phải là những lời dạy của đức Đạo sư mà là những lời thuyết của Ma (chỉ cho ngoại đạo).

## I. CÁC HÀNH VÔ THƯỜNG

Các hành vô thường, (Skt: *anityāḥ sarva-samskārah*), tức là chỉ cho mọi hiện tượng có được trên thế gian khiến cho mắt chúng ta nhận thấy qua hình ảnh mà thuật ngữ Phật giáo gọi là pháp hữu vi; chỉ cho muôn vật chúng luôn bị sự chi phối của luật vô thường biến khác, từ hình thái này sang hình thái khác, hay biến dịch từ chỗ này sang chỗ khác luôn xảy ra không bao giờ dừng nghỉ. Mọi hiện tượng sinh diệt biến đổi này của thế gian chúng liên hệ với các pháp vô ngã, Niết bàn tịch tịnh là một trong ba pháp ấn đại cương cơ bản của pháp Phật, nên được gọi là chư hành vô thường ấn, hay nhất thiết hành vô thường ấn, hoặc còn gọi là nhất thiết hữu vi pháp vô thường ấn. Theo bài kệ vô thường của *Kinh Niết bàn* quyển hạ đức Phật đã dạy:

Chư hành vô thường  
Thị sinh diệt pháp  
Sinh diệt diệt dĩ  
Tịch diệt vi lạc.

*Các hành vô thường  
Là pháp sinh diệt  
Sinh diệt, diệt rồi  
Tịch diệt là vui.*

Qua bài kệ này đức Đạo sư nói lên được tính bất toàn của mọi sự vật nói chung của mọi hiện tượng cùng muôn vật hiện hữu tại thế gian này nói chung và, chỉ cho năm thủ uẩn nói riêng, chúng bị luật vô thường chi phối, nên chúng kinh qua hai trạng thái sinh-diệt biến đổi, tạo ra đau khổ, nếu hành giả chúng ta muốn đạt đến mọi sự an vui Niết bàn giải thoát thì, chúng ta phải vượt qua khỏi sinh-diệt (sống-chết), có nghĩa là chúng ta giải thoát khỏi khổ đau phát sinh từ các hành thì, sự giải thoát (tịch diệt) đó là an vui.

Các hành ở đây được đức Đạo sư định nghĩa như *Kinh Khởi thế nhân* bốn 9 (Đ. 1, trang. 412c) dạy: “*Các Tỳ-kheo, các hành là vô thường, phá hoại, ly tán, lưu chuyển, biến diệt, không trường tồn, chỉ trong chốc lát như vậy, đáng chán, đáng lo, nên tìm cách giải thoát.*” Các hành ở đây chỉ cho tất cả các pháp hữu vi hiện khởi có hình tướng mà mắt chúng ta có thể thấy và phân biệt chúng với nhau, có thể đụng chạm vào nhau. Nói chung là chỉ cho mọi hiện tượng cùng vạn vật đang hiện hữu giữa thế gian này; nhưng những hiện tượng cùng muôn vật chúng bị lệ thuộc vào vô thường cho nên chúng luôn luôn ở trong trạng thái sinh khởi và biến diệt không dừng nghỉ. Từ trạng thái này biến sang trạng thái khác: Từ đứa bé mới lọt lòng cho đến khi trăm tuổi, tuy rằng phải trải qua một thời gian là trăm năm hay ít hơn, nhưng trong thời gian này chúng luôn thay đổi trong biến dịch trong từng giây từng phút, từng sát-na một nên con người mới có hiện tượng lớn lên và già đi và cuối cùng là biến dịch. Hiện tượng thay đổi này có được là nhờ sự xúc tác của vô thường nên mới có thay đổi, nếu không có vô thường thì sẽ không có bất cứ một sự thay đổi nào hết. Do đó vô thường luôn luôn hiện hữu trong cuộc sống của chúng ta và cũng nhờ có vô thường mà chúng ta mới có sự sáng tạo đổi khác trong tư duy, trong cuộc sống và cuộc sống càng trở nên có ý nghĩa. Chỗ khác đức Đạo sư dạy rõ hơn như trong *Kinh Niết bàn Bản Hữu Kim Vô kế luận* 1, Đ. 26, trang. 0282c định nghĩa về: “*Các hành tức là chỉ cho các hành của sắc tâm, chúng có mặt trong ba đời và, vô thường có năm nghĩa: Một vô thường diệt mất. Hai vô thường xa nhau. Ba vô thường biến khác, hay hồi chuyển. Bốn vô thường hữu phần. Năm vô thường tự tánh.*” Đây chính là hiện tượng giả hợp của sắc (đất, nước, gió, lửa) có được nhờ các nhân duyên, duyên nhau mà sinh khởi và biến dịch, còn mặt thật bản chất (tâm) của chúng là không vì sự hiện hữu của chúng là do duyên, nên bản chất của chúng là không và chúng có mặt khắp trong ba đời (quá



khứ, hiện tại, vị lai). Như trong luận *Du Già sư địa* 18, Đ. 30, trang. 0378c đã nói: “*Các hành vô thường là chỉ cho các hành kia vốn không, nhưng vì duyên sinh khởi nên hiện hữu (sinh), khi đã hiện hữu rồi thì phải biến diệt (tùy duyên)*” Thật ra các hành ở đây như kinh trên đã nói thì chính là năm uẩn gồm có sắc và tâm (Sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Các hành này là vô thường biến đổi không chắc thật, không tồn tại, vĩnh cửu mà chúng luôn luôn biến dịch, có mặt khắp trong ba đời.

Nhưng sự hiện hữu của chúng như luận *Du Già* đã nói là không. Vì vậy cho nên hành giả khi tu tập thì phải như *luận A-tỳ-đạt-ma tập dị môn túc* 16, Đ. 26, trang 0435b thì chúng ta phải siêng năng quán sát chúng trong khi tu tập để diệt trừ chấp ngã chấp pháp mà hoàn thành cứu cánh Niết bàn tịch tĩnh trong hiện quán: “*Hiện tại chúng ta nên siêng năng quán sát, các hành là vô thường, là hữu lậu, là khổ. Tất cả pháp là không, là vô ngã. Khi chúng ta nghĩ đến chúng như vậy rồi thì chúng ta sẽ siêng năng quán sát.*”

Qua những kinh luận ở trên cho chúng ta biết được thế nào là các hành? Thế nào là vô thường? Để từ đó hành

giả chúng ta biết được phạm trù vô thường đối với kinh luật luận chúng luôn hiện hữu, nếu kinh luật luận nào không mang ý nghĩa đạo lý này thì đó không phải là kinh luật luận của Phật giáo.

## II. CÁC PHÁP VÔ NGÃ

Các pháp vô ngã (Skt: *nirātmanah sarva-dharmaah*), còn gọi là tất cả các pháp vô ngã ấn, hay gọi tắt là vô ngã ấn, nói chung là chỉ cho tất cả các pháp hữu vi cùng vô vi đều không có ngã, vì chúng sinh không hiểu rõ chúng là không ngã nên đối với tất cả các pháp cương lập có chủ thể, có bản ngã, có cá thể, rồi chấp vào chúng cho là thật hữu, thường trụ nên càng ngày chúng ta càng nuôi lớn bản ngã vô minh tà kiến này; cho nên đức Đạo sư mới nói là không có ngã với mục đích là phá chấp ngã của chúng ta. Nói tóm lại chư pháp ở đây chỉ cho các pháp hữu vi và vô vi chúng không có bất cứ một thực thể cá biệt nào hết, mà chúng hiện hữu được là nhờ nhân duyên mà sinh ra, hỗ tương nhau mà hiện hữu tồn tại, chúng thật không có tự thể hay thể tánh nào ngoài một sự hiện hữu giả hợp khi duyên đủ. Cho dù pháp hữu vi có tác dụng, nhưng chúng không tồn tại mãi mãi; riêng pháp vô vi tuy là thường hằng vĩnh viễn, song chúng lại không có tác dụng. Do đó trên mặt tướng thì sự hiện hữu của chúng là pháp giả hợp, nhưng về mặt tánh chúng là không tánh, rốt cùng tất cả đều là pháp vô ngã. Chư pháp vô ngã là một trong ba pháp ấn, hay còn gọi là chư pháp vô ngã ấn. Mục đích trọng yếu của giáo nghĩa này là nhằm phán đoán những kinh điển đó có đúng với giáo nghĩa của đức Phật hay không? Và cuối cùng dùng nó để ấn chứng. Như *Kinh Trường A-hàm* quyển 1, Đ. 1, trang. 0009b đức

Phật dạy:

Nhược học quyết định pháp  
Tri chư pháp vô ngã  
Thử vi pháp trung thượng  
Trí tuệ chuyển pháp luân...

*Nếu muốn học pháp quyết định  
Phải biết các pháp vô ngã  
Ở đây là pháp trung, thượng  
Trí tuệ quay bánh xe pháp...*

Hành giả khi học Phật là phải học pháp quyết định là phải biết một cách chân thật và chắc chắn rằng tất cả các pháp là vô ngã. Và cũng trong *Kinh Tạp A-hàm 11, Đ. 2, trang. 0072c* đức Đạo sư dạy: "Tỳ-kheo, đối tất cả hành không, tâm không phải quán sát chúng một cách hoan hỷ. Đối với hành pháp không (mà cho là) pháp thường còn, vĩnh viễn, tồn tại, không biến dịch thì, chúng không có ngã, và sở hữu của ngã. Như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (kết hợp với lục trần) các pháp nhân duyên sinh ra ... ý thức. Ba điều kiện này hòa hợp nhau sinh xúc; xúc câu sinh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp vô ngã này, là vô thường, cho đến không có ngã và sở hữu của ngã." Ở đây hành giả chúng ta luôn luôn phải hiện quán về tâm và hành Không này sự hiện hữu của chúng là một giả hợp do nhân duyên mà có được, nên tướng chúng là giả hợp, tánh chúng là không. Nói chung đối với tâm và vật chúng đều là vô ngã, không trường tồn, luôn luôn biến đổi không thật có.

Theo *luận Đại Trí Độ 20, Đ. 25, trang. 0206b* thì nên: "quán các pháp vô ngã, ngã sở không, các pháp từ nhân duyên hòa hợp phát sinh, không có tác giả, không có thọ giả cho nên gọi là Không môn." Không môn này chính là một khoa, một phạm trù dùng để phán quyết bộ mặt thật của các pháp hiện hữu được là nhờ vào nhân duyên hòa hợp giữa các pháp mà sinh ra và diệt đi tùy thuộc vào duyên đủ điều kiện này; do đó không có người tạo ra nó, và cũng không có người nào đứng ra nhận lãnh (chịu trách nhiệm) về sự hiện hữu do nhân duyên đó, cho tạm gọi chúng là cửa không. Cũng cùng với phương pháp hiện quán này, *Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã số 2, Đ. 33, trang. 0259c* dạy: "Quán các pháp vô ngã, sở hữu của ngã, các pháp này từ nhân duyên hòa hợp mà hiện hữu, chúng không phải là người tạo tác, cũng không phải là người nhận lãnh." Còn theo *Nhiếp Đại Thừa luận thích* thì, không những tất cả các pháp chỉ là vô ngã không thôi mà, nếu hành giả nào thông đạt các pháp là vô ngã thì trí bình đẳng phát sinh và, thấy rõ các pháp đều không có tự tánh. Vì trí bình đẳng phát sinh nên giữa các hữu sinh tử và Niết bàn được coi như là một, không phải hai không phải khác về mặt trí (tánh). Cho nên giữa sinh-tử và Niết bàn không có bất cứ một sai biệt nào. *Nhiếp Đại Thừa luận thích 9, Đ. 31, trang. 0370b* thì: "Khi Bồ-tát thông đạt các pháp

vô ngã thì trí bình đẳng phát sinh, thấy rõ các pháp kia đều không có tự tánh, các hữu sinh tử là Niết-bàn."

Qua những bản kinh luận mà chúng tôi vừa trích dẫn ở trên cho hành giả chúng ta nhận thức rằng phạm trù nghĩa lý của pháp ấn thứ hai là các pháp vô ngã. Sự hiện hữu của tất cả các pháp đều từ nhân duyên hòa hợp nương tựa vào nhau mà hiện hữu. Sự hiện hữu của các pháp trên mặt hiện tượng của tướng đó là một sự hiện hữu giả hợp do duyên và, mặt khác tánh của chúng là Không cũng do duyên mang lại. Ở đây các pháp là chỉ chung cho cả tâm lẫn sắc như trường hợp của năm thủ uẩn là vô ngã vậy.



### III. NIẾT BÀN TỊCH TĨNH

Niết bàn tịch tĩnh (Skt: *śāntam nirvānam*) còn gọi là Niết bàn tịch diệt ấn, gọi tắt là Niết bàn ấn là phạm trù thứ ba trong ba pháp ấn. Phạm trù thứ ba này là bàn về nỗi khổ của chúng sanh đã và đang gánh chịu ở thế gian này, phát xuất từ lòng vô minh mê mờ không biết cái khổ của sinh tử luân hồi, nên khởi hoặc tạo ra mọi thứ nghiệp lực, từ đây phải lưu chuyển trong ba cõi sáu đường, cho nên đức Đạo sư vì chúng sanh mê mờ không biết cách nào để thoát khỏi sự khổ đau của vô minh mà Ngài nói về pháp Niết bàn vắng lặng. Với mục đích là khiến cho chúng sanh thoát ly khỏi khổ đau của sinh tử mà chúng đặc Niết bàn tịch tĩnh. Theo *Căn Bản Nhứt Thiết Hữu Bộ 4, Đ. 24, trang 0119a* của Luật tạng đức Đạo sư dạy:

*"Ta biết dục là tội lỗi  
Muốn thấy Niết bàn tịch tĩnh  
Nay Ta phải nên xả bỏ  
Để đạt đến vui thanh tịnh."*

Phạm trù Niết bàn tịch tĩnh là phạm trù sau khi hành giả lìa bỏ khổ đau, giải thoát tất cả mọi trói buộc của phiền não mà dục là một hình thức phiền não căn bản của khổ đau sinh tử luân hồi phát sinh trực tiếp qua sự tạo tác của thân, khẩu, ý. Ở đây muốn đạt được Niết bàn tịch tĩnh là chỉ cần xả bỏ tất cả dục ái (tanhā) căn bản để đạt được Niết bàn hiện hữu ngay trong cuộc sống của mỗi chúng ta.

Cũng theo *luận Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm 29. Đ. 11, trang 0741b* thì, "Nếu lìa dục, ái hết sẽ đạt Niết bàn tịch tĩnh thẳng diệu". Vì dục ái là pháp căn bản của nguồn gốc đưa chúng sanh đến các hữu sinh tử luân hồi trong ba cõi sáu đường, nên nếu muốn giải thoát sinh tử trong ba cõi sáu đường và đạt được mọi an vui Niết bàn tịch tĩnh giải thoát trong cuộc sống thì chúng ta phải lìa bỏ dục thì ái mới hết. Vì ái dục là nguồn gốc phát sinh mọi khổ đau phiền não trói buộc chúng sanh trong luân hồi. Do đó chúng ta nên giải thoát ái dục thì niết bàn an vui sẽ hiện hữu.

Theo *Kinh Đại Bát Niết bàn nghĩa ký 10, Đ. 37, trang 0850b* thì đức Đạo sư bảo: "Lìa giác



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ**  
**VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION**  
**HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH**  
**COUNCIL OF MANAGEMENT**  
**CENTRAL OFFICE**

4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473

Phật Lịch 2567

Số 51/HĐĐH/TT/PCT

## THÔNG TƯ

Kính gửi: Chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, quý Cư sĩ thành viên, các cơ sở tự viện thuộc GHPGVNTNHK, Ban Hướng Dẫn GDPT Việt Nam tại Hoa Kỳ

Trích yếu: V/v Tổ chức Lễ Truy Tán Công Hạnh của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật



Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK đã nhận được ai tín: **Trưởng Lão Hòa Thượng THÍCH TUỆ SỸ**, Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đã thâu thân thị tịch vào lúc 16 giờ ngày 24 tháng 11 năm 2023 (nhằm ngày 12 tháng 10 năm Quý Mão) tại Chùa Phật Ân, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam, trụ thế 79 năm, 46 giới lạp.

Trưởng lão Hòa thượng là bậc thạch trụ tùng lâm của Phật giáo Việt Nam. Với trí tuệ thâm sâu, đạo hạnh cao vời, Hòa thượng đã một đời cống hiến cho GHPGVNTN nói riêng, cho Phật Giáo Việt Nam nói chung, qua việc giảng dạy, biên khảo, sáng tác, dịch thuật vô số Kinh Luật Luận cho nhiều thế hệ Tăng Ni và Phật tử trong và ngoài nước. Hòa thượng cũng từng sát cánh với nhị vị Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ trong việc gìn giữ giếng mỗi của GHPGVNTN kinh qua những giai đoạn phong ba nghiệt ngã của đạo pháp và dân tộc. Những năm tháng cuối đời thân mang trọng bệnh, Hòa thượng vẫn an nhẫn, kiên cường, cố gắng dựng lại một giáo hội phân tán, đổ nát, đồng thời tái lập và điều hành công trình phiên dịch của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng bị dang dở từ sau năm 1975.

Công đức đóng góp của Hòa thượng cho nền Phật Việt quả là không thể nghĩ bàn.

Để tỏ lòng kính tiếc một bậc lương đồng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, một bậc Thầy của nhiều thế hệ Tăng Ni và Phật tử Việt Nam, toàn thể thành viên GHPGVNTNHK nhất tâm qui hướng, đành lễ Giác linh Trưởng lão Hòa thượng.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ sẽ long trọng thiết lễ Truy Tán Công Hạnh của Đại Lão Hòa Thượng tân viên tịch vào 4 giờ chiều Chủ nhật, ngày 26 tháng 11 năm 2023 tại Chùa Bát Nhã, số 4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703. Thành kính cung thỉnh toàn thể thành viên Giáo Hội thu xếp thời gian quang lâm Lễ Truy Tán.

Giáo Hội cũng xin thành tâm cung thỉnh toàn thể thành viên hai Hội Đồng, cùng chư tôn đức Giáo Phạm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni hành đạo tại Hoa Kỳ, tùy hoàn cảnh sở tại thiết lễ cầu nguyện và truy niệm công đức của Trưởng Lão Hòa Thượng đã một đời cống hiến cho Đạo Pháp và Dân Tộc.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Nay thông tư,

California, ngày 24 tháng 11 năm 2023,

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK

Phó Chủ tịch,



Sa Môn Thích Nguyên Trí

quán gọi là Niết bàn có nghĩa là diệt trừ trí chướng ngại; trừ bỏ trí vọng thì được gọi là xa lìa giác quán. Nhờ xa lìa giác quán được nghĩa Niết bàn tịch tĩnh, cho nên gọi là Niết bàn.” Đó là cách định nghĩa Niết bàn tịch tĩnh theo nghĩa phủ định. Thông thường đức Đạo sư khi đề cập đến Niết bàn Ngài thường dùng những từ phủ định, để tránh những ngộ nhận nếu có về Niết bàn, mà một phạm trừ như vậy chỉ có những ai thực chứng chân lý mới nhận ra một cách chính xác ngoài ra chúng ta không thể nhận ra được bản thể cùng các hiện tượng một cách như thật được trong đó có Niết bàn. Chúng ta có thể ngộ nhận về một cõi Niết bàn có được nào đó từ những xác định của ngôn ngữ, sẽ khiến cho chúng ta nhận lầm về chúng; vì ngôn ngữ chúng ta chỉ có giá trị tương đối về mặt diễn tả chân lý một cách tương đối trong khi Niết bàn là một phạm trừ thuộc chân lý tuyệt đối và, bị hạn chế trong những nhận thức của thế trí như kinh trên đức Đạo sư đã dạy. Muốn giải thoát những trói buộc hạn chế mê lầm đó thì chúng ta phải trừ bỏ hay tiêu diệt chúng mới đạt được chúng qua ngôn ngữ phủ định tương đối nhằm thể nhập vào tự tánh không của thế sống. cho nên Niết bàn được đức Đạo sư nhắc đến qua nhiều kinh luật luân thường là dùng những danh từ phủ định như: *Tanhakkhaya* (diệt ái) có nghĩa là dục vọng bị tiêu diệt; *Asamkhata* (vô vi), có nghĩa là không bị liên kết, không bị giới hạn; *Virāga* (vô tham), có nghĩa là không tham lam; *Nirrodha* có nghĩa là sự chấm dứt (dục ái); *Nibbāna*, là tịch diệt, có nghĩa là sự tối tắt, hay sự tắt hẳn. Với những từ này đức Đạo sư dùng với mục đích nhằm để phủ định những khẳng định bị giới hạn lệ thuộc vào trong trói buộc, chúng đi nghịch lại với con đường giải thoát của Ngài.

Tóm lại, mục đích của Ba pháp ấn này theo như trong *Câu Xá luận ký* 1, Đ. 41, trang. 0001b đã giải thích thì: "Các hành vô thường chỉ dùng để giả thích rõ các pháp hữu vi, Niết bàn tịch tĩnh dùng để giả thích rõ các pháp vô vi, còn các pháp vô ngã là dùng chung để giả thích rõ cả pháp hữu vi và vô vi." Như vậy ba phạm trừ này dùng để ẩn chúng và khẳng định rằng nếu trong những lời dạy của kinh điển mà không liên hệ đến ba phạm trừ này thì những loại kinh điển đó không phải do đức Đạo sư nói ra mà có thể là do ma nói. Vậy ba pháp ấn rất quan trọng đối với việc nhận chân và đánh giá về những gì Ngài đã dạy ra nếu những kinh điển nào không phù hợp, không có sự hiện hữu của ba phạm trừ: Vô thường, vô ngã, Niết bàn thì, không phải là kinh điển do Phật nói ra. Hơn nữa qua ba phạm trừ này cũng được đức Đạo sư cho chúng ta nhìn ra được phạm trừ nghĩa lý nào dùng cho các pháp hữu vi có sinh có diệt theo sự hiện hữu và biến dịch của chúng qua nhân duyên mà mắt hữu tình chúng sanh chúng ta nhận thấy, rõ mó được và, những pháp này mang hình thức chướng ngại, còn những pháp vô vi không hình tướng, không thể hiện hữu và có chất ngại mà mắt chúng ta không thể nhận thấy, nhận biết trong xúc chạm của các pháp thuộc về sự mà chúng thuộc về tư tưởng, lý, khiến hành giả chúng ta phải kinh qua chứng nghiệm bằng vào những sở đắc có được mà thôi. Còn các pháp vô ngã chỉ chung cho tâm và vật của một chúng sinh hữu tình nói riêng và muôn vật nói chung. Tâm thuộc hình thức vô vi không thấy, không nắm bắt được của thọ, tưởng, hành, thức và của vật tức chỉ cho

## HỎI THĂM ĐƯỜNG MÂY CŨ

*sư nhìn xem mai nở  
từng cánh vàng mở bung  
đông phong về lay động  
nguyên xuân oà sau lưng.*

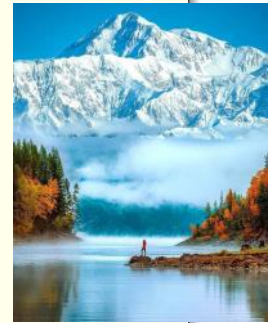
*trước ngõ tre là ngọn  
bóng hồng trúc che nghiêng  
nửa cài khung cửa vắng  
nửa chìm tận chân mây.*

*ráng mai ngồi chồi biếc  
én liêng cuối từng xa  
không gian như rộng mở  
cánh chim dài đường qua.*

*gây trúc sư lên núi  
tìm về núi rừng xưa  
hỏi thăm đường mây cũ  
đá im lìm lặng qua.*

*dưới bóng cây tình toạ  
ý niệm trước không sinh  
mà thành mọi hiện tượng!  
đang niệm biết tâm mình.*

*xưa nay ai biết được  
tâm dừng đá nở hoa!*



thơ **PHỔ ĐỒNG**

sắc pháp mà đại diện là đất, nước, gió, lửa, những vật chất này mắt chúng ta có thể thấy và có thể tiếp xúc trong xúc chạm nắm giữ được. Ba pháp ấn này không ngoài ấn định chúng nhận để cho hành giả phân biệt được cái nào là chân lý cái nào thuộc ma vương nói ra cho các hành giả chúng ta phân biệt lựa chọn trên bước đường tìm về giải thoát mà không sợ nhầm lẫn. Đây là ba pháp ấn mà cả Tiểu thừa lẫn Đại thừa đều chấp nhận, ngoài ba pháp ấn này ra nếu cộng thêm Nhất thiết hạnh khổ thì gọi là bốn pháp ấn; từ bốn pháp ấn thêm vào Nhất thiết pháp không thì gọi là năm pháp ấn. Đó là những phạm trừ thường thấy trong kinh điển của đức Phật còn để lại, cho dù là bốn hay là năm, chúng vẫn không ra ngoài ba pháp ấn này.

# THÂN ĐẸP MÀ TIẾNG LẠI HAY

## Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trong các pháp thoại, Thế Tôn thường hay sử dụng thí dụ và tương ứng. Nhờ dùng các hình ảnh gần gũi trong cuộc sống để minh họa nên thính chúng dễ liên hệ, nắm được ý nghĩa thâm thúy mà Ngài muốn trao truyền. Nói về việc tu tập gìn giữ oai nghi thuộc hình tướng bên ngoài cùng khả năng giữ giới, học pháp và thuyết pháp của các Tỳ-kheo, Thế Tôn mượn hình ảnh bốn loài chim "hót hay mà thân xấu, thân đẹp mà tiếng dở, tiếng dở mà thân cũng xấu, thân đẹp mà tiếng cũng hay".

"Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo nên biết, có bốn loại chim. Thế nào là bốn? Hoặc có chim tiếng hót hay mà thân xấu. Hoặc có chim thân đẹp mà tiếng dở. Hoặc có chim tiếng dở mà thân cũng xấu. Hoặc có chim thân đẹp mà tiếng cũng hay.

Thế nào là chim tiếng hay mà thân xấu? Đó là chim câu-si-la. Chim này tiếng hay mà hình xấu. Thế nào là chim hình đẹp mà tiếng dở? Là chim chí. Chim này thân đẹp mà tiếng dở. Thế nào là chim thân xấu mà tiếng cũng dở? Đó là chim thể cưu. Chim này tiếng dở mà hình cũng xấu. Lại có chim gì tiếng hay mà thân cũng đẹp? Đó là chim không tước vạ. Chim này tiếng hay mà thân cũng đẹp.

Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn loại chim này, nên cùng hiểu biết. Đây cũng như thế, thế gian cũng có bốn hạng người như chim. Thế nào là bốn?

Ở đây, hoặc có Tỳ-kheo nhan mạo đoan chánh, ra vào, đi đến, đắp y, ôm bát, co duỗi, cúi ngược, oai nghi thành tựu, nhưng lại chẳng thể phúng tụng các bài kinh pháp của mình, ban đầu lành, giữa lành, cuối lành; chẳng thể vâng lời pháp dạy, cũng lại chẳng thể khéo phúng tụng, đọc. Đó là người có thân đẹp mà tiếng chẳng hay.

Lại người nào tiếng hay mà thân xấu? Hoặc có một Tỳ-kheo ra vào, đi đến, co duỗi, cúi ngược, đắp y, ôm bát, oai nghi không thành tựu, hằng ưa nói rộng. Nhưng người ấy tinh tấn trì giới, nghe pháp có thể biết bài học, nghe nhiều các pháp của mình, đầu lành, giữa lành, cuối lành, nghĩa lý thâm sâu, tu Phạm hạnh đầy đủ, mà lại khéo giữ, khéo tụng pháp kia. Đó là người có tiếng hay mà thân xấu.

Lại có người nào tiếng dở, thân cũng xấu? Hoặc có một người phạm giới, chẳng tinh tấn, chẳng nghe nhiều, nghe được liền quên. Người ấy ở pháp này, đáng lẽ phải hành Phạm hạnh đầy đủ, nhưng chẳng chịu vâng nhận. Đó là người có tiếng dở, thân cũng xấu.

Lại có hạng người nào tiếng hay, thân cũng đẹp? Hoặc có Tỳ-kheo dung mạo đoan chánh, ra vào, đi đến, đắp y, ôm bát, chẳng liếc nhìn hai bên mà lại tinh tấn tu hành pháp lành, giới luật đầy đủ.

Thấy phi pháp một chút ôm lòng sợ hãi hướng là việc lớn; cũng lại đa văn, nghe nhận chẳng quên, các pháp có được: đầu lành, giữa lành, cuối lành, tu hành điều lành này. Pháp như thế khéo phúng tụng, đọc. Đó là người có tiếng hay, thân cũng đẹp.

Đó là thế gian có bốn hạng người này ở đời, các thầy nên cùng hay biết. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy học tiếng hay mà thân cũng đẹp. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm".

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm 25. Tứ đế, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr. 563)

Trước hết, người tu hành phải thành tựu oai nghi, tế hạnh. Chính oai nghi bên ngoài phản ánh rõ nét sự nghiêm trì giới luật và nội tâm thanh tịnh bên trong. Oai nghi, tế hạnh còn thô tháo, chắc chắn người ấy nội tâm chưa thuần. Chỉ cần thân giáo thổi, "Tỳ-kheo nhan mạo đoan chánh, ra vào, đi đến, đắp y, ôm bát, co duỗi, cúi ngược, oai nghi thành tựu" cũng đã khiến cho nhiều người phát khởi tịnh tín Tam bảo. Tôn giả Xá-lợi-phất xưa kia, cảm phục oai nghi thanh thoát của ngài A-thuyết-thị (Assaji) mà về với Phật.

Thành tựu oai nghi tế hạnh rồi, Tỳ-kheo nghiêm trì giới luật, nỗ lực học tập cũng như thực hành và trao truyền Chánh pháp. Như loài chim không tước thân đẹp mà tiếng cũng hay. Tiếng hay tức "khéo tụng pháp kia" là viết sách, thuyết pháp, tụng đọc kinh điển, tìm một phương cách nào đó để trao truyền Chánh pháp đến với mọi người. Cần nói ra những điều mình hiểu và kinh nghiệm thực hành giáo pháp riêng mình mới thực sự là tiếng hay. Nói suông, nói những điều mà mình chưa làm được tuy cũng có lợi ích nhưng sẽ khó thuyết phục, giúp người tinh thức.

Nhà thiền có câu "hạnh giải tương ứng". Có thể xem việc tu tập oai nghi, giữ gìn giới luật và trao truyền Chánh pháp là hành trang thiết yếu của người học Phật để thành tựu tự lợi và lợi tha, tự giác và giác tha viên mãn.



## SỰ THẬT CHỨNG MINH

*Trong nhà một nhóm ngồi quanh  
Phẩm bình đức hạnh một anh ở ngoài  
Một người lên tiếng chê bai:  
“Anh này mọi việc trên đời đều hay  
Trừ hai điều đáng chê thay  
Một là sân hận nổi ngay dễ dàng  
Hai là lỗ mãng vô vàn  
Mỗi khi chạm việc liên quan đến mình.”  
Người này đang kể sự tình  
Thời anh chàng đó thình lình đi ngang  
Bên tai nghe lọt rõ ràng  
Đùng đùng nổi giận vội vàng ra tay  
Nhảy chồm ngay vào nhà này  
Túm người đang nói trong đây đánh liền  
Miệng thời la hét cuồng điên:  
“Ta nào sân hận, chớ nên nói càn  
Ta nào lỗ mãng hung tàn!”  
Mọi người quanh đó can ngăn thốt lời:  
“Hãy nhìn hành động của người  
Những gì hiện tại tức thời chứng minh  
Hận sân, lỗ mãng đầy mình  
Người ta bình phẩm quá tình chẳng sai.”*

\*

*Trần gian tội lỗi lắm người  
Suốt ngày trác táng, cả đời say sưa  
Nào đâu tự nhận thói hư  
Chẳng ung chỉ trích, không ưa phê bình  
Nghe chê, xấu hổ, bực mình  
Giận lên tìm cách gian manh trả thù  
Khó mà tiến trên đường tu,  
Dấn sâu cõi ác vốn từ xưa kia  
Gánh vào hậu quả nào nề!*

*thơ*

## TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa Kinh Bách Dụ)

## COMMENTING ON SOMEONE'S QUICK TEMPER

Once a group of people sat in a house commenting on someone as being of good virtue except for two faults:

First, he was quick-tempered. Second, he was impulsive.

At the time, this man happened to pass by the door and heard the comment. He entered the house, grabbed the man who had criticized him, and started to beat him.

Thereupon one bystander asked why he beat the man.

He replied, "When did I ever lose my temper or act impulsively? This man said: I often did so. That's why I have beaten him."

The bystander pointed out, "Your action at once demonstrates that you have often lost your temper and acted impulsively. Why do you still want to conceal your character from others?"

This man who resents to having his faults exposed, often leads people to lay all the blame for the stupidity and foolishness on him.

People, who are addicted to drinking and other debaucheries, when scolded by others, strongly hate their critics in turn. Moreover, they try desperately to justify themselves by bringing forward all sorts of excuses. Those men are just like that stupid man who disliked hearing about his faults discussed.

(Trích dẫn "SAKYAMUNI'S ONE HUNDRED FABLES" do Tetcheng Liao,  
Tiến Sĩ Luật Khoa Viện Đại Học Paris dịch)





# The Story of Five Hundred Bhikkhus

## *Dhammapada, Verse 377*

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (377) of this book, with reference to five hundred bhikkhus.

Five hundred bhikkhus from Savatthi, after taking a subject of meditation from the Buddha, set out for the forest to practise meditation. There, they noticed that the jasmine flowers which bloomed in the early morning dropped off from the plants onto the ground in the evening. Then the bhikkhus resolved that they would strive hard to free themselves from all moral defilements even before the flowers were shed from the plants. The Buddha, through his supernormal power, saw them from his Perfumed Chamber. He therefore sent forth his radiance to them and made them feel his presence. To them the Buddha said, "Bhikkhus! As the withered flower is shed from the plant, so also, should a bhikkhu strive to free himself from the round of rebirths."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

**Verse 377:** O bhikkhus! As the jasmin (vassika) plant sheds its withered flowers, so also, should you shed passion and ill will.

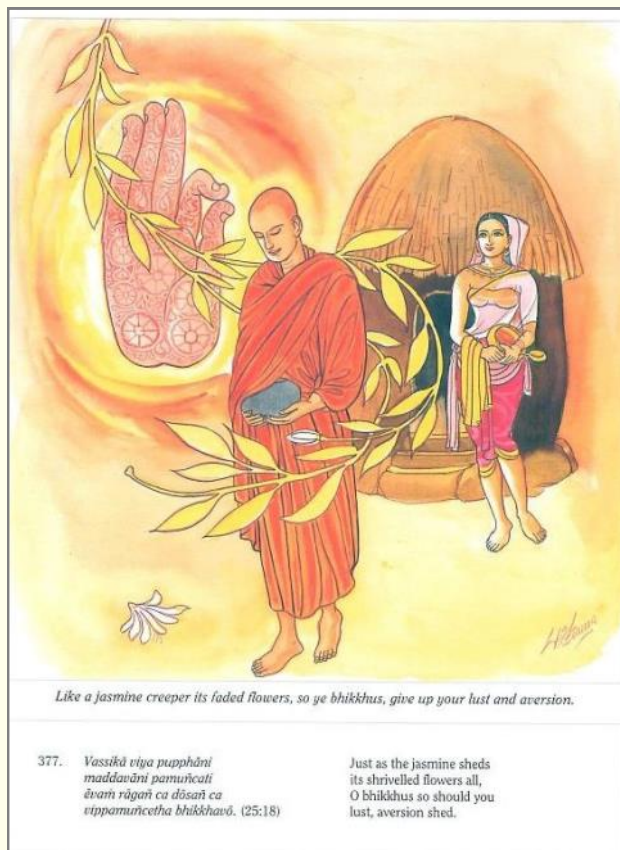
At the end of the discourse the five hundred bhikkhus attained arahatship.

Translated by

**Daw Mya Tin, M.A.,**

Burma Pitaka Association,

Rangoon, Burma.



*Từ cú lục bát “HOA”*  
*thơ VĨNH HỮU TÂM KHÔNG*



**NIÊM HOA**

*Cười ngất ngưỡng với héo tươi  
Cười đau đớn ngộ, cười ruồi nhiếp tâm  
Như Lai chúm chím hoa cầm  
Nụ cười Ca Diếp hành thâm pháp Thiên.*

**SƯ TÔ**

*Chín năm vách đá soi nhìn  
Chân như vô niệm, tỉnh tỉnh niết bàn  
Hoa khai kiến Phật mở toang  
Thiên tông trực chỉ nẻo đường khai tâm!*

**TỐI & SÁNG**

*Thì thôi nhắm mắt đưa liều  
Hai chân chạm phải ít nhiều hên xui  
Một là hăm hồ tối thui  
Hai là hoa nở bùng trời trong veo!*

**NỞ MUỘN**

*Rời nhau gửi một hẹn thề  
Vài mươi năm mới tin về xe hoa  
Duyên tình tan mất xưa xa  
Mừng em nở muộn, tôi già nặng lưng.*

**LUU ẢNH**

*Chợt khuya xuân cũ lay tình  
Hoa thơm sân nắng vườn xanh quê nghèo  
Nhật nhòa bru ánh dầy rêu  
Bóng hình thôn nữ ít nhiều đã phai.*

**GỌI KHÔNG VỀ**

*Loay hoay tiền bạc, bạc tiền  
Cánh hoa tàn héo bên đèn ủ ê  
Khóc thầm bóng chiếc giữa khuya  
Thơ đi hoang gọi không về hút tằm.*

**KIỆP HOA**

*Ngàn hoa rụng, ngàn hoa khai  
Hôm qua thơm nức, ngày mai xuống đường  
Trôi ra biển, về với rừng  
Dòng đời đùn đẩy không ngừng kiếp hoa.*

**VÔ DUYÊN**

*Bạt ngàn cỏ úa thảo nguyên  
Đóa hoa khát vọng chao nghiêng giang hồ  
Chiêu chờ vờ ánh sao mờ  
Chuyến bay định mệnh hững hờ vụt qua...*

**NHỚ**

*Quay về với thuở tóc xanh  
Giàn hoa gai góc, khoảng sân gạch màu  
Tháng ngày âm đạm bẻ dâu  
Nhớ căn bếp bụi vương sầu lạnh tro.*

**LẠC QUAN**

*Từ trong ổ nát hoang tàn  
Từ sâu hầm hố thịt tan xương bầy  
Nụ cười xua gió đẩy mây  
Mong đời tươi sáng, đón ngày hoa khai.*

**NỤ CƯỜI**

*Nụ cười khai nở bên hoa  
Nhịn nhường nhân nhục bỏ qua ngàn điều  
Cười khi mắt mắt, túng nghèo  
Mạn thuyền sóng vỗ mái chèo hiên ngang.*

**SEN**

*Em quỳ rạng rỡ nét vui  
Như sen một đóa vừa ngoi khỏi bùn  
Chấp tay tâm sáng diệu thường  
Tâm quý hướng thiện giữa đường tôi qua.*

**KHÔNG ĐỀ**

*Bèo xanh nương tựa xanh bèo  
Hoa vàng tự độ, mái chèo tự khua  
Trong ngàn, bản đục, nắng mưa  
Đóa hoa tươi tắn, sân chùa tịch yên.*

**BAY VÀ RƠI**

*Vút lên cao chín tầng trời  
Tình ca vang vọng những lời yêu đương  
Ái biệt ly khổ lệ tuôn  
Tình rơi rớt rụng xuống vườn hoa khai.*

**ĐÓN**

*Tuyết trần hoa nở chào đêm  
Vườn sau ứ rác nhũn mềm nhóp nhơ  
Trăng soi ma mị mập mờ  
Triều dương tôi đón vãn thơ nắng hiền.*

**NGỘ**

*Rừng rùng rợn tưởng khỉ lai  
Rừng hoang biển chết, hoa khai thơm lừng  
Câu kinh huyền nghĩa sáng bùng  
Ba ngàn thế giới tắt đèn sát na!*

# SƠ QUÁT VỀ CỘI NGUỒN VỌNG TƯỚNG QUA DUY THỨC HỌC

*Khánh Hoàng*

TỰ TƯỜNG PHẬT HỌC

*(tiếp theo và hết)*

Có thể cho rằng 13 tâm sở có thêm nơi Mạt Na thức này đều được sinh khởi, phát triển ra từ cội nguồn là tâm sở Tư, tâm sở Biển Hành có mặt nơi A Lại Da thức và nơi Mạt Na thức, nên chúng nhận tâm sở Tư là Chánh Nguồn và nhận tâm sở Tướng là Sơ Nguồn. Duy Thức Tam Thập Tụng có bài kệ về Mạt Na thức cùng 18 tâm sở tương ứng như sau:

*"Thứ đệ nhị năng biến  
Thị thức danh Mạt na  
Y bị chuyển duyên bị  
Tư lương vi tánh tướng*

*Tứ phiền não thường câu  
Vị Ngã si, Ngã kiến  
Tinh Ngã mạn, Ngã ái  
Cập dữ Xúc đẳng câu*

*Hữu phú vô ký nhiếp  
Tùy sở sanh sở hệ  
A la hán Diệt định  
Xuất thế đạo vô hữu."*

Tạm dịch:

"Thứ Năng Biến thứ hai  
Thức này tên Mạt Na  
Nương A Lại Da rồi lại duyên A Lại Da  
Tánh tướng là tư lương

Thường cùng bốn phiền não  
Là Ngã Si, Ngã Kiến  
Thuần Ngã Mạn, Ngã Ái  
Cùng gắn liền với 5 Biển Hành

Nhiếp trì tánh Hữu Phú - Vô Ký  
Tùy chỗ nào khởi sanh, chỗ đó hệ thuộc  
Bậc A La Hán, Diệt Tận Định  
Đạo Xuất Thế Gian, không còn có Thức này."

Thức Mạt Na được cảm nhận là Hành Âm vì nó là dòng chuyển biến của nguồn năng lượng vô tận từ nơi vô lượng chủng tử rất nhanh nhạy, rất vi tế, khó nhận biết của tâm thức A Lại Da. Kinh Thủ Lăng Nghiêm gọi Hành Âm (Mạt Na thức) với tên gọi là U Ẩn Vọng Tướng (vọng tướng u nhàn, ẩn mật, mờ tối, bị khuất lấp, khó nhận biết), tượng trưng cho Chúng Sinh Trước (lớp uế trước về sự thọ nhận thân phận chúng sinh, có sinh rồi có diệt cùng với bao điều xấu ác nơi thân tâm).

Nhìn chung, tâm sở Tướng nơi Mạt Na thức tạm nêu có 4 đặc điểm:

Đặc điểm 1: Tâm sở Tướng nơi Mạt Na thức

được xuất sinh từ vô lượng chủng tử tàng trữ sẵn có nơi A Lại Da thức. Do vậy nó có tính cách giống như là bất tận, như dòng nước chảy ào ạt, dữ dội từ ống nước thông với biển cả tâm thức khiến cho dòng Tướng này cứ chảy mãi miết, liên tu bất tận, không ngưng nghỉ.

Đặc điểm 2: Tâm sở Tướng nơi Mạt Na thức có tướng trạng được thể hiện như một dòng Tướng chảy liên tục nên được xem là rõ nét, đậm đà hơn so với tướng trạng bọt Tướng, tằm Tướng nơi A Lại Da thức. Lý do là Mạt Na thức luôn có khuynh hướng chấp Ngã, chấp trước vào 2 bên (Năng-Sở, Bi-Thử...) khiến cho 5 Biển Hành tâm sở nơi A Lại Da thức từ trạng thái mênh mang, nhẹ nhàng trở nên có chút nặng nề hơn khi được chuyển hóa thêm ra, tạo thành 18 tâm sở nơi Mạt Na thức. 18 tâm sở này cũng có thể được xem là 18 sắc thái, 18 giai điệu tâm thức khiến phong phú hóa và cường lực hóa cho tâm sở Tướng nơi Mạt Na thức. Tuy vậy, cũng giống như ở A Lại Da thức, tâm sở Tướng nơi Mạt Na thức cũng chưa có đủ sức gây tạo, hình thành nên các chủng tử mới.

Đặc điểm 3: Sự đậm nét rõ ràng hơn của tâm sở Tướng nơi Mạt Na thức lại gắn liền với tính chất phiền não, gây tạo khổ đau từ chính nó và cho chính nó. Điều này được thể hiện rõ là trong 18 Tâm Sở của Mạt Na thức có đến 12 Tâm Sở (12/18 = 2/3) thuộc về nhóm Tâm Sở Phiền Não. Như thế ở A Lại Da thức, tâm sở Tướng đã sẵn mang tính cách điên đảo, nay qua đến Mạt Na thức, lại mang thêm tính cách u buồn, não phiền, tăm tối, ẩn khuất (U Ẩn Vọng Tướng).

Đặc điểm 4: Tâm sở Tướng nơi Mạt Na thức có quan hệ mật thiết với khuynh hướng chấp Ngã. Khuynh hướng này không có ở A Lại Da thức, mà chỉ bắt đầu xuất hiện ở Mạt Na thức khi Mạt Na thức trụ nương, chấp mắc vào Kiến phần của A Lại Da thức rồi khiến phát sinh Ngã Tướng. Từ Ngã Tướng (tướng chúng sinh này) lại sẽ có thêm Nhân Tướng (tướng chúng sinh kia), Chúng Sinh Tướng (tất cả các tướng chúng sinh này và tướng chúng sinh kia hợp lại), Thọ Giả Tướng (khoảng thời gian hiện hữu lâu mau của Chúng Sinh Tướng). Bốn tướng này chính là cơ sở tiền đề của Chúng Sinh Trước vừa được đề cập bên trên.

Thế nhưng khi theo nghiệp tái sinh vào trong



thể gian, thân và tâm của chúng sinh dần dà được kết tụ, hình thành thì 2 lớp Âm (Thức Âm, Hành Âm), 2 lớp Tướng (Điền Đào Vọng Tướng, U An Vọng Tướng) của 2 thức A Lại Da và thức Mạt Na chưa dừng lại nơi đó mà còn tiếp tục được bồi đắp thêm 3 lớp Âm, 3 lớp Tướng nơi Tiền Lục Thức (Đệ Tam Năng Biến, Thức Năng Biến Thứ Ba).

Tiền Lục Thức chính là 6 nguồn thức để nhận biết, phân biệt trần cảnh bên ngoài và được gắn mắc, nương gá vào 6 cơ quan nơi thân: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân và Bộ Óc (Não Bộ) cùng hệ thống dây thần kinh tương quan. Do vậy, Tiền Lục Thức có tánh Hữu Phú (có chỗ nương trụ), Hữu Ký (có phân biệt về thiện, ác, và vô ký) khác với A Lại Da thức (Vô Phú, Vô Ký), và khác với Mạt Na thức (Hữu Phú, Vô Ký). Duy Thức Tam Thập Tụng có bài kệ về thức Đệ Tam Năng Biến như sau:

*"Thức Đệ Tam Năng Biến  
Sai biệt hữu lục chủng  
Liễu cảnh vi tánh tướng  
Thiện, bất thiện, câu phi."*

Tạm dịch:

"Thức Năng Biến thứ ba  
Có sáu thứ sai biệt  
Tánh tướng là rõ cảnh  
Thiện, Ác cùng Vô Ký."

Tùy vào các giai đoạn hình thành và phát triển công năng liễu cảnh, Tiền Lục Thức được phân định ra 2 nhóm là Tiền Ngũ Thức (5 Thức Trước) và Ý Thức (Đệ Lục Thức).

Tiền Ngũ Thức nương dựa vào A Lại Da thức mà phát khởi; 5 thức này khởi phát đồng thời (như vừa nhìn, vừa nghe...), hoặc không đồng thời (như chỉ nhìn, hoặc chỉ nghe...) và được ví như sóng nước biển trên mặt biển A Lại Da, trong bài kệ của Duy Thức Tam Thập Tụng sau:

*"Y chỉ Căn Bản Thức  
Ngũ thức tùy duyên hiện  
Hoặc câu hoặc bất câu  
Như đào ba y thủy"*

Tạm dịch:

"Nương vào Căn Bản Thức  
Năm thức hiện theo duyên  
Hoặc cùng hoặc chẳng cùng  
Như sóng nương trên nước."

Tiền Ngũ Thức đóng vai trò thu gom, đón nhận trần cảnh tiếp xúc được từ bên ngoài rồi đưa vào Ý thức tổng hợp, chọn lọc, và phát triển ra thành những nhận thức, những nhận định, những phân biệt qui mô, chính xác. Theo *Bát Thức Quy Củ Tụng* (Tác giả: Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang [602-664]), Tiền Ngũ Thức được xem là có 34 tâm sở qua 2 câu:

*"Biển Hành, Biệt Cảnh, Thiện thập nhất  
Trung nhị, Đại bát, Tham Sân Si"*

Tạm dịch:

"Biển Hành, Biệt Cảnh, Thiện mười một  
Hai Trung, tám Đại, Tham Sân Si."

Như thế, 34 tâm sở nơi Tiền Ngũ Thức bao gồm:

5 tâm sở Biển Hành gồm: 1. Xúc, 2. Tác Ý, 3. Thọ, 4. Tướng, 5. Tư. 5 tâm sở này xuất sinh và chuyển hóa trọn vẹn từ A Lại Da thức và Mạt Na thức (đã đề cập ở phần A Lại Da thức);

5 tâm sở Biệt Cảnh gồm: 1. Dục, 2. Thắng

Giải, 3. Niệm, 4. Định và 5. Huệ. (đã đề cập ở phần Mạt Na thức). Như thế Tiền Ngũ Thức có số lượng tâm sở Biệt Cảnh nhiều hơn so với A Lại Da thức (A Lại Da thức không có tâm sở Biệt Cảnh), và nhiều hơn cả với Mạt Na thức (Mạt Na thức chỉ có tâm sở Huệ);

11 tâm sở Thiện gồm: 1. Tín = Tâm tin vào chơn lý, đạo lý, vào Tam Bảo; 2. Tàm = Tâm tự hổ thẹn với chính mình; 3. Quý = Tâm xấu hổ với người khác; 4. Vô Tham = Tâm không tham cầu; 5. Vô Sân = Tâm không giận dữ; 6. Vô Si = Tâm không u tối; 7. Cần = Tâm tinh tấn, chuyên cần; 8. An = Tâm an lành, nhẹ nhàng; 9. Bất Phóng Dật = Tâm không giải đãi, buông lung, phóng túng; 10. Hành Xả = Tâm buông bỏ, không chấp trước, vướng víu, níu kéo; và 11. Bất Hại = Tâm không làm tổn thương, thiệt hại đến các chúng sanh khác. Như thế phải đến Tiền Ngũ Thức mới có hiện diện 11 tâm sở Thiện (vì cả 2 thức A Lại Da và thức Mạt Na đều không có Thiện tâm sở);

8 tâm sở Đại Tỳ Phiền Não: (đã đề cập ở phần Mạt Na thức), Tiền Ngũ Thức có số lượng tâm sở Đại Tỳ Phiền Não bằng với Mạt Na thức và nhiều hơn so với A Lại Da thức (thức A Lại Da không có Đại Tỳ Phiền Não tâm sở);

2 tâm sở Trung Tỳ Phiền Não: (đã đề cập ở phần Mạt Na thức), Tiền Ngũ Thức có số lượng tâm sở Trung Tỳ Phiền Não nhiều hơn Mạt Na thức và A Lại Da thức (cả 2 thức A Lại Da và thức Mạt Na đều không có Trung Tỳ Phiền Não tâm sở);

3 tâm sở Căn Bản Phiền Não của Tiền Ngũ Thức chỉ bao gồm: 1. Tham, 2. Sân, và 3. Si (đã đề cập ở phần Mạt Na thức). Tiền Ngũ Thức có số lượng Căn Bản Phiền Não nhiều hơn so với thức A Lại Da (A Lại Da thức không có Căn Bản Phiền Não) và ít hơn so với thức Mạt Na (thức Mạt Na không có tâm sở Sân nhưng có thêm 2 tâm sở Mạn và Kiến).

Tiền Ngũ Thức nương gá nơi nhục thân nên thuộc về Sắc Ấm. Kinh Thủ Lăng Nghiêm gọi Sắc Ấm là Kiên Cố Vọng Tướng. Gọi là Kiên Cố vì đây là loại vọng tướng khó phá vỡ, loại vọng tướng có từ vô lượng kiếp trong quá khứ, loại vọng tướng giao kết chông chắt thêm vào vọng tướng của cha và của mẹ trong khi tái sinh. Kiên Cố Vọng Tướng tượng trưng cho Kiếp Trước, lớp uế trước về sự thọ nhận muôn vàn khổ đau, vô thường nơi thân phận chúng sinh.

Ngoài Tiền Ngũ Thức, Đệ Tam Năng Biến còn có thành phần cơ bản, rất trọng yếu là Ý Thức. Đây là tâm vương Đệ Lục Thức được nương gá vào bộ óc (não bộ), nơi có sự tương hệ mật thiết với các cơ quan khác trong toàn thân thể qua hệ thống dây thần kinh chằng chịt, phức tạp, và cũng là nơi có hoạt động gắn liền với 2 tâm vương Đệ Thất Mạt Na thức và Đệ Bát A Lại Da thức. Do Ý Thức là nơi 8 Thức Tâm Vương tụ hội, nơi đồn tụ, duy trì và phát triển tối đa tâm sở Tướng nói riêng và tất cả các tâm sở khác nói chung nên Ý Thức có đầy đủ tất cả 51 tâm sở của Duy Thức Học, bao gồm:

5 Biển Hành (Tác Ý, Xúc, Thọ, Tướng, và Tư) (đã đề cập ở phần A Lại Da thức);

5 Biệt Cảnh (Dục, Thắng Giải, Niệm, Định, và Huệ) (đã đề cập ở phần Mạt Na thức);

11 Thiện (Tín, Tàm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Cần, An, Bất Phóng Dật, Hành Xả và Bất

Hại) (đã đề cập ở phần Tiền Ngũ Thức);

6 Căn Bản Phiền Não: gồm 1. Tham, 2. Sân, 3. Si, 4. Mạn, 5. Nghi, và 6. Ác Kiến (đã đề cập ở phần Mạt Na thức);

20 Tùy Phiền Não, chia ra gồm 8 Đại Tùy Phiền Não: 1. Trạo Cử, 2. Hôn Trầm, 3. Bất Tín, 4. Giải Đãi, 5. Phóng Dật, 6. Thất Niệm, 7. Tấn Loạn, 8. Bất Chánh Tri (giống như nơi Mạt Na thức); thêm 2 Trung Tùy Phiền Não: 1. Vô Tàm, 2. Vô Quý (giống như nơi Tiền Ngũ Thức); và nay Ý Thức đặc biệt có thêm 10 Tiểu Tùy Phiền Não (1. Phẫn, 2. Hận, 3. Phú, 4. Não, 5. Tật, 6. Xan, 7. Cuống, 8. Siểm, 9. Hại, và 10. Kiêu) (20 Tùy Phiền Não này đã được đề cập ở phần Mạt Na thức). Quan trọng là 10 Tiểu Tùy Phiền Não không có hiện diện ở A Lại Da thức, ở Mạt Na thức, và cả ở Tiền Ngũ Thức. Chúng chỉ xuất hiện nơi Ý thức và là một nét vô cùng độc đáo, đặc sắc của Ý thức vì chúng đã đưa sự rõ biết cảnh trần (Liễu Biệt Cảnh) đến tận cùng qua các tâm sở có phạm vi tương ứng nhỏ nhiệm, cụ thể nhất. Thí dụ: tâm sở Phẫn không thể hiện hữu mà không có đối tượng cụ thể mà phải là có thấu suốt rõ ràng phần về việc gì, phần với ai, phần trong hoàn cảnh, trường hợp nào.

4 tâm sở Bất Định: gồm 1. Hối = là tâm nuôi tiếc những sự việc, sự vật thiện hay bất thiện đã trải qua; 2. Miên = là tâm không tỉnh giác, mệt mỏi, buồn ngủ; 3. Tâm = là tâm tìm tòi, truy cứu để liễu tri; và 4. Tứ = là tâm cảm nhận, dò xét, tìm hiểu tinh tế và đánh giá đối tượng được tìm thấy. Gọi là Bất Định vì các tâm sở này không nhất định là thiện hay bất thiện, cũng không nhất định là thuộc về ngoại trần cảnh hay nội tâm thức. Cũng như 10 Tiểu Tùy Phiền Não, 4 tâm sở Bất Định này không có hiện diện ở A Lại Da thức, ở Mạt Na thức, và cả ở Tiền Ngũ Thức. Chúng chỉ xuất hiện nơi Ý thức và cũng làm nên nét đặc sắc quan trọng khác của Ý thức vì chúng đã mở rộng thêm phạm vi về thời gian và về không gian cho tâm sở Tưởng nói riêng cũng như cho tất cả các tâm sở khác của Ý thức nói chung. Thí dụ tâm sở Hối là tâm thức quay ngược vào quá khứ với xiết bao sự việc, cảnh vật, tình huống đã trải nghiệm qua; tâm sở Tâm và tâm sở Tứ là hướng về tương lai cũng với xiết bao sự việc... sẽ thực hiện.

Ý thức thường xuyên hiện hữu, ngoại trừ trong 5 trường hợp là: 1. Sanh ở cõi trời Vô Tưởng; 2. và 3. Ở 2 Vô Tâm Định (là Vô Tưởng Định và Diệt Tận Định, cả 2 đều không còn có sự hiện hữu của Tiền Lục Thức); 4. Ở ngũ say; và ở 5. Ở chết ngắt. Như trong bài kệ của Duy Thức Tam Thập Tụng sau:

*"Ý thức thường hiện khởi  
Trừ sanh Vô Tưởng thiên  
Cập Vô Tâm nhị định  
Thùy miên dữ muộn tuyệt."*

Tạm dịch:

"Ý thức thường khởi hiện  
Ngoại trừ sanh nơi cõi trời Vô Tưởng  
Cùng hai định Vô Tâm  
Ngủ say với chết ngắt."

Ý thức được cảm nhận gồm cả 2 Ấm là Thọ Ấm và Tưởng Ấm. Lý do là 5 loại cảm thọ (Ưu thọ, Khổ thọ, Hỷ thọ, Lạc thọ, và Xả thọ) và tất cả hoạt động về tư tưởng của não bộ đều được xuất hiện, nhận biết và phân biệt thông qua Ý thức.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm gọi Thọ Ấm và Tưởng Ấm với tên gọi lần lượt là "Hư Minh Vọng Tưởng" và "Dung Thông Vọng Tưởng". Hư Minh Vọng Tưởng là lớp vọng tưởng mờ tối, hư huyền; là cái rõ biết ("minh") về những cảm thọ vốn là hư vọng, không có thực thể ("hư"). Hư Minh vọng tưởng tương trưng cho Kiến Trước (lớp uế trước về sự thấy biết sai lầm, không đúng với chân tướng, thực tướng của vạn pháp). "Dung Thông Vọng Tưởng" là lớp vọng tưởng liền lạc, hòa nhập, thông suốt không chướng ngại, biến hóa khắp thân tâm, khắp trần cảnh. Dung Thông Vọng Tưởng tương trưng cho Phiền Não Trước (lớp uế trước do nơi phiền não, tướng niệm lấp che Giác Tính).

Nhìn chung, tâm sở Tưởng nơi Tiền Lục Thức tạm nêu có 5 đặc điểm:

**Đặc điểm 1:** Tâm sở Tưởng nơi Tiền Lục Thức là sự tiếp nối trọn vẹn và có thêm sự phát triển rộng lớn, sâu sắc, tinh tế trong dòng tư lượng cuộn chảy ào ạt, dữ dội, mài miết, liên tu bất tận, không ngưng nghỉ từ tâm sở Tưởng nơi cội nguồn là 2 thức Năng Biến thứ nhất (A Lại Da thức) và thức Năng Biến thứ hai (Mạt Na thức).

**Đặc điểm 2:** Khác với cảnh giới của thức A Lại Da và thức Mạt Na chỉ thuần là nơi nội tâm với những nét hành chuyển tâm thức còn mơ hồ, u huyền, ẩn khuất; thì khi qua đến Tiền Lục Thức, cảnh giới này đã được mở sâu, mở rộng thêm ra bên ngoài trần cảnh có tính cách cụ thể hơn. Điều này khiến cảnh giới của Tiền Ngũ Thức có thêm muôn vàn các hình ảnh, các sắc thái, các tướng trạng rõ ràng, với đầy đủ hình tướng, sắc màu, âm thanh, hương vị, xúc chạm... được thu thập từ xiết bao trần cảnh bên ngoài nơi vũ trụ, không gian, núi sông, mây nước, cây cỏ, hoa lá, con người, thú vật...

**Đặc điểm 3:** Do cảnh giới của Tiền Lục Thức vừa là nội tâm, vừa là ngoại trần nên tâm sở Tưởng và dòng tư lượng nơi Tiền Lục Thức cũng được phát triển vô cùng mạnh mẽ, phong phú. Điều này được thấy rõ qua sự phát triển về số lượng (và cả về chất lượng) các tâm sở nơi 3 thức Năng Biến: nơi thức A Lại Da chỉ có 5 tâm sở, Mạt Na thức có 18 tâm sở; còn nơi Tiền Lục Thức, Ý thức có đầy đủ 51 tâm sở. Chợt tiết hơn, từ Mạt Na thức với 18 tâm sở qua đến Ý thức với 51 tâm sở có độ cách biệt (có thêm) là 33 tâm sở. Vậy 33 tâm sở này có thể được dùng làm sự biểu hiện của công năng liễu cảnh của Tiền Lục Thức. 33 tâm sở này bao gồm:

4 tâm sở Biệt Cảnh: Dục, Thắng Giải, Niệm, và Định

2 tâm sở Căn Bản Phiền Não: Sân, và Nghi

11 tâm sở Thiên: Tín, Tàm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Cần, An, Bất Phóng Dật, Hành Xả, và Bất Hại

2 tâm sở Trung Tùy Phiền Não: Vô Tàm, Vô Quý

10 tâm sở Tiểu Tùy Phiền Não: Phẫn, Hận, Phú, Não, Tật, Xan, Cuống, Siểm, Hại, và Kiêu;

4 tâm sở Bất Định: Hối, Miên, Tâm, và Tứ.

**Đặc điểm 4:** Tiền Lục Thức nói chung và Ý thức nói riêng là nơi tụ hội của 3 nguồn thức Năng Biến. Mỗi nguồn thức lại có một sự chấp mắc riêng biệt, không giống nhau: thức A Lại Da (Năng Biến 1) chấp mắc vào chủng tử nghiệp thức, thức Mạt Na (Năng Biến 2) chấp Ngã, thức Năng Biến 3

chia ra có Tiên Ngũ Thức chấp cảnh trần (chấp cảnh), còn Ý thức chấp pháp trần (chấp pháp). Tất cả sự chấp mắc, vướng víu này thể hiện các hành tướng, hiện tướng của tâm sở Tướng tập trung nơi Ý thức. Điều này khiến nếu cho tâm sở Tướng nơi A Lại Da thức ví như các bọt nước, tấm nước nơi mặt biển âm thầm, phẳng lặng thì Tướng ở nơi Ý thức lại được xem là các cơn sóng ào ạt nhất, lớn lao nhất, dữ dội, có khi điên cuồng nhất.

**Đặc điểm 5:** Chính do bản thân, bản chất là các cơn sóng lớn nên tâm sở Tướng nơi Tiên Lục Thức có tính cách kết nghiệp, gây tạo nghiệp thức rất mạnh mẽ. Nghiệp thức lâu ngày, năm này tháng nọ, lại được kết tinh thành các chủng tử. Các chủng tử kết tinh này do là sản phẩm từ tâm thức nên không thể bị tiêu hao, hủy diệt bởi bất kỳ phương tiện nào ở bên ngoài mà chúng chỉ có thể được chuyển hóa từ công phu thiền định nội tại. Tiến trình chuyển hóa này chỉ có thể thành tựu nơi quả vị A La Hán, sau khi đã Kiến Tánh, được gọi là "Chuyển Thức thành Trí" trong Duy Thức Học; chuyển Ý thức thành "Diệu Quán Sát Trí", chuyển Mạt Na thức thành "Bình Đăng Tánh Trí", chuyển Tiên Ngũ Thức thành "Thành Sở Tác Trí", và chuyển A Lại Da thức thành "Đại Viên Cảnh Trí".

Trong nhà Thiền có câu chuyện kể:

"**Tăng hỏi tổ Hoàng Bá:** 'Vọng tưởng hay chướng ngại tâm. Lấy gì để trừ vọng?'"

**Tổ đáp:** 'Nếu khởi tâm muốn trừ vọng, là đã có thêm một lớp vọng.'

*Vọng vốn không có gốc, vì nó chỉ do nơi phân biệt mà có. Nếu ở hai đầu phạm thánh mà không có khởi tâm suy lường, nhớ nghĩ thì tự nhiên không có vọng. Đâu cần phải tính toán trừ bỏ nữa..."*

Tựu trung, trong hào quang Phật đạo Đại Tử, Đại Bí soi rọi; khi ngay cả thức A Lại Da chưa là Chơn Tâm mà chỉ là Vọng thức và khi cả kho tàng vô lượng chủng tử, tập khí nghiệp thức cũng chỉ là các kết tinh từ vọng ngã, vọng tưởng, vọng tình... hư vọng chấp mắc, vướng víu, đan bện vào nhau nơi tâm thức hàng ngày của chúng sinh; lại có điều oái oăm, đau đớn là những hư vọng này lại có thể khiến chúng sinh cứ phải trôi lăn, găng kết vào vòng sinh tử luân hồi vô tận. Chỉ khi nào tâm thức chúng sinh có khả năng ngược dòng cuộn chảy ào ạt, không ngừng nghỉ của 7 Chuyển Thức; rồi ngược dòng tư lương của Tiên Lục Thức và của Mạt Na thức; vượt qua 5 lớp Âm, 5 lớp Vọng Tướng, 5 lớp Trước mà trở về tầm mắt nơi biển lớn A Lại Da thức ảo huyền cùng với phước trí, thiện duyên đầy đủ; một lúc nào đó, sương tuyết rã tan, khói bụi không còn, bỗng lại nhận ra được cội nguồn chơn tâm thường hằng thanh tịnh vậy.

**Khánh Hoàng**

Plano \_ October 02, 2023

## TRỪNG DƯƠNG

*Một bản thể trùng dương*

*Một thân tâm sương khói*

*Mang tình yêu dị thường*

*Đặt vào từng đóa sen.*

*Ồi đóa sen như lai*

*Vừa sinh vừa lan tỏa*

*Theo mưa sa sương sớm*

*Rơi xuống tận quê nhà.*

*Lòng ta từng nhánh lúa*

*Đã chín tự ngàn thu*

*Thương chú cò thi sĩ*

*Ngậm mãi nhánh rong xưa.*

*Khi loài sâu qua sông*

*Bên những cụm xương rồng*

*Phù đồ trôi lướt thướt*

*Trên từng đóa hoa nghiêm.*

*Đậu trên những đèn thiêng*

*Chờ muôn năm trở giấc*

*Chờ thu phong vút vù*

*Sẽ an giấc ngàn thu.*

禪



## CHUÔNG SỚM

*Chấp tay mùi hương xanh vô lượng*

*Đêm hạ nồng sẽ đập cánh bay lên*

*Phù sinh trôi, phù sinh trôi ngát ngưỡng*

*Bát trắng đầy vừa chạm giêng mưa nghiêng.*

*Chùng rất mong manh chùng thông thả*

*Mộng mạ đương xanh với đất bùn*

*Tựa lưng thở nhẹ cùng thiên hạ*

*Gió dậy hồn nhiên gió tứ phương.*

*Bờ đất bờ mây bờ hoa tạnh*

*Đại bàng vừa đập tạ trùng dương*

*Bàn tay vừa xé dây hoa nắng*

*Sẽ thấy đêm khơi ngọn lửa hồng.*

*Chuông sớm vừa buông vừa run rẩy*

*Núi rừng thức giấc với hương lan*

*Vàng ỵ thăm thăm mùa hoa cải*

*Vạt nắng vừa lên giữa đại ngàn.*

thơ

LÝ THỪA NGHIỆP

# LƯỢC SỬ VỀ VIỆC PHIÊN DỊCH PHẬT ĐIỂN RA CHỮ HÁN

Thích Nữ Thanh Trì

TÀI LIỆU / SỰ KIỆN



Bài viết này là khái quát nội dung từ chương thứ hai trong sách *Phật Điển đã được Hán dịch như thế nào* của tác giả Funayama Tōru. Nguyên đề của chương này là “**Những nhân vật làm công việc phiên dịch: Lịch sử khái quát của việc dịch kinh**”. Trong thực tế manh mối về lịch sử Phật giáo không nhiều, nội dung này có thể trở thành cái tham khảo được cho những ai quan tâm nghiên cứu Phật giáo theo phương pháp văn bản học.

Phật giáo Trung Quốc đã gắn với công việc phiên dịch kinh điển từ thời nhà Hán, đến thời nhà Tống là khoảng một ngàn năm, sau đó cũng còn được phiên dịch lác đác, kể cũng đến một ngàn năm trăm năm. Theo sử truyện của Trung Quốc thì việc phiên dịch bắt đầu từ Thời Hán Minh Đế (năm 67), phiên kinh Tứ Thập Nhị Chương. Tuy nhiên, trong Tứ Thập Nhị Chương, bản kinh vốn được cho là được Ca Diếp Ma Đằng (迦葉摩騰 \*Kāśyapa Mātanga) và cộng sự lần đầu phiên dịch dưới triều Hán Minh Đế, có những yếu tố cho biết đó là tác phẩm của thế kỷ thứ V. Nên câu chuyện lịch sử Phật giáo liên quan đến Hán Minh Đế chỉ được hiểu rằng, ý của các sử gia xưa có lẽ xem đó là thời điểm Phật giáo lần đầu tiên đã được truyền vào Trung Quốc ở cấp quốc gia (tức là được hoàng gia thừa nhận).

Dù sao, sau đó khoảng một trăm năm, vào thế kỷ thứ II, công việc phiên dịch đã chính thức được bắt đầu bởi những nhân vật đại biểu như An Thế Cao (安世高), Chi-lâu-ca-sấm (支婁迦讖 \*Lokakṣema). Trong đây, đặc biệt Chi-lâu-ca-sấm Hán dịch *Kinh Đạo Hành Bát-Nhã*, đây được xem là thời kỳ kinh điển đại thừa lần đầu tiên được phiên dịch ra chữ Hán.

*Tăng truyện (1)* đề cập đến dịch giả có khoảng hơn 60 người. Trong đó được chia ra thành ba dòng đại biểu là Cổ dịch, Cựu dịch và Tân dịch. Từ ban sơ đến trước thời Cửu-ma-la-thập gọi là Cổ dịch, thời Cửu-ma-la-thập (鳩摩羅什 \*Kumārajīva, 344-413), Chân đế (真諦 Paramārtha 499-569) v.v... gọi là Cựu dịch, và từ Huyền Trang trở đi gọi là Tân dịch.

Sau thời La-thập, dịch trường (quy mô quốc gia) vốn ở Trường An (Bắc Triều) đã chuyển về Kiến Khương, thuộc Nam triều. Từ nơi này, với hoạt động của các dịch giả tên tuổi như Phật-đà-bạt-la (佛陀跋陀羅 \* Buddhahadra 359-429), Bảo Vân (宝雲, -449), Cầu-na-bạt-ma (求那跋摩 \*Guṇavarman, 367-431), Tăng-già-bạt-ma (僧伽跋摩 \*Samghavarman, -433-), Đàm-ma-mật-đa (曇摩蜜多 Dharmamitra, -424-), Cầu-na-bạt-đà-la (求那跋陀羅 Guṇabhadra, 394-468) v.v... một số lượng Phật điển đồ sộ đặc biệt là thuộc Đại thừa và Luật tạng đã được Hán dịch.

Khoảng tiền bán thế kỷ thứ V này, ngoài hai dịch trường chính thuộc Bắc triều và Nam triều trên, vùng phía Tây Trung Quốc cũng có hoạt động phiên dịch như Đàm-vô-sấm (曇無讖 Dharmakṣema, 385-433) ở Cô Tang (姑臧) thủ đô của Bắc Lương, dịch *Đại-bát-niết-bàn kinh*, *Bồ-tát-địa-tri kinh* cũng là mốc lịch sử đáng chú ý.

Từ nửa sau thế kỷ thứ V đến đầu thế kỷ thứ VI việc dịch kinh ở Nam triều giảm hẳn, tình trạng này cũng tương tự ở Bắc triều, thêm vào đó từ năm 446 Phật giáo phương Bắc hứng chịu pháp nạn (2), việc phiên dịch trong giai đoạn này hầu như không.

Đầu thế kỷ thứ VI, nơi thủ đô mới của Bắc Ngụy là Lạc Dương có Lạc-na-ma-đề (勒那摩提 Ratnamati), Bồ-đề-lưu-chi (菩提流支 Bodhiruci - 527) đến Trung Quốc, phiên dịch những văn bản liên quan đến tư tưởng Như lai tạng và Du-già hành duy thức như *Nhập Lăng-già kinh*, *Thâm mật Giải thoát kinh* hay *Thập địa kinh luận*, mở ra một Phật giáo mới. Cùng thời này ở thủ đô Nghiệp (鄴) của Đông Ngụy cũng có những hoạt động phiên dịch của Phật-đà-phiến-đa (佛陀扇多 Buddhaśanta), Bát-nhã-lưu-chi (般若流支 Prajñāruci), v.v... Trào lưu Phật giáo mới về Du-già hành duy thức này cũng có mặt ở phương Nam với hoạt động nổi bật của Chân Đế (Paramārtha, 499-569), đặc biệt là dịch phẩm *Nhiếp Đại Thừa Luận* của ông có ảnh hưởng lớn đến Phật giáo Trung Quốc thời kỳ này. Đó là sự ra đời của Nhiếp Luận Tông, tông phái lấy *Nhiếp Đại Thừa Luận* làm y cứ, đối lập lại với Phật giáo vùng Hoa Bắc có sự ra đời của Địa luận tông, lấy *Thập Địa Kinh Luận* làm y cứ. Giáo nghĩa Phật giáo được triển khai bởi hai tông phái này đã trở thành yếu nhân đóng vai trò thôi thúc Huyền Trang lên đường sang Tây Trúc cầu pháp, mở ra vĩ

nghiệp dịch kinh của thời nhà Đường ở thế kỷ thứ VII.

Sau thời Huyền Trang Nghĩa Tịnh, từ cuối thế kỷ thứ VII trở đi, kinh điển được Hán dịch mang một đặc trưng mới, đó là kinh điển Mật giáo, với hoạt động của các dịch giả như Địa-bà-ca-la (地婆訶羅 \*Divākara), v.v... hay sau đó là Bảo Tư Duy (宝思惟, -721), Thiện Vô Úy (善无畏, 637-735), Bất Không (不空, 705-774) v.v...

Trên đây là lược sử về những điểm mốc trọng yếu của lịch sử phiên dịch Phật giáo Trung Quốc. Góc nhìn mới ở đây là sự phiên dịch kinh điển thịnh suy theo thời đại. Việc di chuyển về địa lý dịch trường cũng là điểm được đặc biệt chú ý. Những thông tin lịch sử này cho thấy cả xu hướng biến động của Phật giáo Ấn độ đương thời, và tình trạng tiếp nhận, dung hóa Phật giáo của Trung Quốc.

Về ý nghĩa lịch sử này, bản thân tác giả đã dành trọn một mục trong chương kết để nói rõ. Để trực tiếp hiểu về ý nghĩa mà tác giả muốn nói, dưới đây là phần trích dịch về đoạn này.

### Ý nghĩa của việc phiên dịch kinh điển hưng thịnh và đình trệ

Có hai điểm cần chú ý khi xét theo nghĩa rộng về lịch sử Hán dịch. Trong đó, điểm thứ nhất là có chút biến đổi về chủng loại văn bản đã được phiên dịch qua các thời đại. Thời kỳ của La Thập đã phiên dịch ra nhiều kinh điển đại thừa, có nội dung tư tưởng tánh không và văn bản của học phái Trung quán, tuy nhiên những kinh điển có nội dung tư tưởng Như lai tạng và văn bản của học phái Du-già hành Duy thức thì phải đến thời Đàm Vô Sấm (thuộc Bắc Lương) hay Cầu-na-bạt-đa-la (Tổng Nam triều) mới được Hán dịch. Cũng thế, kinh điển Mật giáo được dịch ra chữ Hán khoảng từ cuối thế kỷ thứ 7 trở đi. Những điều này có lẽ nên xem là sự phản ảnh xu hướng biến động của Phật giáo Ấn độ.

Tuy nhiên, cần lưu ý không nhất thiết việc Hán dịch kinh điển của Trung quốc chỉ dựa vào sự tình của phía Phật giáo Ấn độ mà còn một phần phản ảnh phía Trung Quốc đã tiếp nhận Phật giáo như thế nào. Một ví dụ phù hợp cho điều này là thực tế một số lượng nhiều văn bản luật (vinaya) được mang về và Hán dịch vào khoảng đầu thế kỷ thứ V.

Cuối thế kỷ thứ IV, với nhiều hoạt động của Thích Đạo An, từ tư tưởng Tăng chúng cần phải sinh hoạt dựa vào quy định của luật, ý hướng



Pháp sư Huyền Trang (602—664)

muốn học luật kỹ hơn đã mạnh dạn. Nhưng đương thời, ở Trung Quốc không có đủ các văn bản về luật. Cuối thế kỷ thứ IV, Pháp Hiển quyết chí đi Ấn Độ cầu luật cũng chính là kết quả được thúc đẩy bởi các thông tin của thời đại.

Pháp Hiển xuất phát khỏi Trường An năm 399, ngay sau đó có Cưu-ma-la-thập đến Trường An, cùng với Phất-nhã-đa-la, Đàm-ma-lưu-chi, Tỳ-ma-la-xoa dịch *Thập Tụng Luật* của Tát-bà-đa bộ, từ đây lần đầu tiên bộ luật hoàn chỉnh của Phật giáo Trung Quốc được thành lập. Ngay sau đó, cũng tại Trường An, *Tứ Phần luật* của Pháp Tạng Bộ được phiên dịch. Khoảng 10 năm sau, ở Kiến Khương Nam triều, Pháp Hiển từ Ấn Độ mang về thủ bản mới, *Ma Ha Tăng Kỳ Luật* của Đại Chúng bộ, và *Ngũ Phần Luật* của Hoá Địa bộ được phiên dịch.

Như thế, trong vòng 20 năm, 4 bộ luật được lần lượt phiên dịch, tạo nên nhiều thay đổi trong việc hiểu biết về luật học. Đường nhiên trong Phật giáo Ấn Độ, luật của các bộ phái đã tồn tại và đã được hệ thống hoá sớm hơn thời kỳ

này. Phải hiểu việc phiên dịch là do nhu cầu từ phía Trung Quốc, trước đó, có lẽ ở Ấn Độ nhiều nguyên nhân về luật đã tồn tại nhưng phía Trung Quốc đã không tích cực tìm cầu, và cũng có lẽ trước thời La-thập, kỹ thuật phiên dịch một cách chính xác về các quy định cụ thể của luật chưa được chín muồi, nên đã không đi đến trạng thái cần phải phiên dịch ra các loại luật.

Tóm lại, sự dao động mang tính lịch sử về các thể loại văn bản Hán dịch có mối liên hệ đến việc thành lập kinh điển từ phía Ấn Độ, đây là một phần, nhưng ngoài ra cũng còn có phần phản ảnh nhu yếu từ phía Trung Quốc.

Về xu hướng Hán dịch nói chung còn thêm một điểm đáng lưu ý. Đó là từ Hậu Hán đến Bắc Tống, việc dịch kinh có khi rất hoạt náo nhưng có khi bị đình trệ. Đặc biệt là cùng với sự diệt vong của Hậu Tần (417), sau thời hoạt bát của Cưu Ma La Thập thì việc dịch kinh ở Trường An hầu như bị đình chỉ mãi cho đến thời nhà Tùy (581-618). Hay ở Nam triều, thời đại Tề Lương khoảng cuối thế kỷ thứ V đầu thế kỷ thứ VI không có những kinh điển gì nổi bật. Và nói đến sự đình trệ trong Hán dịch, phải nói đến thời Đường từ nửa đầu thế kỷ thứ IX đến thời Bắc Tống cuối thế kỷ thứ X.

Tuy nhiên, ở Nam triều từ cuối thế kỷ thứ V, hay thời nhà Đường từ sau nửa đầu thế kỷ thứ IX không có sự nghiệp dịch kinh mang tầm cỡ quốc gia nhưng điều này không có nghĩa là Phật giáo bị suy yếu. Như có nói ở chương hai, thời kỳ Tề Lương Nam triều không phải là Phật giáo bị đình đốn mà là thời kỳ rất hưng thịnh. Liên quan đến việc thành lập kinh điển mà nói thì đó là thời kỳ



hấp thụ nội dung kinh điển rồi những hoạt động biên tập kinh điển được hoạt bát hoá. Và trường hợp Hán dịch bị đình trệ khoảng thế kỷ thứ IX - X, thì đây là thời đại Phật giáo dung hợp với tín ngưỡng nhân gian và với những quan niệm mang tính Đạo giáo tại bản địa. Đặc biệt thời kỳ bức hại Phật giáo gọi là "Hội Xương phế Phật" bởi Võ Tông (842-845), mặc dù bị bức hại nhưng có Thiên Phật giáo "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền" vốn không mấy dựa vào việc phiên dịch kinh điển, đã bành trướng thế lực ở phương Nam. Chính khi này Phật giáo đã hình thành nên những yếu tố mang tính chất của Trung Quốc.

Như thế, thời đại Hán dịch hưng thịnh là thời kỳ thịnh hành những thông tin mới từ bên ngoài được đưa vào, còn thời kỳ đình trệ Hán dịch là thời kỳ cho ngủ yên và làm chín muồi những thông tin đã du nhập, là thời kỳ biến mạo tôn giáo ngoại lai từ Ấn Độ thành tôn giáo của Trung Quốc. Đương nhiên, việc biến dung này cũng xảy ra khi việc dịch kinh thịnh hành, nhưng đặc biệt khi việc dịch kinh bị đình trệ thì việc Trung Quốc hóa này được gia tốc.

#### Chú thích:

- 1) Tăng Truyện là một thể loại sách nhà Phật ghi về truyện của các cao tăng. Là tài liệu sử Phật giáo quan trọng. Trong Phật thư Trung Quốc, thể loại này thường được biết đến gồm có 4: Lương Cao Tăng Truyện 梁高僧伝 của Huệ Kiếu 慧皎 (497-554), Tục Cao Tăng Truyện 続高僧伝 của Đạo Tuyên 道宣 đời Đường, Tống Cao Tăng Truyện 宋高僧伝 của Tấn Ninh 贊寧 nhà Tống, Đại Minh Cao Tăng Truyện 大明高僧伝 của Như Tĩnh 如惺 nhà Minh. Tổng gọi là tứ triều cao tăng truyện. Trong đó, Lương Cao Tăng Truyện được soạn xong năm 519 là ghi chép sớm nhất, thu thập các truyền ký về cao tăng từ Hậu Hán đến đời nhà Lương.
- 2) Phật giáo Trung Quốc trong lịch sử có 4 lần pháp nạn, gọi là Tam Võ nhất Tông, đó là: (1) Thái Võ Đế 太武帝 thuộc Bắc Ngụy 北魏 (tại vị năm 423- 452) niên hiệu Thái Bình Chân Quân 太平真君. (2) Võ Đế 武帝 thuộc Bắc Chu 北周 (tại vị năm 560 - 578) niên hiệu Kiến Đức 建德. (3) Võ Tông 武宗 thuộc nhà Đường 唐 (tại vị năm 840 - 846) niên hiệu Hội Xương 会昌 (gọi là Hội Xương phế Phật). (4) Thế Tông 世宗 thuộc Hậu Chu 後周 (tại vị 954 - 959) niên hiệu Hiến Đức 顯德.



### AI ĐIỀU HT TUỆ SỸ

*Một giọt sương rơi  
Cho hiền chùa thêm quạnh  
Một vầng trăng về tây  
Cho biển tối thêm sâu  
Một Tăng Triệu thời nay  
Giữ áo qua câu  
Tiếng thạch sùng khuya  
Gió lùa tàng kinh các  
Cầm đèn tuệ chênh vênh  
sống một đời cao sĩ  
Vóc hạc gầy mong manh  
hồn chứa hết tam thiên  
Chí cao vội  
cô đơn  
dặm trần không tri kỷ  
Phiên chợ đời phủ phàng  
Sao đất đỏ chữ duyên  
Trời nam lặng một bóng người  
vai gầy công đạo, một trời sở tri  
việc xong, quảng gây mà đi  
hồ khe áo cỏ dặm về trăng soi...*

*thơ* TOẠI KHANH

# NHỮNG SỢI DÂY TRÓI BUỘC

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

## I. DẪN NHẬP

Tu tập hằng ngày chúng ta thường được các vị Thầy hướng dẫn, nhắc nhở nếu muốn giác ngộ, thoát khổ, bài học đầu tiên là phải tu tập loại bỏ những nguyên nhân đưa đến phiền não, khổ đau. Các nguyên nhân đó chính là những sợi dây trói buộc chúng sinh vào vòng sinh tử luân hồi. Trong Tứ Diệu Đế, chúng là Tập đế, còn gọi là Lậu hoặc, Kiết sử, Tùy miên. Lậu hoặc được hiểu là những chướng tử ác xấu tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... chúng ngủ ngầm trong tiềm thức của chúng sanh nên gọi là Tùy miên. Còn Kiết Sử là gì?

Kiết hay Kết là sự kết nối, trói buộc. Sử là ra lệnh, sai khiến. Như vậy Kiết sử là những sợi dây trói buộc, sai khiến chúng sanh trong ba cõi sáu đường. Nó sai xử chúng sanh làm việc này việc nọ, thiện có, ác có... tạo đủ thứ nghiệp, khiến chúng sanh phải chịu luân hồi sinh tử hết đời này sang đời khác để trả nghiệp quả đã gieo.

Giáo pháp của đức Phật chỉ bày chúng ta phải lìa chúng ra nhận diện từng sợi dây trói buộc, để khi chúng xuất hiện chúng ta nhận rõ mặt mũi của chúng như thế nào hầu để bề tu tập loại trừ chúng. Kiết sử thì có rất nhiều nhưng tựu trung có mười sợi dây trói buộc, được chia làm hai loại: Năm Độn Sử và Năm Lợi Sử.

## II. ĐỘN SỬ GỒM NHỮNG GÌ?

Độn sử là loại dây trói buộc căn bản, người nào cũng có. Nó sai khiến con người tạo ra những hành vi lầm lỗi gây phiền não cho chính mình và những người xung quanh. Loại này có năm thứ gồm: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Gọi là năm độn sử vì năm món này là năm triền cái, là năm đám mây đen, ngăn che ánh sáng trí tuệ, khiến con người không thể đi đến giác ngộ được nên gọi là "độn sử".

**1) THAM DỤC, KHÁT ÁI:** Tham dục khát ái là lòng ham muốn không bao giờ đủ. Ham muốn cái gì? Đó là sự ham thích hưởng thụ mọi thứ do giác quan mang đến. Ở đời thiên hạ xem sự hưởng thụ là quyền tự do của mỗi người. Chẳng hạn như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý... muốn nhìn, muốn nghe, muốn ăn, muốn ngủ, muốn được vuốt ve, muốn được xoa nắn, muốn đi đâu, hay

muốn phóng tâm suy nghĩ điều gì... đều được tự do hành động và hưởng thụ. Sự tự do hưởng thụ các dục lạc từ sáu căn đem lại, đối với họ, đó chính là hạnh phúc. Có điều, họ không nhận thức được rằng hạnh phúc và đau khổ chỉ là hai mặt của một đồng tiền. Cũng giống như vậy, đối nghịch của sự tự do là sự trói buộc. Tự do hưởng thụ những gì mang đến sự hài lòng thích thú, để

rồi sau đó bị trói buộc vào những bất mãn khó chịu. Tại sao vậy? Bởi vì tất cả các pháp hữu vi trên đời đều vô thường vô ngã. Không có cái gì ở mãi với mình cho dù đó là niềm hạnh phúc hay nỗi khổ đau.

Một người tinh thức học Phật thì cho rằng những dục lạc, khoái cảm đó chỉ là những trói buộc phiền não cho bản thân. Họ tu tập thiền định để vượt qua những dục lạc giác quan đó. Khi chúng thien, được giải thoát khỏi sự trói buộc bởi những khoái cảm của giác quan, nhưng họ lại dính mắc với hỷ lạc do việc thực hành thiền mang đến.

Cả hai loại cảm thọ ham thích do giác quan đem lại, hay sự an lạc do thiền định đem đến, đều là sợi dây Tham trói buộc con người trong vòng luân hồi sinh tử.

**2) SÂN:** Nhẹ nhàng là sự bất bình, bất mãn, không vừa lòng. Nặng nề hơn là nóng nảy, sân hận, giận dữ, thù oán gây phiền

não cho chính mình và nỗi hại cho người đối diện. Khi giác quan tiếp xúc đối tượng thường xảy ra một trong ba cảm thọ thích hay ghét, hoặc trung tính không ưa cũng không ghét. Nhưng nhìn chung nếu ở đâu có thích thì ở đó có ghét. Trong thực tế con người thường sống trong ưa thích và chán ghét.

Thí dụ: Chúng ta thích sống trong nhà cao cửa rộng, nệm ấm chăn êm, ăn ngon mặc đẹp. Như vậy, chúng tỏ chúng ta ghét cuộc sống nghèo khổ, không nhà không cửa, không thích những món ăn dở và không thích vận những bộ quần áo xấu cũ. Muốn sở hữu những thứ chúng ta thích, thì phải có tiền. Muốn có tiền thì phải đi làm. Như vậy việc đi làm là do chúng ta thích có nhiều tiền. Thích có nhiều tiền đồng nghĩa với sự chán ghét không có đồng xu dính túi v. v...

Như vậy, có phải hằng ngày, chúng ta sống và làm việc để phục vụ cái thích và cái không thích của bản ngã hay không? Thích là muốn chiếm đoạt nên căn bản nó là tham. Ghét là không ưa, là dứt bỏ, nên nền tảng của nó chính là sân. Tham



với sân là hai sợi dây trói buộc đưa chúng sanh vào vòng sinh tử luân hồi.

**3) SI:** Là tối tăm, mê mờ, là vô minh, không thấy được ánh sáng giác ngộ. Do tâm trí mê mờ, tối tăm, nên không thông suốt được bốn sự thật về Khổ. Đó là Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế, gọi chung là Tứ Diệu Đế. Không hiểu về Lý Duyên Khởi Pháp Duyên Sinh, không biết nguyên lý Nhân Quả v.v... nên chìm đắm trong luân hồi sanh tử triền miên.

**4) MẠN:** Mạn là tự hào cho mình hơn người, gọi là tự tôn; hoặc thấy mình thua kém mọi người nên có mặc cảm tự ty. Tự tôn hay tự ty đều là Mạn. Để hình thành Kiết sử, trong Phật giáo có 7 loại Mạn gọi là "thất chủng Mạn" gồm: Mạn, Ngã Mạn, Quá mạn, Thượng mạn, Tăng thượng mạn, Liệt Mạn, Ty Liệt mạn.

Nói đến Mạn là nói đến cái Ta. Cái Ta ngạo mạn, hống hách, kiêu căng, tự phụ gọi là Ngã mạn. Thượng mạn là tự xem mình như cái rún của vũ trụ, cái gì cũng biết. Tăng thượng mạn là coi trời bằng cái vung, tự cho mình giỏi nhứt thiên hạ. Phía dưới Mạn là Liệt mạn. Người Liệt mạn tự cho mình không ra gì hết. Thấp hơn Liệt mạn là Ty liệt mạn. Ty liệt mạn tệ hơn cả Liệt mạn, tự xem mình là người thiếu trí, ngu dốt, hèn hạ, thấp kém đến tận cùng con số không.

Những loại Mạn nêu trên là sợi dây trói buộc cần phải diệt trừ bằng cách không bao giờ khởi lên cái Ngã, cái Ta. Trong kinh Tứ Niệm Xứ, đức Phật dạy: Khi có ý nghĩ khởi sanh thì thấy biết là ý nghĩ đang khởi sanh, không có tôi suy nghĩ. Khi có một niệm sân khởi, biết là có niệm sân khởi, không phải tôi sân. Đừng bao giờ gán cái Ngã, cái Tôi vào. Thường quan sát tâm liên tục như vậy, sau một thời gian, cái Tôi, cái Ngã sẽ vắng lặng... thì trừ được Ngã mạn.

**5) NGHI NGỜ:** Nghi ngờ là không tin tưởng, là ngờ vực, phân vân, lưỡng lự, không quyết định dứt khoát một điều gì. Đối với người tu Phật, có ba loại nghi ngờ cần giải quyết, đó là:

1) *Nghi mình:* Nghi ngờ bản thân mình không thể giác ngộ.

2) *Nghi người:* Nghi bậc Đạo sư tức đức Thế Tôn, hay hiện tại là vị Thầy hướng dẫn mình không thể dạy đạo Giác ngộ.

3) *Nghi pháp:* Trong lộ trình tu tập, nghi ngờ pháp môn mình đang thọ trì, không biết có thực sự đưa đến an lạc, giác ngộ hay không? Hoặc nghi ngờ thuyết nhân quả, thắc mắc tại sao trên thế gian này có nhiều người làm ác mà vẫn sống giàu sang sung túc. Còn những người hay làm việc thiện giúp người, lại gặp nhiều chướng ngại xui xẻo trong đời sống.

Giáo lý nhà Phật không cấm nghi ngờ. Trên con đường tu tập, khi chưa thấu hiểu một vấn đề gì thì có quyền nghi ngờ, có quyền thắc mắc. Nhưng cần phải giải quyết những nghi ngờ những thắc mắc đó, bằng cách học hỏi, tìm hiểu rõ ràng.

Thí dụ như để xóa tan lòng nghi ngờ về nhân quả, người học Phật phải hiểu rõ nhân quả diễn tiến ba đời. Đời trước mình làm nhiều việc bất thiện thì đời này đương nhiên mình gặp quả xấu. Đời hiện tại tuy hưởng quả xấu, mà mình làm nhiều điều phước thiện thì đời sau mình hưởng nhiều phước báo. Hiện tại đời khi mình làm việc lành tốt mà cứ hưởng quả đắng. Đó là quả của quả khứ. Hiểu rõ nhân quả diễn tiến ba đời như vậy, sẽ không còn nghi ngờ nữa.

Tóm lại, Nghi ngờ là sợi dây trói buộc thứ năm khiến hành giả phân vân, giải đãi, buông lung, không biết đi hướng nào trên con đường tu tập tâm linh.

### III. LỢI SỬ GỒM NHỮNG GÌ?

Lợi sử là sự trói buộc thuộc về Nhận thức. Có năm loại lợi sử là Thân kiến, Biên kiến, Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ kiến và Tà kiến. Năm lợi sử này còn gọi là "ngũ kiến" hay "ác kiến". Gọi "ác kiến" vì cái thấy biết đi ngược với tinh thần Giác ngộ.

**1) THÂN KIẾN:** Hiểu biết sai lầm về thân, nhận lầm ngũ uẩn là ta, của ta, tự ngã của ta. Người chấp thủ thân kiến là người mê luyện tẩm thân của mình và ra sức cung phụng nó về mọi mặt. Người nào mà ái luyện xác thân, cung phụng xác thân thái quá, thì rơi vào sợi dây trói buộc Thân kiến.

Người tu học Phật, nuôi dưỡng cái thân bình thường như bao nhiêu người khác. Nhưng người đó hiểu rõ tẩm thân của họ chỉ là giả hợp, chỉ là đất, nước, gió, lửa. Nói cách khác tẩm thân này là sự kết hợp của ngũ uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ngũ uẩn không phải là ta, của ta, tự ngã của ta, nên ta không thể bảo thân đừng đau khi nó đau. Khi thân già, ta không thể bảo thân đừng già được. Ta không làm chủ được cái thân vì nó chỉ giả hợp, vô thường, vô ngã. Tóm lại thân tâm chỉ là sự diễn tiến của Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nó diễn tiến tạo nên đời sống của chúng ta. Người nào thấy được như vậy thì cắt đứt được sợi dây trói buộc về Thân kiến.

**2) BIÊN KIẾN:** Đây là cái thấy chấp nghiêng hẳn về một bên. Thí dụ: Chấp thể gian này là thường hằng, hay vô thường đều là biên kiến.

**3) KIẾN THỦ KIẾN:** Kiến là kiến thức, là quan điểm. Thủ là nắm giữ, cố chấp. Vậy Kiến thủ là cố chấp vào nhận thức, quan điểm của mình. Cho rằng cái thấy cái biết của mình là đúng, của người khác là sai. Vì cố chấp nên cánh cửa học hỏi bị ngăn chặn, không có cơ hội mở mang dù là kiến thức thể gian hay kiến thức Phật học.

**4) GIỚI CẤM THỦ KIẾN:** Thứ nhất ám chỉ sự tuân thủ những nghi lễ cúng tế mang tính cách mê tín dị đoan, chẳng hạn như giết trâu, bò, heo, gà, vịt... để tạ ơn thân linh, hoặc đốt giấy tiền, vàng bạc, xe hơi, nhà lầu làm bằng giấy... cho người quá cố sử dụng bên kia thế giới v.v... Tuân thủ theo giới luật hay theo truyền thống này không đưa đến giác ngộ giải thoát. Cho nên bản thân nó là Giới cấm thủ.

Trong đạo Phật, giữ giới là điều quan trọng. Giới giúp cho hành giả sống một đời sống đạo đức không phạm những lỗi lầm gieo nhân xấu. Là người cư sĩ hay tu sĩ đã thọ giới và kiên quyết giữ giới, thì đây không phải là Giới cấm thủ.

Giữ giới mà thiếu trí tuệ, không uyển chuyển, thành ra cứng nhắc, thậm chí gây trở ngại trong việc tu mới là Giới cấm thủ. Thọ giới giữ giới mà ngã mạn tự hào xem thường người khác không giữ giới bằng mình thì đó là Giới cấm thủ. Nói cách khác một người cố giữ giới và hãnh diện rằng mình trong sạch hơn người khác nhờ giữ giới, giữ giới theo cách này chỉ tô bồi thêm bản ngã nên bản thân nó là Giới cấm thủ...

Sau cùng, muốn hoàn toàn giải thoát, tâm không thể vướng mắc vào bất cứ thứ gì, ngay cả



việc lo giữ giới cũng phải buông, vì giới chỉ là các điều luật do đức Phật chế định giúp cho những người sợ tu khép mình vào đời sống đạo, nên thực tế nó vẫn còn là tục đế. Có câu “*Không giữ giới mà không phạm giới thì đó mới thực là giữ giới*” hoặc “*tu mà không tu mới thật là tu*” ám chỉ những bậc Thánh thành tựu cứu cánh, thì buông phương tiện, không còn dính mắc nữa!

**5) TÀ KIẾN:** Là cái thấy biết sai lệch, không hợp với chân lý giác ngộ. Trong kinh Phạm Võng thuộc Trường Bộ Kinh nói có tới 62 tà kiến ở Ấn Độ, nhưng gom lại có hai là: Thường kiến và Đoạn kiến.

5-1: THƯỜNG KIẾN: Thường kiến có ba loại.

- *Thứ nhất:* Tin có một thần linh tối thượng nào đó, có khả năng ban phước giáng họa cho chúng ta, cho nên mình phải luôn làm những chuyện phù hợp với lời dạy của vị thần linh đó. Theo đạo Phật thì chúng sanh là chủ nhân của nghiệp và thừa tự nghiệp do mình gây ra. Mình làm cái gì thì hưởng cái đó. Tạo nhân tốt thì hưởng quả tốt, nhân xấu thì hưởng quả xấu. Nhân có tốt, có xấu, thì cho quả có tốt, có xấu.

- *Thứ hai:* Tin vào một cái tôi thường hằng bất biến, tức tin con người có một linh hồn vĩnh cửu, không bao giờ thay đổi.

- *Thứ ba:* Cho rằng có một nơi nào đó đưa đến an lạc hạnh phúc chấm dứt hoàn toàn đau khổ mà không cần thực hành theo Bát chánh đạo.

5.2: ĐOẠN KIẾN: Gồm có 3: Vô nhân kiến, Vô hành kiến, Vô hữu kiến.

- *Vô nhân kiến:* Người Vô nhân kiến là người không tin vào nhân quả. Họ cho rằng tất cả mọi chuyện xảy ra trên đời ngẫu nhiên mà có.

- *Vô hành kiến:* Người Vô hành kiến là người cho rằng người ta làm việc thiện hay ác không có gì khác biệt, đó chỉ là hành động thôi; cho nên người ấy tha hồ sống và làm theo ý thích.

- *Vô hữu kiến:* Người Vô hữu kiến không tin có luân hồi sanh tử, chết là hết.

Tóm lại người theo quan niệm “*Thường kiến*” tin có linh hồn trường cửu. Ví dụ: Người chết vẫn tiếp tục được làm người, vật chết vẫn làm vật. Hoặc sau khi chết được lên thiên đường hoặc xuống địa ngục tùy theo sự ban thưởng của thần linh... Còn nhóm người theo “*Đoạn kiến*”, cho rằng chết là chấm dứt, là mất hẳn. Nếu là người sống tử tế thì không nói gì, còn như có những kẻ xấu, họ muốn làm gì thì làm, có khi sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, tham lam, sân hận, tà kiến, mê tín dị đoan v.v... mà không hề sợ hãi nhân quả sẽ đến với mình... Đối với đạo Phật thì Thường kiến hay Đoạn kiến đều là Tà kiến.

#### IV. KẾT LUẬN

Khi hiểu rõ ý nghĩa của từng sợi dây trói buộc chúng sanh vào vòng luân hồi sanh tử, mà phần lớn bị đọa vào ba đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thử hỏi có ai không sợ? Để thoát khỏi vòng trầm luân sanh tử khổ đau đó, chúng ta cần phải tu tập để loại trừ mười kiết sử nêu trên. Trước hết chúng ta phải nhận diện những sợi dây trói buộc ấy sinh khởi và tồn tại trên thân tâm mình như thế nào? Nhận diện bằng cách thường tu tập “*quay về nhìn lại tâm mình từng mỗi sát-na tinh thức*”, tức là hằng ngày chúng ta tu tập sống trong chánh niệm. Có chánh niệm tinh thức, ta mới có cơ hội nhìn thấy được những gì xảy ra trong tâm. Như ham thích, buồn bực, bất bình, hay dửng dưng, bình thản... khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Siêng năng hành trì thiền Tuệ (Vipassana) thấy được sự sinh diệt vô thường, vô ngã, của từng sợi dây kiết sử, dần dần tâm sẽ không còn dính mắc với nó nữa. Đến một lúc, sân là sân, tà là tà, sân không phải là ta, như vậy sợi dây trói buộc sân đã bị triệt tiêu. Những kiết sử khác cũng đều như thế!

Xem ra, toàn bộ những gì đức Phật giảng dạy chúng đệ tử, chung quy chỉ là một chữ buông. Tu “*Hạnh buông xả*” (*upekkha*), buông hết những thói quen trói buộc, hành giả sẽ kinh nghiệm trạng thái: vô tham, vô sân, vô si, vô mạn, vô nghi...

Ngoài ra, học và hành theo chân lý Phật dạy, tâm trí được mở mang, thoát ra khỏi màn vô minh tà kiến. Khi đó, chúng ta không còn chấp thủ bất cứ vấn đề gì trên thế gian này, ngay cả tấm thân ngũ uẩn đây cũng không phải là Ta, của Ta, tự ngã của Ta... thì lấy ai khổ đau phiền não. Không có cái Ta trong ngũ uẩn, thì những sợi dây trói buộc cũng không có chỗ bám vào nên phải tan biến thôi!

#### THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(*Chân Tâm Thiền đường, November 02-2023*)

# thơ TỊNH BÌNH

## TRĂNG VÔ PHIÊN

Ta về bạn với cùng ta  
Chợt nghe cây cỏ lá hoa mỉm cười  
Cùng nhau ngồi xuống thành thơ  
Thong dong rót tách trà mời gió trăng

Ta về giặt áo rửa chân  
Bao năm nhuộm bụi phong trần thế gian  
Cúi nhìn mây trắng thênh thang  
Sông xưa in bóng lờ làng đục trong

Ta về gió lộng thuyền không  
Hành trang nửa mảnh trăng cong nhu mì  
Lửa lòng nhàn nhạt sân si  
Niệm tâm từng niệm A Di nhiệm màu

Ta về quên hết bể dâu  
Sớm nghe chim hót đôi câu thật hiền  
Chiều nghe nắng xuống bình yên  
Trăng xa tỏa ánh vô phiên chiếu soi...

## KHIÊM HẠ

Từng viên đá nhỏ  
Cặm cụi thành gò  
Đá lớn đá to  
Thành non thành núi  
Li ti giọt nước  
Khôn lớn thành dòng  
Nương suối về sông  
Theo sông ra biển

Người về non cao  
Trầm ngâm biển rộng  
Mây trời lỏng lẻo  
Một màu thái hư

Hư không vũ trụ  
Vô tận vô cùng  
Trái đất khiêm cung  
Biết mình bụi nhỏ

Chấp không chấp có  
To nhỏ đến đi  
Vạn pháp hữu vi  
Duy tâm sở tạo

Ngọn đèn Tam Bảo  
Bát Nhã mở khai  
Chân lý hiện bày  
Dập đầu lay cỏ...

## KINH VÔ TỰ

Cuộc trăm năm quay đầu nhìn lại  
Có ra gì bụi cát nhỏ nhoi thôi  
Đầu đời lúc ngỡ mình là tất cả  
Bạn cùng trăng và mộng cùng thơ

Bốn mùa nào biết chi xuân hạ  
Thầy đứng thịng ngồi lại uống ă  
Chuông rè ăm sứt năm vô dụng  
Lăn lóc cười khi đám cỏ xanh

Kinh vô tự tặng người hay chữ  
Góc lặng vườn chùa chú sẻ nâu  
Dấu chấm nhỏ bên đời cô quạnh  
Hót một mình và vẫn vợ chơi...

## CHĂN TRÂU

Tiếng ai thổi sáo trên thung vắng  
Hoàng hôn nhạt nắng bóng cò xa  
Trâu thủng thủng một mình chậm chậm  
Mặc bên đường những cỏ cùng hoa

Mục đồng hồ hững buông tay dắt  
Trâu trắng khoan thai bước thiên hành  
Mái lá bông phiêu làn khói tỏa  
Hóa duyên thôn nữ bát cơm lành

Sơn cùng thủy tận thôi tìm kiếm  
Quên cả trâu rồi bật sáo ngân  
Ngàn dặm rong chơi đường mây trắng  
Văng vặc sao trời ngan ngát trăng...





# CÀY CUỐC VÀ HẠT GIỐNG NHÀ PHẬT

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT  
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em Lam viên thương mến,

Hôm nay nhóm **ÁO LAM** xin kể ACE nghe câu chuyện nhan đề là **CÀY CUỐC VÀ HẠT GIỐNG CỦA NHÀ PHẬT**.

Chuyện kể rằng một hôm Đức Phật và chư Tăng đang đi khất thực thì bị một nông dân chặn đường lại. Nói là nông dân nhưng ông ta là một triệu phú, có hàng ngàn mẫu ruộng và có hàng trăm nông dân đang cày ruộng cho ông. Ông chặn đường đức Phật và Tăng đoàn của ngài và nói:

"Chúng tôi là nông dân, chúng tôi phải làm việc mệt nhọc: cày cấy, gieo trồng, bón phân rồi gặt hái... mới có gạo ăn. Còn các vị không làm gì cả, không sản xuất được thứ gì hết mà cũng ăn... các vị không có ích lợi gì cho đời cả. Các vị không cày, không cuốc, không gieo trồng, không bỏ phân, không chăm bón, không gặt hái..."

Phật bảo ông nông dân triệu phú:

"Cố chứ, chúng tôi cũng có cày, cuốc, gieo trồng, bỏ phân, chăm bón và gặt hái..."

Ông ta cãi:

"Cày của quý vị đâu, cuốc của quý vị đâu, bò của các vị đâu, hạt giống của quý vị đâu...? Các vị chăm bón cái gì, săn sóc cái gì, gặt hái cái gì?"

Đức Phật điềm tĩnh đáp:

"Hạt giống của chúng tôi là niềm tin. Đất của

chúng tôi là chân tâm. Cày của chúng tôi là chánh niệm. Bò của chúng tôi là sự tinh tấn. Mùa màng của chúng tôi là sự hiểu biết và thương yêu. Điền chủ, nếu không có niềm tin, sự hiểu biết và thương yêu thì cuộc đời sẽ khô cằn và đau khổ lắm. Chúng tôi cũng gieo trồng và gặt hái như điền chủ!"

Ông nông dân triệu phú nghe xong rất thích thú. Ông truyền gia nhân đem thức ăn trưa dành cho ông tới để cúng dường Phật. Thức ăn là cơm gạo thơm nấu với sữa. Đức Phật từ chối và nói:

"Tôi thuyết pháp không phải với mục đích là được cúng dường. Các vị khất sĩ không đánh đổi giáo pháp với phẩm vật cúng dường. Nếu điền chủ muốn cúng dường, xin để đến hôm khác."

Vị điền chủ rất cảm phục. Ông ta đánh lễ Phật và xin được quy y với ngài.

Thưa ACE Lam Viên thân thương,

Qua câu chuyện này chúng ta học được rằng hiểu biết và thương yêu phải đi đôi với nhau vì không thể nào muốn thương yêu mà không hiểu biết được, nên có người nói **HIỂU TỨC LÀ THƯƠNG**. Bạn có đồng ý không?

Trân trọng,  
**Nhóm Áo Lam**



# XIN NÓI RẰNG KHÔNG BIẾT

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Phật Tánh? Xin nói rằng, tôi không biết. Tôi không thể trả lời câu hỏi có Phật Tánh hay không, và nếu có, thì là như thế nào. Bài viết này không nhằm trả lời những câu hỏi tương tự, mà chỉ là một khảo sát từ cương vị một người học Phật, chưa học tới đâu và cũng chưa tu tới đâu. Bài viết này là một lời thú nhận, rằng không biết chắc có bao nhiêu phần đúng, nhưng hy vọng sẽ phần nào giúp được một số độc giả để dùng làm viên gạch dò đường qua sông. Xin mời độc giả khảo sát, nghi vấn từng câu, từng chữ trong bài này, và rồi nên dựa vào Kinh Phật để đối chiếu.

Trước tiên, nên nhớ rằng Đức Phật không hề sử dụng chữ “Phật Tánh” (Buddha Nature) và Ngài chỉ dùng chữ “vô vi” (the unconditioned), hiểu là pháp (không nên hiểu là một pháp, hay 2 pháp, hay nhiều pháp, vì bất khả đo đếm) xa lìa hữu vi, xa lìa tất cả nhân duyên, pháp này bất sinh và bất diệt, và có nghĩa rất gần với nghĩa của chữ Phật Tánh trong một số luận thư đời sau. Dĩ nhiên, có thể những chữ trong Kinh Phật chúng ta sử dụng bây giờ cũng không chắc là cùng nghĩa như thời Đức Phật tuyên thuyết. Thêm nữa, thời Đức Phật cũng chưa hề có Phật Giáo, hiểu như một tôn giáo với Đức Phật là giáo chủ. Lúc đó, Đức Phật chỉ nói rằng đây là con đường cổ xưa, đó là Bát Chánh Đạo, con đường để thoát khổ. Và chúng ta có thể đoán rằng Đức Phật không hề nghĩ rằng nhiều thế kỷ sau, con đường thực dụng này trở thành một tôn giáo nhiều nghi lễ như hiện nay.

Một điểm nhận thấy nhiều lần trong Kinh Phật: Đức Phật đã từng im lặng, từ chối trả lời nhiều câu hỏi mang tính siêu hình. Về sau, một số luận sư soạn ra sách A Tỳ Đàm và nhiều sách chú giải để trả lời nhiều vấn đề siêu hình. Tin các luận sư hay không, thì tùy (nếu không tin, thì cái đầu của bạn sẽ ít chữ phức tạp hơn).

Trong Kinh Trung Bộ MN 63, Đức Phật nói rằng Đức Phật không bàn chuyện siêu hình, mà Ngài chỉ là một thầy thuốc, tới nhổ mũi tên tẩm thuốc độc rất dày để cứu chúng sinh. Kinh MN 63 kể rằng Tôn giả Malunkyaputta thắc mắc về những câu hỏi, “*Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường, thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên; sinh mạng này và thân này là một, sinh mạng này và thân này là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết, Như Lai không có tồn tại sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết. Như Lai không có*

*tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.*” Cụ thể, các thắc mắc đó không hề có chữ Phật Tánh (thiệt là may, nếu ngài Malunkyaputta lúc đó biết tới chữ Phật Tánh thì cũng sẽ hỏi liền). Tuy nhiên, câu hỏi về Như Lai có tồn tại sau khi chết hay không thực tế có thể hiểu là một thắc mắc về Tánh Phật sẽ ở đâu khi Thân Tướng Phật hư hoại.

Đức Phật trả lời trong Kinh MN 63, trích, theo bản dịch của Thầy Minh Châu: “*Này*

*Malunkyaputta, ví như một người bị mũi tên bắn, mũi tên được tẩm thuốc độc rất dày. Bạn bè và bà con huyết thống của người ấy mời một vị y sĩ khoa mổ xẻ đến săn sóc. Nhưng người ấy lại nói: “Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi thuộc giòng hoàng tộc, hay Bà-la-môn, hay buôn bán, hay người làm công”. Người ấy có thể nói như sau: “Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi là cao hay thấp, hay người bậc trung”. Người ấy có thể nói như sau: “Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi*

*là da đen, da sẫm hay da vàng”. Người ấy có thể nói như sau: “Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi thuộc làng nào, thuộc thị trấn nào, thuộc thành phố nào”. Người ấy có thể nói như sau: “Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái cung mà tôi bị bắn, cái cung ấy thuộc loại cung thông thường hay loại cung nỏ”. Người ấy có thể nói như sau: “Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được dây cung mà tôi bị bắn, dây cung ấy làm bằng cây leo, hay cây lau, hay một thứ gân, hay một thứ dây gai, hay một thứ cây có nhựa”. Người ấy có thể nói như sau: “Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy thuộc một loại cây lau này hay cây lau khác”. Người ấy có thể nói như sau: “Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, mũi tên ấy có kết lỏng gị, hoặc lỏng con kền, hoặc lỏng con cò, hoặc lỏng con ó, hoặc lỏng con công, hoặc lỏng một loại kết”. Người ấy có thể nói như sau: “Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy được cuốn (parikkhittam) bởi loại gân nào, hoặc là gân bò*



cái, hoặc là gân trâu, hoặc là gân nai, hoặc là gân lừa". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy thuộc loại tên nhọn, hay thuộc loại tên móc, hay thuộc loại tên như đầu sào, hay thuộc loại tên như răng bò, hay thuộc loại tên như kềm gai". Nay Malunkyaputta, người ấy sẽ chết và vẫn không được biết gì...

...Và này Malunkyaputta, vì sao điều ấy Ta không trả lời? Này Malunkyaputta, vì điều ấy không liên hệ đến mục đích, điều ấy không phải là căn bản Phạm hạnh, điều ấy không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, cho nên điều ấy Ta không trả lời." (hết trích)

Nhưng, nghĩa của chữ Phật Tánh là gì? Hoặc nên hiểu là gì? Ý nghĩa này, hình như đã biến đổi tùy theo thời gian, tùy quốc độ, tùy các nhà sư và học giả. Khi chưa có chữ Phật Tánh, thì những chữ nào mang nghĩa gần gần như thế?

Hình như (xin nói rằng, hình như) khái niệm Phật Tánh đầu tiên là xuất hiện trong Kinh Pháp Hoa, với khái niệm về Tri Kiến Phật và Pháp Thân (than ôi, toàn những chữ rất là khó nhớ, khó hiểu và khó ứng dụng). Kinh Pháp Hoa nói rằng khả năng thành Phật nằm sẵn trong tất cả mọi chúng sanh, như viên ngọc nằm sẵn trong túi áo mà chàng cùng tử bỏ quên, như hình ảnh Đức Phật Đa Bảo từ dưới đất (tâm) hiện lên, như hình ảnh Long nữ (vừa mang thân nữ, vừa không mang thân người) chỉ trong khoảnh khắc là thành Phật, như ngài Đề Bà Đạt Đa đang thọ khổ dưới địa ngục rồi cũng được Đức Phật Thích Ca thọ ký là một vị Phật tương lai... và vân vân. Ngắn gọn, Phật Tánh là Tri Kiến Phật, nên Kinh Pháp Hoa xuất hiện là để Khai, Thị, Ngộ, Nhập Tri Kiến Phật. Đứng về thuần lý luận, hiểu như thế là hợp lý, vì có Đức Phật Thích Ca là khuôn mẫu trước mặt.

Vậy thì, Phật Tánh nằm ở đâu? Đó là viên ngọc của thức. Trong Phẩm Phổ Môn của Kinh Pháp Hoa, sau khi ngài Vô Tận Ý (hiểu là thức) dâng xâu chuỗi ngọc cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, thì ngài Quán Thế Âm chia chuỗi ngọc làm hai, một phần cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (hiểu là, Đức Phật hiện kiếp), một phần cúng dường tháp của Đức Phật Đa Bảo (hiểu là, khi Phật Thích Ca nhập Niết Bàn thì vẫn còn tháp Phật Đa Bảo). Vẫn chưa sử dụng chữ Phật Tánh.

Vậy thì, làm thế nào nhập Phật Tri Kiến? Đó là **niệm tánh nghe**, Kinh Pháp Hoa gọi là **Niệm Quán Âm**, ghi rằng người nào ngộ nhập được Tánh Phật thì vô lượng nghiệp tiêu tan, trích:

*"Do sức niệm Quán-Âm, hàm lừa biển thành ao..."*

*Do sức niệm Quán-Âm, sóng mồi chẳng chìm được..."*

*Do sức niệm Quán-Âm, dao liền gãy từng đoạn..."*

*Do sức niệm Quán-Âm, tháo rã được giải thoát..."*

*Sanh, già, bệnh, chết khổ, lần đều khiến dứt hết..."*

Như thế, trong thức (pháp hữu vi, do duyên sanh khởi) ẩn tàng trong Tánh Phật (pháp vô vi, viên ngọc của giải thoát, có thể vào bằng tánh nghe). Chỗ này, bạn có thể tạm ngưng đọc, để thực tập trong khoảng một phút, thử lắng lẽ lắng nghe cái đang nghe, thì sẽ thấy có những khoảnh

khắc trong đó đã vắng mặt tham, sân, si. Thực tập như thế, có thể lắng nghe ở bất cứ nơi đâu, nơi ven biển, bên hiên nhà, trong đêm vắng, ở thư viện, giữa chợ... Và khi nghe chỉ là nghe, thì không hề có "cái tôi đang nghe" và không hề có "cái đang được tôi nghe" hiện lên. Đó là giải thoát, theo Kinh Bahiya Sutta, ký số là Kinh Ud 1.10.

Trong Tạng Pali, Kinh Bahiya Sutta có một vị trí đặc biệt, đọc lên y hệt như đọc Thiền sử Trung Hoa và Việt Nam. Lời Đức Phật dạy rất ngắn gọn, và cũng một phần nói về nghe, trích dịch như sau:

*"Thế này, Bahiya, ông nên tu tập thế này: Trong cái được thấy sẽ chỉ là cái được thấy; trong cái được nghe sẽ chỉ là cái được nghe; trong cái được thọ tưởng sẽ chỉ là cái được thọ tưởng; trong cái được thức tri sẽ chỉ là cái được thức tri." Cứ thế mà tu tập đi, Bahiya.*

*"Khi với ông, này Bahiya, trong cái được thấy chỉ là cái được thấy... [nhấn tới]... trong cái được thức tri chỉ là cái được thức tri, thì rồi Bahiya, ông sẽ không là 'với đó.' Này Bahiya, khi ông không là 'với đó,' thì rồi Bahiya, ông sẽ không là 'trong đó.' Này Bahiya, khi ông không 'trong đó,' thì rồi Bahiya, ông sẽ không ở nơi này, cũng không ở nơi kia, cũng không ở chặng giữa. Thế này, chỉ thế này, là đoạn tận khổ đau."*

Nghĩa là, giải thoát, tức pháp vô vi, nằm sẵn ở các hành hoạt của chúng ta, ở thấy, nghe, cảm thọ và nhận biết. Nghĩa là, không ở đâu hết, "không với đó, không trong đó" nhưng chính là giải thoát. Nghe y hệt như Kinh Kim Cang, nhưng kinh này gọi là Như Lai, mà không gọi là Tánh Phật: *"Nếu thấy các tướng không phải là tướng, thì là thấy Như Lai."*

Trong khi đó, Kinh Lăng Nghiêm nói với ngôn phong khẳng định: *"Toàn tướng tức tánh, toàn tánh tức tướng"* – dù vậy, vẫn chưa gọi là Phật Tánh. Ý này về sau được Thiền sư Đạo Nguyên, vị tổ sáng lập dòng Tào Động (Soto Zen) của Nhật Bản nói cụ thể rằng Phật Tánh cũng chính là Vô Thường, và Phật Tánh cũng chính là núi, là sông, là gió, là mây, là thân tâm, và là tất cả các pháp.

Như thế, hiển nhiên là có nhiều định nghĩa về Phật Tánh, hoặc là được hiểu, được lý giải khác nhau. Bên Tịnh Độ Tông có một giải thích về Phật Tánh (có lẽ) khác với ngài Đạo Nguyên.

Trong tác phẩm Kinh A Di Đà Sớ Sao, khi nói về tự tánh (hiểu là Phật Tánh), nơi Quyển 1-01, phần Minh Tánh, viết:

*"Bản thể của tự tính là: Linh (linh thiêng), Minh (sáng suốt), Đồng (rỗng rang), Triệt (thông thấu), Trạng (trong trẻo). Tịch (vắng lặng), Thường (còn), Hằng (lâu), chẳng phải trước, chẳng phải thanh, không lui, không tới, rất lớn thay cái chơn thể của nó không thể nghĩ bàn được, phải chăng chỉ có tự tánh của chúng ta mới như vậy? Lóng đục thành trong, trở trái làm mặt, vượt khỏi ba kỳ trong một niệm; bằng các thánh nơi chút lời, rất mau thay chỗ diệu dụng... cũng không thể nghĩ bàn đặng, duy có kinh A Di Đà mà đức Phật Thích Ca ngài nói đây thôi."*

Vượt khỏi ba kỳ trong một niệm, đó là ngôn phong Thiền khi chú giải Tịnh Độ, nghe y hệt Kinh Bahiya của Tạng Pali, và cũng y hệt như Kinh Susima (SN 12.70) khi các vị sư nhận ra pháp ấn vô ngã, cho dù chưa đắc Sơ thiền nhưng đã giải thoát, đã trở thành A la hán nhờ quán sát theo lời



Phật dạy: "...tất cả sắc pháp cần phải được quán như chơn như sau: 'Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tư ngã của tôi'..."

Tới đây, chúng ta thấy rằng, không phải vị sư nào cũng hiểu Phật Tánh theo cùng một nghĩa cố định, tuy rằng trong nghĩa đơn giản nhất, Phật Tánh chính là giải thoát. Đặc biệt, trong khi nhiều vị sư định nghĩa Phật Tánh rất phức tạp, khuynh hướng Thiền Tông lại cực kỳ đơn sơ, hồn nhiên.

Thậm chí, có Thiền sư nói trái ngược với cách hiểu truyền thống. Thí dụ, như trong sách "Vô môn quan," nơi công án thứ 33, khi một vị sư hỏi Mã Tổ rằng, "Phật là gì?" thì ngài Mã Tổ đáp, "Tâm này chẳng phải Phật." (Bản dịch Nyogen Senzaki và Paul Reys: This mind is not Buddha). Và rồi, ngài Vô Môn bình luận: "Nếu bất kỳ ai hiểu chỗ này, người đó học xong Thiền rồi." (If anyone understands this, he is a graduate of Zen.)

Thoạt nghe có vẻ bí hiểm, nhưng cần phải ngồi rất là lâu, nhiều năm sau, mới thấy rằng cái Vô Môn Ý chứa đựng sâu chuỗi ngọc (như Kinh Pháp Hoa nói) hiển nhiên là, giải thoát không nằm ở thức, vì thức là do duyên, thức sinh và diệt là do duyên, nhưng vẫn không là giá trị của chuỗi ngọc. Có thể hình dung bằng hình ảnh của Thiền Tông rằng tánh của tâm là như gương sáng, hình ảnh hiện lên khi vật tới, tức là thức hiện lên khi căn gặp trần, thức sinh và diệt, nhưng tánh sáng không lìa gương, và cũng không chỉ ra được tánh chiếu sáng đó ở đâu, tánh chiếu sáng đó không một, không hai, không ít và cũng không nhiều.

Theo Thiền Tông, chỉ khi buông bỏ trọn bộ tất cả những gì gọi là tâm, thì mới là giải thoát. Trong công án 46 của Vô Môn Quan, là khi đã tới đầu cây sào trăm trượng, khi tu giới định huê tới mức tuyệt hảo rồi, thì bước thêm một bước (là buông bỏ hết, không nương dựa gì nữa, là vào nơi bất khả tư nghì) mới thấy được giải thoát.

Nói bước thêm một bước từ đầu sào trăm trượng, cũng là một hình ảnh của Thiền Tông Việt Nam, được ngài Tuệ Trung Thượng Sỹ (1230-1291) nói là trâu bùn qua sông, nghĩa là, trâu (tâm) muốn lội qua sông thì phải tan ra để hòa với nước. Chỗ này, trong Thiền Tông Trung Hoa ghi lời Ngài Phó Đại Sĩ (497-569) nói: "Muôn tượng tuy bao la, song một mây trần chẳng lập." Tức là, trong tâm không lập gì hết. Đó là Kinh Kim Cang, khi nói rằng khi thấy các tướng không phải là tướng thì sẽ thấy Như Lai, tức là thấy Phật Tánh.

Tuy nhiên, hầu hết các Thiền sư vẫn tránh nói chữ Phật Tánh. Thậm chí, có vị còn nói kiểu như giễu cợt. Và nhiều Thiền sư khi gặp những câu hỏi, thì liền lôi kéo người hỏi Thiền về ngay cái thấy, cái nghe hiện tiền.

Thí dụ, Vô Môn Quan cũng ghi về tích một nhà sư hỏi về ý của Tổ sư từ Phương Đông tới là gì, thì ngài Triệu Châu liền chỉ ra cây bách trước sân và nói, "Cây bách trước sân." Sẽ có một số vị sư, khi quay đầu ra nhìn theo hướng tay ngài Triệu Châu để thấy cây bách, liền nhận ra trong tâm ở khoảng khắc đó không còn tham sân si nào, bất giờ mới hiểu giải thoát là nơi thấy và nghe ở hiện tiền.

Tương tự, trong sách Bích Nham Lục, trong Tắc 20 nhan đề Thủy Vi Thiền Bản, bản Việt dịch

của Thầy Thích Thanh Từ, có kể như sau, trích: "Nhu Ngũ Duệ đến tham vấn Thạch Đầu tự ước hẹn: nếu một lời khế hợp thì ở, chẳng hợp thì đi. Thạch Đầu ngồi trên tòa, Ngũ Duệ phủ áo ra đi, Thạch Đầu biết là pháp khí, liền buông lời chỉ dạy. Ngũ Duệ không lãnh hội được yếu chỉ, cáo từ ra đi. Ra đến cửa, Thạch Đầu gọi: Xà-lê! Ngũ Duệ xoay lại nhìn. Thạch Đầu bảo: Từ sanh đến tử chỉ là cái này, xoay đầu chuyển não lại chỗ tìm riêng. Ngũ Duệ ngay lời nói đó đại ngộ."

Khi ngài Ngũ Duệ xoay đầu lại nhìn, thì được ngài Thạch Đầu nói rằng từ sanh đến tử chỉ là cái này... Tức là, khoảnh khắc đó trước mắt, trong cái thấy hiển lộ ra tâm giải thoát, một pháp vô vi tàng ẩn trong tất cả những gì hữu vi đời thường. Nhưng, không tự nhiên như thế, phải có cọng đường tu học, đó là Bát Chánh Đạo, nhưng mỗi thầy có thể dạy khác nhau.

Trong Tạng Pali, Đức Phật nói gì về những gì có thể hiểu gần như Phật Tánh. Có một số kinh như thế. Như trong Kinh Ud 8.3 (trong Tiểu Bộ Kinh), chúng ta trích dịch qua các bản Anh văn như sau:

"Này các Tỳ kheo, có một pháp không do sinh ra, không do trở thành, không do tạo tác, không do duyên tới. Này các Tỳ kheo, nếu không có cái không do sinh ra, không do trở thành, không do tạo tác, không do duyên tới, thì các người sẽ không giải thoát nổi ra khỏi cái do sinh ra, cái do trở thành, cái do tạo tác và cái do duyên tới. Nhưng bởi vì, có một pháp không do sinh ra, không do trở thành, không do tạo tác, không do duyên tới, nên giải thoát mới tìm được ra khỏi cái do sinh ra, cái do trở thành, cái do tạo tác và cái do duyên tới."

Dĩ nhiên, bạn có thể gọi là Phật Tánh, nếu muốn. Nhưng dịch cho sát nghĩa, người xưa vẫn thường dịch là vô vi. Hay là Kinh Pabhassara Sutta ghi lời Đức Phật: "Tâm này, này các Tỳ-kheo, là sáng chói. Và tâm này bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào. Kẻ phạm phụ ít nghe, không như thật rõ biết tâm ấy." (Bản dịch của Thầy Minh Châu). Có nghĩa là, bản tâm thì chói sáng và xa lìa cấu uế, nghĩa là, tham sân si chỉ là từ ngoài bám tới?

Đức Đạt Lai Lạt Ma nói rằng bản Kinh Pali vừa dẫn, khi nói về tâm chiếu sáng và xa lìa cấu uế, chính là cái Không chiếu diệu của gương tâm, và cũng là bản tâm (hay tự tánh), nhưng nhiều nhà sư Nam Tông lại giải thích khác. Bạn nên tự trả lời thì tốt hơn. Vì các Thiền sư nói, hãy bước thêm một bước, khi tới đầu sào trăm trượng, nghĩa là không bám vào bất kỳ gì nữa, không bám vào bất kỳ vị thầy nào nữa, và cũng không bám vào cả các chữ như Phật Tánh hay vô vi. Đó sẽ là hạnh phúc, ngay nơi ở thấy nghe hay biết.

Nói ngắn gọn, nếu bạn luôn luôn nói là "không biết" đối với tất cả các pháp, thì ngay khi đó bạn đang sống với một tâm rỗng rang của gương tâm, một tâm không có hình ảnh nào chiếm ngự được nơi mặt gương, một tâm "không biết" mà mọi thứ hiện ra là biến mất ngay, một tâm của xa lìa tham sân si, nơi đó bạn không dính vào bất kỳ chữ nào nữa. Và nếu bạn hỏi thêm nữa, thì tác giả bài viết này xin nói rằng không biết, và trăm vạn lần không biết, vì không còn chữ nào trong tâm người viết nữa, bất kể là khi đang gõ rất nhiều chữ.

## ĐÊM NGUYỆT BẠCH

Trôi từ bờ nguyệt lạnh  
Bóng người in lẻ loi  
Vườn tình tôi rụng xuống  
Nửa trái sầu – mô côi.  
Trong giấc mơ hồ điệp  
Cánh chim vừa bay đi  
Cơn mưa rào bất chợt  
Thấu thị lời tiên tri.

Soi đèn từng đêm trắng  
Mới thấy đời hư hao  
Cỏ hoa thời mưa nắng  
Ngủ vùi trong chiêm bao.  
Ơn người ai cứu rồi  
Phép lạ nào trên tay  
Chuyện ngày xưa đã muộn  
Nào qua hết đêm nay

Thả bài thơ theo gió  
Bay vào cõi hư không  
Còn xanh màu lá biếc  
Trong vườn tình tôi không?

## DẤU TRẮNG XƯA

Tôi tìm thấy tôi trong khúc hát  
Khúc xa người từ cõi hư vô  
Chỉ thấy đôi bờ âm tiếng sóng  
Sông dài nhánh cỏ dạt bờ vợ.

Dấu biết môi người còn rất ấm  
Đâu còn san sẻ kịp đời sau  
Giây phút cạn lòng nhau chực khóc  
Tương tư – mưa rã ướt vai nhau.

Tôi tìm thấy tôi trong chiếc lá  
Úa vàng từ thuở mới tìm môi  
Đã tan máu chảy từ tim óc  
Biển gọi triều dâng ngập ngựa người.

Cây khô chối bỏ lời tâm sự  
Dận lòng đừng hỏi sợ người quên  
Suối cạn trở nguồn ngàn năm nữa  
Đá sỏi cũng đành đã ngủ yên.

Đằng sau bóng lá hồn hoa đỏ  
Có tóc người bay lạnh bốn mùa  
Mưa nắng qua đời nhau quá vội  
Còn ai tìm lại dấu trăng xưa.



## TÌM TRONG VẾT BỤI THỜI GIAN

Ngày vừa đi – tháng cũng trôi  
Tóc xanh từ đó cũng phơi sương chiều  
Tiếng cười ai đó đều hui  
Sóng trong lòng cuộn rất nhiều đa đoan.

Lặng thầm nhịp bước thời gian  
Dấu hằn đuổi mắt nhang tàn thấp vui  
Phấn son dấu nhạt môi người  
Chạm vào nỗi nhớ ngỡ đời phân đôi.

Hương phù du – thoáng ngậm ngùi  
Thu đông chưa kịp luân hồi xác thân  
Mùa rơi màu lá thanh xuân  
Gọi hương tình cũ bao lần tóc tơ.

Đường về đâu tuổi ngây thơ  
Bóng người xa khuất bãi bờ riêng tôi  
Ngủ trên tay dấu một đời  
Ngực trầm hương rụng mấy lời tương tư.

Hỏi người – chiếc bóng thiên thu  
Treo mùa trắng khuyết hình như đã tàn  
Tìm trong vết bụi thời gian  
Bao mùa mưa nắng úa vàng tóc xưa.

thơ NGUYỄN AN BÌNH

# VĂN HÓA DUYÊN SINH GIỮA KHÓI LỬA HẬN THÙ HIỆN NAY

*Huỳnh Kim Quang*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



Chúng ta đang sống trong một thế giới đầy hận thù, xung đột, phân hóa và cực đoan. Mạng sống vốn bình đẳng và quý giá của con người đã chẳng còn chút giá trị thiêng liêng và cao quý nào cả trong cái nhìn lạnh lùng và trái tim sắt đá của những nhà lãnh đạo và chính trị gia cuồng vọng, hay của những đảng phái và chủ nghĩa cực đoan, độc tài và tàn bạo!

Nhân loại đang rơi vào thảm họa của một thời kỳ nhuộm màu sắc văn hóa cực bộ, phiến diện và bất bao dung. Đó là sắc thái văn hóa, mà trong đó hoặc là anh đúng, hoặc là tôi đúng; hoặc là anh chết, hoặc là tôi sống; không có thỏa hiệp, không có cộng sinh. Và dĩ nhiên, không ai chấp nhận mình sai, cũng không ai muốn mình chết. Cho nên, chúng ta phải quyết đấu nhau, một còn một mất.

Thảm trạng đó sở dĩ xảy ra là bởi vì con người quên rằng ngay cả sự có mặt của chính mình trên cuộc đời này cũng đã không phải do một mình mình quyết định hoặc một mình mình có thể làm được. Tất cả con người trên thế gian này sinh ra và tồn tại đều phải nhờ vào người khác, thứ khác, điều kiện khác. Hay nói theo thuật ngữ nhà Phật gọi là "duyen sinh."

Vậy tại sao có người cố tình chối bỏ sự hiện hữu bình đẳng của những người khác, của những thứ khác?

Trong bối cảnh dầu sôi lửa bỏng hiện nay, có lẽ hơn lúc nào hết, chúng ta thử tìm hiểu xem nền văn hóa duyên sinh có thể đóng góp được gì cho một giải pháp cứu chữa cấp bách của thời đại. Nhưng trước hết, chúng ta hãy nói một chút về văn hóa.

## Văn hóa

Hiện nay, văn hóa đối với những nhà nhân loại học đã trở nên bao quát và trừu tượng hơn bao giờ hết. Từ định nghĩa tổng quát của nhà nhân loại học Edward Burnett Tylor trong tác phẩm "Primitive Culture" của ông xuất bản năm 1871:

*"Văn hóa... là tổng phức thể bao gồm kiến thức, niềm tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục, và bất cứ khả tính cũng như tập quán nào khác được thành đạt bởi con người như là thành viên của xã hội."*[1]

Đến những quan điểm trở thành trừu tượng của hai nhà nhân chủng học Hoa Kỳ A. L. Kroeber và Clyde Kluckhohn được đưa ra trong tác phẩm "Culture: A Critical Review of Concepts and Definitions," xuất bản năm 1952[2], xem văn hóa như là "learned behaviour" (hành xử tri thức), "ideas in the mind" (những ý tưởng trong tâm thức), "a logical construct" (lý thuyết hợp lý), v.v...

Như vậy, văn hóa bao gồm tất cả những sinh hoạt đa dạng của con người xét như là thành phần của xã hội, từ dạng thức vật chất cụ thể đến dạng thức tinh thần trừu tượng. Bác sĩ Trần Ngọc Ninh trong cuốn "Tuyệt Xưa," viết về văn hóa, cũng đã khẳng định:

*"Trong đời sống hiện tại của tất cả các xã hội người trên trái đất này, không có một hoạt động nào, từ tôn giáo, triết lý, nghệ thuật, văn chương, đến sự trồng lúa, nuôi con, chữa bệnh, đến sự ăn, uống, ở, mặc, mà không thoát ra một tính cách văn hóa. Nói cách khác, văn hóa ở trong tất cả cuộc sống của người và in dấu trong tất cả các công trình và sản phẩm của người."*[3]

Con người không thể kiến tạo nếp sống văn hóa nếu nó không có một cấu trúc cơ thể vật lý và trí năng đặc biệt hơn các loài động vật khác, cùng những mối tương quan tương duyên với môi trường sống chung quanh, trong đó có môi trường thiên nhiên và môi trường tập thể người. Cấu trúc của não bộ và hệ thần kinh trong cơ thể con người cho phép nó có thể phát huy được công năng vi diệu của tư duy, ngôn ngữ và những hành động qua chân tay. Đặc biệt là ngôn ngữ, nhờ ngôn ngữ mà con người đã tiến xa trên con đường tạo dựng nếp sống văn hóa ưu việt. Mối tương quan với môi trường thiên nhiên cũng là yếu tính quyết định trong công cuộc tạo dựng nếp sống văn hóa của con người. Tiếp xúc với thiên nhiên, con người cần phải tìm giải pháp cho vấn đề sinh tồn của cuộc sống, từ đó dẫn đến những phương thức vừa khai thác vừa bảo vệ thiên nhiên, hay lắm lúc tàn phá, qua các lãnh vực khoa học kỹ thuật. Trong mối tương quan với cộng đồng người, con người đã học

được những bài học quý giá để triển khai nếp sống văn hóa mà qua đó các nền đạo đức, luân lý, thuần phong mỹ tục, giao tế, giáo dục, thể chế chính trị, v.v... đã được thiết lập.

### Tính duyên sinh của văn hóa

Từ đó, chúng ta thấy rằng tính tương quan tương duyên, hay duyên sinh, là thành tố quan trọng nhất của văn hóa người. Ý nghĩa duyên sinh bao hàm nhiều sắc thái: Văn hóa được hình thành qua sự kết hợp bởi nhiều yếu tố như cấu trúc đặc biệt của cơ thể sinh lý và tâm lý người, như sự tiếp cận với thế giới thiên nhiên, như sự chung sống với tập thể người, sự liên đới với các nền văn hóa khác. Văn hóa còn được hình thành trong mối tương đãi tương khắc, như bác sĩ Trần Ngọc Ninh đã có lần định nghĩa:

*"Văn hóa là cái mà ta khác họ... "Văn hóa" là toàn bộ những khác nhau trong sự sinh hoạt của ta và sự sinh hoạt của họ."*[4]

Nhìn lại trong thời đại của chúng ta hôm nay, đặc tính duyên sinh của văn hóa đã ngày càng nổi bật lên một cách đậm nét. Hiện nay, không một lãnh vực cá biệt của nền văn hóa nào, không một nền văn hóa nào mà không mang tính tương quan tương duyên với các lãnh vực văn hóa khác, với các nền văn hóa khác, bởi vì thế giới đang ngày càng xích lại gần nhau hơn, không gian của địa cầu đang ngày càng nhỏ hẹp hơn qua những tiến bộ của nền văn minh khoa học kỹ thuật. Như cách ăn mặc của con người chẳng hạn, trong những buổi lễ tiệc long trọng, người đàn ông, dù là thuộc nền văn hóa nào, thuộc đất nước nào, đa số đều trang phục bằng những bộ suits. Cũng vậy, Anh ngữ ngày nay đã đóng một vai trò quan trọng và phổ quát trong các cuộc bang giao và truyền đạt thông tin quốc tế.

Qua sự tiếp cận thường xuyên hơn, con người nói chung và các nền văn hóa nói riêng không làm sao tránh khỏi tình trạng hấp thụ lẫn nhau sắc thái văn hóa khác. Trên bình diện bảo lưu văn hóa thì đây là hiện trạng đáng quan ngại, bởi vì nó sẽ dẫn đến việc xóa mờ biên giới sai thù và đặc dị của một nền văn hóa. Nhưng trên bình diện phát huy sáng tạo, thì đây là một cơ hội quý giá để một nền văn hóa có thể vừa trui luyện khả năng tự tồn, vừa tiếp thu một cách có phê phán và sáng tạo những ưu việt của một nền văn hóa khác cho sự vươn lên của văn hóa bản địa.

Việt Nam là trường hợp điển hình cho ý nghĩa vừa đề cập trên. Suốt một ngàn năm bị lệ thuộc Trung Quốc, và ngót một trăm năm bị cai trị bởi thực dân Pháp, nhưng người Việt Nam vẫn có thể duy trì được mạch văn hóa đặc thù của mình mà không bị mai một trước chủ tâm đồng hóa văn hóa của hai đế quốc nói trên. Tất nhiên, không ai chối cãi rằng văn hóa Việt Nam còn bị một số ảnh hưởng nhất định của văn hóa Tàu và Tây. Nhưng chúng ta đã không đánh mất bản sắc văn hóa của ta. Thí dụ, chữ Hán Việt mà cho đến ngày nay chúng ta vẫn sử dụng, dành là chúng bắt nguồn từ chữ Hán của người Tàu, nhưng nó hoàn toàn đã thoát ra khỏi cái sắc thái văn hóa Tàu rất xa. Khi người Việt Nam sử dụng chữ Hán Việt thì ý nghĩa của nó đã hoàn toàn mang tính văn hóa Việt Nam. Thí dụ, chữ "khốn kiếp", trong tiếng Tàu nó có nghĩa là kiếp sống khốn khổ, làm than, nhưng trong tiếng Việt thì nó lại có nghĩa như một lời nguyền rủa đối với kẻ mà mình thù



*Một khúc đường trên phố cổ Hội An, Việt Nam. Hội An là thành phố tiếp nhận nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới trải qua nhiều thế kỷ. (Photo: [www.pixabay.com](http://www.pixabay.com))*

ghét, hay đôi khi, được biểu đạt như một lời mắng yêu. Khi sử dụng chữ Hán Việt, người Việt Nam đã phát âm chúng theo lối phát âm riêng của mình và do đó mang cả cái cảm tính và ý nghĩa của văn hóa Việt Nam, chứ không còn thuần túy là chữ nghĩa của người Trung Hoa nữa.

Khi văn hóa mang tính duyên sinh thì cũng có nghĩa là nó hàm ngụ tính tương diệt và vô thường. Tương diệt là bởi vì, khi hai nền văn hóa, hai sắc thái văn hóa gặp nhau chúng vừa hấp thụ lẫn nhau vừa loại trừ lẫn nhau. Chính trong sự hấp thụ để khai sinh ra một sắc thái văn hóa mới, dù tế nhị đến đâu, cũng có nghĩa là đã có sự tương diệt của một hay nhiều sắc thái văn hóa khác. Vì là duyên sinh cho nên, văn hóa mang tính vô thường. Duyên sinh là các điều kiện, các yếu tố đến với nhau để hình thành văn hóa. Như vậy bản thân văn hóa chỉ là một tập hợp giả danh của các điều kiện, các yếu tố mà chính thật ra trong tận cùng căn cội tất cả đều nương nhau mà có, không tự có, không có thực tính. Bởi vậy cho nên, tất cả các nền văn hóa đều có thể tồn tại, phát triển và hủy diệt. Nhờ tính vô thường mà văn hóa có thể vận hành để tồn tại và phát triển. Cái gì vận hành, chuyển đổi, biến dịch thì cái đó là vô thường, bởi nếu thường hằng thì không vận hành, không chuyển đổi, không biến dịch. Một nền văn hóa không vận hành, không chuyển đổi, không biến dịch để thích ứng với cơ vận dịch biến của vũ trụ và xã hội con người là một nền văn hóa cứng nhắc, khô chết, một nền văn hóa bị diệt. Lịch sử của loài người đã chứng minh điều ấy, rằng trong quá khứ có rất nhiều nền văn hóa đã bị hủy diệt bởi vì không có khả năng tính uyển chuyển để thích ứng với cơ vận của thời đại mình.

Tính cố chấp vào văn hóa như một thực thể bất biến, hoặc xem văn hóa như là hình thái cấu trúc của hữu thể là mối nguy lớn nhất của nền văn hóa nhân loại hiện tại. Chính trong chiều hướng này mà con người càng ngày càng bị nô lệ bởi văn hóa, cái mà đúng ra chỉ là sản phẩm của người. Tất nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chúng ta chấp nhận luận thuyết của những kẻ theo chủ nghĩa hư vô. Chủ nghĩa hư vô phá đổ tất cả vì mất niềm tin vào con người, vào thế giới. Nó là một thứ lăng kính một chiều, cực đoan theo chủ nghĩa

đoạn diệt. Đặc tính duyên sinh không mang ý nghĩa đoạn diệt hay thường còn. Nó nhìn thấu suốt vào căn cội của tất cả mọi sự hữu để thấy rằng mọi sự hữu vốn là tập hợp của nhiều điều kiện, nhiều yếu tố, không thật có tự thể cố định.

Có người cho rằng nói đến bản sắc văn hóa là đã mặc nhiên thừa nhận thực tính của một nền văn hóa. Cho nên, nếu phủ nhận thực tính của văn hóa cũng đồng nghĩa với phủ nhận sự có mặt của bản sắc văn hóa. Như vậy đâu có khác gì với chủ nghĩa hư vô? Hơn nữa, nếu văn hóa là duyên sinh nghĩa là chỉ có cái tên giả tạm mà không có thực tính thì cần gì phải nhọc công gầy dựng văn hóa, phải tốn sức phát huy bản sắc đặc thù của văn hóa?

Đúng ra vấn đề nêu trên phải được đặt ngược lại. Nghĩa là nếu văn hóa mà có thực tính thì con người đã không thể gầy dựng được nó, đã không thể phát huy được bản sắc của nó. Vì sao? Giống như hai hóa chất, nếu chúng đều có thực tính, nghĩa là không thể thay đổi, không thể biến dịch, không thể hòa hợp làm một với nhau, thì làm sao người ta có thể kết hợp chúng lại để tạo ra một hóa chất khác. Khi hai hóa chất hòa hợp tạo ra một sản phẩm mới khác, có nghĩa là chúng phải tự đánh mất bản tính của nó, như vậy chúng thật sự không có bản tính gì cả. Tương tự như thế, nếu con người có bản tính là thực tính, nghĩa là bản tính ấy không thể chuyển dịch, không thể chuyển hóa được, thì làm sao người xấu có thể được chuyển hóa thành người tốt. Cũng vậy, nếu văn hóa vốn đã có thực tính, nghĩa là không thể thay đổi, thêm bớt, cải thiện gì được nữa thì làm sao chúng ta có thể gầy dựng hay phát triển được gì cho văn hóa? Chính vì văn hóa không có thực tính cho nên con người trải qua nhiều thế hệ mới có thể tô bồi thêm cho phong phú nền văn hóa của họ, mới có thể hình thành nên những sắc thái văn hóa mới đầy bản sắc và sáng tạo.

### Văn hóa duyên sinh

Chúng ta không nên quên rằng, có một nền văn hóa đặt nền tảng trên ý nghĩa thâm diệu của đạo lý duyên sinh đã tồn tại và phát triển sâu rộng trên thế giới này hơn hai mươi lăm thế kỷ nay. Đó là văn hóa duyên sinh của Phật giáo.

Quả thật, khi phải dùng đến chữ "văn hóa" để nói đến văn hóa Phật giáo thì người viết không cảm thấy an tâm. Bởi vì, chữ "văn hóa" thật sự đã bị Tây phương hóa, vật chất hóa, khái niệm hóa, phạm trù hóa, thực thể hóa. Thật vậy, thông thường khi con người nói đến văn hóa và những thành quả của văn hóa, người ta ắt phải nghĩ rằng những gì thuộc về văn hóa phải có thật, phải thật sự hiện hữu với thực tính của nó. Nếu không như vậy, thì văn hóa là cái gì? Làm văn hóa để được gì? Chính vì thế, dưới nhãn quan của con người, văn hóa là thật, khoa học kỹ thuật và thành quả của nó là thật, nền văn học phong phú của nhân loại là thật, cấu trúc nguy nga tráng lệ của ngôi nhà là thật, v.v... Tất cả đều thật!

Vì cho là thật cho nên, con người không thể buông bỏ nó, cứ bám chặt vào nó, bảo thủ cố chấp nó, xem nó là cái quý giá nhất trong thiên hạ, còn những thứ văn hóa khác đều không đáng giá. Từ đó những định kiến khởi sinh, những ngăn cách và dị biệt có mặt, những xung đột đối kháng phát sinh, rồi phân hóa, thù hận, chiến tranh,

máu lửa tràn ngập khắp mặt địa cầu! Anh thuộc về văn hóa Tây phương, tôi thuộc về văn hóa Đông phương. Anh là văn hóa Hồi giáo, tôi là văn hóa Thiên chúa giáo, v.v... Văn hóa ấy chứa đựng những mầm mống của nhị nguyên, của lưỡng cực. Văn hóa ấy không quan tâm đến việc nhìn thấu vào bản chất của các pháp để khai mở trí tuệ và chuyển hóa cội rễ của khổ đau và bất ổn là vô minh, là tham-sân-si. Đây chính là nội dung của văn hóa mà nhân loại đang thủ đắc hôm nay!

Đạo lý duyên sinh của đạo Phật nhìn xuyên suốt vào tận cùng bản chất của các pháp, kể cả văn hóa, để thấy rằng tất cả đều hiện hữu trong ý nghĩa tương quan, tương duyên, tương thành, tương diệt. Không phải là hư vô không có gì, cũng chẳng phải thường còn bất hoại, mà là có mặt một cách tương đãi, tương đối, có mặt tạm bợ, không thật có tự tính, không trường tồn bất diệt. Với tri kiến như vậy, đạo lý duyên sinh đẩy con người vượt lên trên tất cả mọi trói buộc của danh ngôn và huyền tướng, không chấp co, cũng chẳng trệ không, thông dong tự tại trong ba cõi sáu đường, "cư trần lạc đạo"[5] (sống giữa cuộc đời mà vẫn an lạc).

Tuy nhiên, không phải vì thế mà rũ bỏ tất cả để chỉ hưởng thụ cảnh giới giải thoát cho riêng mình. Vì qua đạo lý duyên sinh, con người còn nhận thức được rằng, sự khổ đau và an lạc của tất cả chúng sinh trong pháp giới có liên hệ chặt chẽ với sự khổ đau và an lạc của mỗi cá nhân. Nói cách khác, khi còn có người khổ đau tức là còn vô minh và phiền não trong mỗi tương quan cộng sinh rộng lớn của cộng đồng nhân loại, lúc đó người hành đạo phải cố thể nguyên giải khổ cho đến kẻ khổ đau cuối cùng. Vì lẽ đó, trong đạo lý duyên sinh luôn luôn bao hàm hai điều nghĩa: Một là trí tuệ thực chứng rốt ráo tánh không của vạn pháp, hai là tâm lượng đại từ bi ban vui và cứu khổ cho tất cả pháp giới chúng sanh.

Thông qua quá trình lịch sử của Phật giáo Việt Nam, ý nghĩa đó đã được sử gia Lê Mạnh Thát nhìn một cách quán triệt trong cuốn *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam* tập III:

*"Ngày nay khi nhìn lại sự nghiệp đánh Tống bình Chiêm của Lý Thường Kiệt, chúng ta không khỏi bồi hồi tự hỏi không biết tổ tiên ta đã dựa trên những hệ tư tưởng nào để đạt được những thành tựu như thế. Bây giờ qua việc phân tích một bài kệ nhỏ của thái hậu Ý Lan, ta đã thấy thấp thoáng dáng hình của một hệ tư tưởng đã chi phối và tạo nên những thành tựu ấy. Đó một hệ tư tưởng nhìn nhận mọi tồn tại chỉ tồn tại trong tương quan với những tồn tại khác.*

*"Đây là một hệ tư tưởng thấm đậm tư tưởng duyên sinh của Phật giáo, đồng thời cũng phản ảnh hệ tư tưởng chỉ đạo, mà dân tộc ta đã xây dựng được cho tới thời điểm ấy qua cuộc đấu tranh sinh tồn khốc liệt và hoành tráng."*[6]

Đạo lý duyên sinh ấy cũng mở ra cho con người một kiến giải như thực về vũ trụ và nhân sinh. Theo đó, vũ trụ là một mạng lưới duyên sinh vô cùng tận giữa tất cả các pháp từ một tâm niệm vô hình tướng cho đến những thiên hà mệnh mông không ngần mé. Tất cả đều tồn tại trong tư thế tương quan tương duyên. "Cái này sinh cho nên, cái kia sinh. Cái này diệt cho nên, cái kia diệt." Thế giới mà chúng ta đang sống, thân phận người mà chúng ta đang mang đều là thành tố bất

khả phân trong cái màng lưới trùng trùng duyên sinh ấy. Trong ý nghĩa duyên sinh, mọi pháp đều có vị thế bình đẳng như nhau. Không một pháp nào là chủ nhân ông của những pháp khác. Cho nên, mọi sự sống, mọi sinh mệnh của chúng sinh đều bình đẳng. Không một ai có quyền xúc phạm đến sự sống thiêng liêng của kẻ khác. Vì là duyên sinh như huyền, do đó, mọi trạng huống đều có thể biến dịch, thay đổi, chuyển hóa. Khổ đau và hạnh phúc, trầm luân và giải thoát, vô minh và giác ngộ, tất cả đều có thể chuyển hóa trong khả tính của mọi chúng sinh.

Như vậy, đạo lý duyên sinh còn là nền tảng cơ bản cho việc xây dựng nhận thức quan, nhân sinh quan và vũ trụ quan bao quát, để từ đây mở ra khung trời văn hóa với nhân tính, giải thoát và giác ngộ. Điểm ưu việt của đạo lý duyên sinh chính là ở chỗ vừa mang sắc thái văn hóa vừa hàm ngụ khả tính vượt lên trên những hạn cục mà một nền văn hóa thông tục bị trói buộc. Đây chính là lý do để giải thích sự kiện tại sao nền văn hóa duyên sinh ấy của đạo Phật khi đến đâu cũng có thể hòa nhập vào văn hóa bản địa mà không đánh mất bản sắc đặc thù của mình. Phật giáo ở Ấn độ, Trung hoa, Việt nam, v.v... có sắc thái văn hóa riêng của dân tộc mỗi nước. Bản sắc đặc thù ấy chính là nền văn hóa duyên sinh hướng đến mục tiêu tối thượng thắp sáng ý nghĩa màu nhiệm của kiếp sống nhân sinh bằng phương thức chuyển hóa vô minh, giác ngộ chân tánh và giải thoát mọi khổ não.

Nói tóm lại, nhân loại hiện nay đang tự hào về những thành quả của nền văn minh khoa học, kỹ thuật và tin học. Theo đó trên lãnh vực thông tin thương mại, con người như đang xích lại gần nhau hơn, thế giới như đang thu hẹp lại nhỏ hơn. Nhưng thực tế không như vậy. Những dị biệt giữa các nền văn hóa, những tranh chấp ý thức hệ, những tham vọng điên cuồng, những ý tưởng cực đoan và tàn bạo, những bất công và cách biệt sâu rộng trong lòng các xã hội đang là mối bất an, khủng hoảng và bế tắc trầm trọng cho thế giới! Chính vì thế, mặc dù đã bước vào hơn hai thập niên của thế kỷ thứ hai mươi mốt, con người vẫn còn phải gánh chịu những thảm họa của chiến tranh và thù hận.



*Tu Viện Paro Taktsang, thường được biết với tên Taktsang Palphug Monastery, hay The Tiger's Nest, là một thánh địa nổi tiếng của Phật Giáo Bhutan. Tu Viện này được xây vào năm 1692. (Photo: [www.pixabay.com](http://www.pixabay.com))*

## KINH ĐÊM

*Kinh buồn  
mọc nhánh hương thiêng  
Lời ru sám hối  
khóc miền ăn năn*

*Khô chưa  
giọt đã muộn màng?  
Câu kinh độ lượng  
Xóa lằn vết nhơ*

*Rêu phong  
phủ gót bụi mờ  
Phôi pha thuở bước  
lạc bờ - sân si*

*Kinh đêm rơi giọt từ bi  
Hồn hoang khô nở xanh rì ban mai.*

thơ NHẬT QUANG



Trên con đường tìm cầu giải pháp trọn vẹn cho những nan đề, cũng như trên lộ trình hướng đến sự vượt thoát mọi bế tắc và khổ đau của nhân loại mà các nền văn hóa thông tục ngày càng đi vào hướng cực đoan, phiến diện không thể đáp ứng, thì văn hóa duyên sinh của đạo Phật có thể là một chọn lựa cho một hướng nhìn mới bao dung, hòa bình và khai phóng hơn. Điều này không là lý thuyết võ đoán, hoặc là ước mơ hão huyền. Đó là sự thực mà lịch sử có mặt của đạo Phật trong suốt hơn hai mươi lăm thế kỷ qua đã cho thấy.

### Chú thích:

- [1] *The New Encyclopedia Britannica*, vol. 16, 15th Edition, 1992, p.874.
- [2] *Ibid.*, p.874-875.
- [3] Trần Ngọc Ninh, *Tuyệt Xưa*, Khởi Hành, 2002, trang 112.
- [4] Trần Ngọc Ninh, *Tuyệt Xưa*, Khởi Hành, 2002, trang 110-111
- [5] Chữ của Đệ Nhất Tổ Thiền phái Trúc Lâm Trần Nhân Tông trong Cư Trần Lạc Đạo Phú.
- [6] Lê Mạnh Thát, *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam* tập III, Nhà xuất bản TP Hồ chí Minh, 2002, trang 256.

# Cây xanh trên triền núi

HẠNH CHI

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trên đường xuống núi, hành giả dừng chân trước một chòi lá đơn sơ, dường như ai đó dựng vội ven đồi. Nhìn quanh, chỉ có ta-với-ta, hành giả bước vào chòi, và nhẹ nhàng ngồi xuống một tảng đá tương đối bằng phẳng.

Bên ngoài, gió vẫn rạt rào, tuy mây xám như đang chuyển màu, trong và xanh, không như mới đây, mây cùng gió lớn báo hiệu cơn mưa đang tới khiến hành giả không thể tiếp tục ý muốn sáng sớm nay, là lên núi tọa thiền và đọc sách. Gió đã mạnh tới mức bước chân xuống núi ngả nghiêng, chao đảo vậy mà những cây xanh trên núi vẫn an nhiên đứng vững. Gió chỉ khiến cây đong đưa như vũ điệu hoà cùng âm giai hợp tấu mùa xuân.

Lạ! Hạt mầm nào từ đâu mà tìm nơi non cao gieo xuống! Không đất, không cát, hạt có nảy mầm thì rễ bám vào đâu mà đứng vững với phong ba!

Trong vạn hữu bao la, không có chi là tình cờ mà dường như từ ngữ "tình cờ" chỉ để tạm diễn đạt những gì chưa đủ duyên hiển lộ. Đã chọn nơi non cao khắc nghiệt, hẳn hạt mầm biết sinh lộ, là rễ nhú chùng nào phải bám sâu vào sỏi đá chứng nấy. Muốn bám sâu vào sỏi đá, rễ phải có quyết tâm và dũng cảm.

Thấu rõ điều kiện và hoàn cảnh thì phương tiện sẽ đáp ứng.

Thế nên, trước cùng một sự việc, có người "Không! Không thể được!" nhưng lại có người "Được! Được chứ sao không!"

Một chút quán chiếu cây xanh khiến hành giả chợt nhìn thấy tâm mình, vì sao sáng nay khởi ý muốn lên núi tọa thiền và đọc sách. Đó là hình

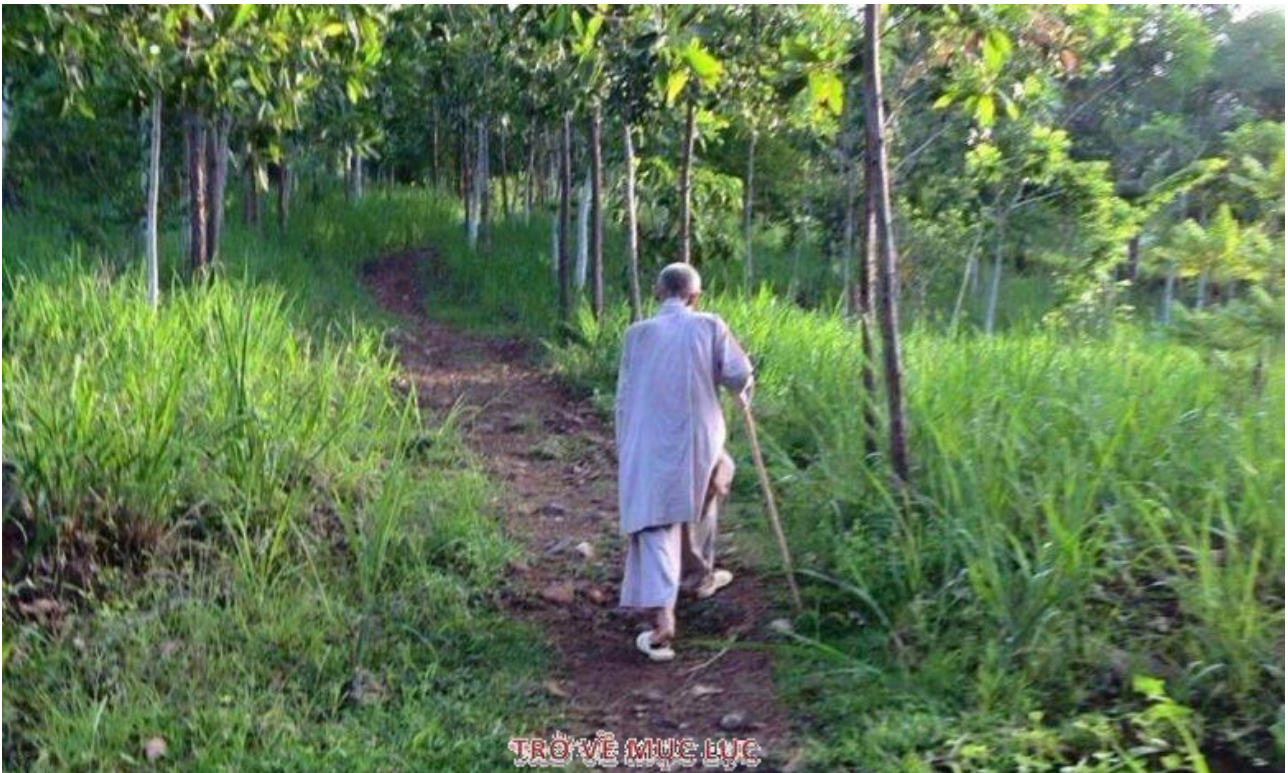
ảnh đường lên núi Yên Tử mà hành giả thoáng thấy trên mạng lưới thông tin.

Thông thường, đó chỉ là giới thiệu những địa danh để tham quan, nhưng có lẽ, với hành giả, duyên may vào đúng sát na kỳ diệu nên không chỉ nhìn những hình ảnh đó là đồi núi bình thường. Đó là Linh Địa, là nơi đã in dấu bước chân của một vị vua, quyết tử bỏ quyền uy, ngai vàng điện ngọc. Đó là vua Trần Thái Tông, âm thầm rời cung điện, lên núi Yên Tử tìm Thiền sư Phù Vân với ý định đi tu, cầu làm Phật.

Ý nguyện đó chưa thực hiện ngay được khi Thiền sư Phù Vân khai giải cho nhà vua, là Phật ở trong tâm, không ở trên núi, không ở đâu khác, ngoài tâm. Nếu tâm thanh tịnh, trí huệ hiển bày thì đó chính là Phật. Nay, trách nhiệm giữ nước, an dân của vua chưa trọn, làm sao tâm thanh tịnh, an lạc mà đi tu!

Vua Trần Thái Tông như chợt tỉnh cơn mê, tạ ơn Thiền sư rồi xuống núi, trở lại triều đình, chấp nhận sự đau khổ Vô Thường của thế gian mà trong phút giây quá đau đớn, ngài đã tưởng là Thường!

Những oan khiên nhà vua phải nhận chịu, nào dễ mấy ai vượt qua! Từ một cậu bé mồ côi được sắp đặt để làm vua, mở đầu triều đại nhà Trần, đến Hoàng Hậu Chiêu Hoàng bị giáng xuống làm Công Chúa vì chậm có con nối dõi, rồi Thuận Thiên Công Chúa lên ngôi Hoàng Hậu vì đang mang thai... Nếu ngộ ra thì tất cả cũng chỉ là những hạt cát vô thường, biến động trong biển cát vô thường mênh mông bất tận của tam thiên đại thiên thế giới.



Nhà vua rời Yên Tử, trở về triều, làm một vị vua anh minh, nhân hậu, anh hùng, đem lại thái bình cho đất nước, thịnh vượng cho muôn dân. Khi "những gì cần làm, đã làm" vua Trần Thái Tông bèn nhường ngôi ngay cho Thái Tử rồi về rừng Vĩ Lâm, đất Hoa Lư, lập am Thái Vi, dốc tâm tu học.

Trang sử vàng son đời Trần có được chính là nhờ vị vua đầu tiên đã biết đem trí tuệ Bát Nhã, gieo hạt Bồ Đề trong tâm kiên cố.

Trước bao oan khiên nghịch cảnh bủa vây, nếu không như những cây xanh trên triền núi, quyết bám rễ sâu trong lòng sỏi đá thì tránh sao không bị bão giông tàn khốc kia quật ngã! Nói chi tới đứng vững, dựng nên cả một triều đại huy hoàng, cả một thời hưng pháp với những vị vua tâm thành mộ đạo, nhất là vua Trần Nhân Tông – đời vua thứ ba của nhà Trần – đã khai sáng dòng Thiền Trúc Lâm trên núi thiêng Yên Tử, như nguồn suối vi diệu chảy mệnh mang bất tận đến ngày nay.

Tưởng niệm Người Xưa muôn một! Lại xin tri ân Người Nay biết bao!

Trong chòi lá hoang vu giữa rừng núi xứ người, hành giả mở túi vải, lấy ra những cuốn sách mang theo, của cùng một tác giả.

Người nhìn những cây xanh trên triền núi với niềm cảm xúc đang trào dâng, hành giả tự biết là phút giây này sẽ không đọc bằng mắt, mà sẽ hướng về quê hương, đọc bằng tâm, với lòng tri ân vị thầy khả kính.

*"...Sự thành tựu của một cơn mưa như thác lũ khi cơn bão mùa hè đã chịu khép lại đôi cánh mỏng để lắng nghe trong thầm lặng, hơi thở của cỏ nội. Chờ đợi kiên trì và dừng lại trong sự bế tắc của một thời chỉ còn ánh sáng vịnh cứu của mặt trời. Kiên trì và dừng lại để chờ đợi trong sự bế tắc là liều lĩnh kỳ thác mình cho một cuộc chơi ngoạn mục của thiên nhiên, là liều lĩnh đứng lại giữa dòng thác đổ của vạn hữu ..."*

Đó là tư tưởng triết lý Tánh Không, được viết bằng ngôn ngữ của Thầy Tuệ Sỹ. Thầy viết về Tánh Không hay Thầy đang chia sẻ những bước ngoặt bi thảm của lịch sử mà không những Thầy là chứng nhân mà còn là nạn nhân của thời đại "người-không-có-quyền-làm-người". Thầy đã nhận bản án tử hình vì tội đã dám nói, cho những người -không-còn- được-nói; đã dám làm, cho những người-không- còn-được-làm!

Bản án tử đã trở thành Bất Tử khi khắp năm châu đều có những tiếng nói có tầm vóc quốc tế, đồng loạt lên tiếng phản đối bản án và yêu cầu trả tự do cho Thầy.

Điều khiến thế giới ngạc nhiên và kính phục hơn nữa là khi giới chức đương thời – dưới áp lực của thế giới – vào phòng giam, đưa một bản văn họ soạn sẵn với nội dung xin ân xá, bảo Thầy chỉ cần ký tên là sẽ được trả tự do ngay!

Thầy nhẹ nhàng từ chối vì Thầy có tội đâu, mà phải xin ân xá! Rồi Thầy quay về phòng giam và bắt đầu tuyệt thực!

Thầy chia sẻ thực tâm bình an đó bằng những văn thơ, thể chữ Hán, viết trong phòng giam, như đoạn ngắn, tựa là:

### **Trách Lung**

*Trách lung do tự tạo*

*Tản bộ nhược nhân du*

*Tiểu độc thoại ảnh hưởng*

*Không tiêu vinh nhật tù.*

Hành giả xin tạm dịch:

### **Lòng Hẹp**

Nhà tù chật, khó giam lòng tự tại

Khách nhân du, ta thả bộ thông dong

Ta cười nói, mình ta nghe thanh thản

Ngày tù dài, trôi nhẹ tựa như không.

Thầy khí khái như thế, những người bên ngoài từng can thiệp cho Thầy, làm sao có thể để yên! Nên sau nhiều diễn biến, cửa nhà tù đã mở rộng, mời Thầy ra. Biết bao nơi xin bảo lãnh Thầy xuất ngoại nhưng Thầy đều nhẹ nhàng từ chối "Đây là quê hương tôi".

Thầy tình nguyện ở lại chỉ vì "Đây là quê hương tôi". Ôi! Tinh thần con Rồng cháu Tiên! Năm mươi con theo cha lên núi, năm mươi con theo mẹ xuống biển cũng không thể không từ một bọc trăm trứng mà ra!

Thầy đã ở lại quê hương, như cây xanh trên triền núi, thấu rõ rằng dù khó khăn nhưng đã quyết thì phải bám rễ sâu vào lòng sỏi đá mà ứng phó với bão táp mưa giông.

Hình ảnh những cây xanh dũng mãnh trên triền núi là sức mạnh của động lực từng mang niềm tin, tạo điểm tựa cho bao cảnh đời khốn đốn.

Niềm tin có thể giúp người tuyệt vọng vươn tới hy vọng. Điểm tựa có thể giúp người khổ đau thấy nẻo hạnh phúc.

Thời gian luôn tìm cách đánh bại và xoá nhòa mọi thứ, nhưng với những gì không xoá được thì nó lại lưu giữ thiên thu.

Từ nhiều thập niên qua, hàng Phật tử khắp năm châu đã hướng về Thầy như một vị Bồ Tát hoá thân. Từng đêm, nơi Thị-Ngạn- Am, Thầy đã "Thắp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn" mà hoàn tất những quà tặng đẹp để cho đời, từ sáng tác tới dịch thuật. Đó là những trang cao thơm giúp khai mở Giới, Định, Huệ cho những ai đủ duyên chạm tới, như Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm, tuyển tập Nikàya A Hàm, Triết Học Tánh Không, Thành Duy Thức Luận, Thiền Luận, Ngục Trung Mị Ngữ, Huyền Thoại Duy Ma Cật, Thăng Man Giảng Luận, Giác Mơ Trường Sơn... Ôi, cơ man nào trong thế giới mệnh mông biển Tuệ mà Thầy Đã và Đang hiến tặng, chưa từng ngưng nghỉ.

Bản chất đam mê học hỏi đã bộc phát từ khi Thầy mới chỉ là một chú điệu, sinh trưởng ở xứ Lào. Không biết bên xứ đó chú điệu gốc Việt được dạy kinh bằng ngôn ngữ gì nhưng chính những vị Tăng thân cận đã kể lại, là ngoài thì giờ phải lo công việc của một chú điệu thì Thầy thường chui dưới bệ thờ Phật, cầm cú học, tự sưu tra để hiểu nghĩa kinh, rồi ghi ghi, chép chép, không màng tới ăn, ngủ.

Chư Tăng bên đó thương tình, bèn thỉnh ý Quý Thầy bên Việt Nam xin gửi chú về Huế, để chú được hưởng dẫn đúng mức.

Với bản chất cầu tiến như vậy, nên ngay ở tuổi niên thiếu, Thầy đã là ngôi sao sáng trên bục giảng các Đại Học Phật Đường. Thầy Nguyễn Siêu từng chia sẻ là buổi đầu khi đến Phật Học Viện Hải Đức, tỉnh Nha Trang, Thầy đã đứng trên bục giảng mà tăng sinh ngồi dưới vẫn ngỡ ngàng, không biết đây có phải là vị giảng sư mới, mà Học Viện vừa thỉnh mời bổ sung không, vì Thầy quá trẻ và quá đơn giản trong bộ áo nhật bình!

Tại Đại Học Vạn Hạnh thì Thầy là giảng sư nòng



cốt, không chỉ phụ trách những chương trình gay go về Giáo Pháp như Triết học Tánh Không, Trung Quán Luận, A Tỳ Đạt Ma..., v.v... mà Thầy còn khai mở trí tuệ tăng sinh, dẫn dắt họ tìm về triết học Tây Phương qua các tư tưởng Henry Miller, Jean Paul Sartre, Platon... Rồi từ phương Tây, Thầy lại đem kiến thức Kinh, Luật, Luận, Tam Tạng kinh điển để dẫn tăng sinh về phương Đông với những triết học Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Kinh Dịch, Kinh Thi; rồi văn học Trung Hoa qua Đào Tiềm, Hàn Dũ, Tô Đông Pha... Không chân trời nào Thầy không soi rọi, dẫn dắt cho những ai cầu học.

Thầy quan tâm tới từng cảnh huống, và luôn là người cho, mà không chờ nhận lại. Tình huynh đệ, nghĩa thầy trò không ranh giới, không ngăn mé khi bất ngờ có lần hành giả được nghe một vị thầy, đọc hai câu đối khá dài, bằng Hán tự, mà Thầy Tuệ Sỹ gửi cho huynh đệ phương xa. Câu thứ nhất:

*"Quảng mạc thiên hoang cổ lý, nhi phế hưng cạnh tẩu kinh đào, phiến diệp phủ nang, quả nạp đặng la thử ngạn"*

Dịch nôm:

*Chốn cũ dậm dài man mác, bởi phế hưng xô dậy sóng cồn, chiếc lá thuyền nang, và áo chếp kinh đất khách.*

Câu thứ hai:

*"Đức hành thể khoáng tham phương, tỷ triêu lộ hàm huy diệp cảnh, không hoa thủy nguyệt, huyền hà bích lạc thần châu"*

Dịch nôm:

*Đức tu mấy kiếp mù sa, tợ sương sớm nắng hồng đọng bóng, hoa trời trắng nước, ngân hà dặng đặc quê cha.*

Được nghe đọc lần đầu, hành giả như kẻ phàm phu nghe chim thuyết pháp, không kịp nhận gì cả! Nhưng bốn tiếng "Vá áo chếp kinh" bỗng như lần chớp, chợt loé sáng trong cái đầu u tối, để hành giả tạm hiểu những gì tha thiết mà Thầy Tuệ Sỹ muốn nhắn gửi huynh đệ, là nơi xứ lạ quê người, hãy nhớ "biết đủ" như lời Phật dạy và giữ đạo tâm bền vững. "Vá áo" có phải là tượng trưng cho sự an bản và "Chếp kinh" là nhắc nhở một lòng giữ đạo?

Những gì Thầy hiển tặng cho đời như mưa nắng rải xuống đồng đều. Mưa tiếp sức cho rễ tăng trưởng. Nắng vỗ về cho nụ đơm hoa. Trên con đường Bồ Tát xuất thế gian mà không rời thế gian pháp, Thầy như mưa nắng, không ngưng nghỉ, tất cả tài năng, trí tuệ đều mang tâm tử mà cung hiến trọn vẹn cho Đạo, cho Đời.

Vào khoảng tuần lễ cuối, tháng 11 năm 2021, không ít người đã cảm động đến rơi lệ khi ngồi trước màn hình theo dõi buổi tường trình một sự kiện lịch sử về dự án phiên dịch Đại Tạng Kinh sang Việt ngữ thuần túy với dân tộc tính, được nhị vị là Hoà Thượng Thích Tuệ Sỹ và giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát đồng chủ tọa. Dự án này, với đầy đủ chuẩn mực hàn lâm mà thời điểm tháng 10 năm 1973, mười tám vị trưởng lão trong Hội Đồng Trung Ương thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã đồng tâm thực hiện Pháp sự quan trọng này. Nhưng chỉ một năm sau đó, nhiều diễn biến và bao biến cố lịch sử đã là những trở ngại khiến dự án không thể tiến hành!

Gần nửa thế kỷ đã trôi qua! Mười tám Chư Tôn Đức trong Hội Đồng Phiên Dịch năm xưa nay chỉ còn hai vị, Hoà Thượng Thích Thanh Từ (hiện

trong tình trạng vô ngôn) và Hoà Thượng Thích Tuệ Sỹ cũng đã bước qua ngưỡng cửa "Bát thập cổ lai hy".

Nhưng tuổi tác không là rào cản khi tâm lực và trí lực vẫn còn khả năng hiển tặng, như Thầy từng diễn tả về con Chim Hồng: *"... Như những đợt nháy của con Chim Hồng: nháy bên bờ nước, nháy đến tầng đá, nháy trên đất cạn, nháy trên cành cây, nháy lên gò cao và cuối cùng, bay trong thường khung để lông cánh làm đẹp cho bầu trời..."*

Thầy Đã và Đang tận dụng thời gian còn lại để khởi tiếp Pháp sự quan trọng phải ngưng trệ từ nửa thế kỷ qua.

Việc phiên dịch Đại Tạng Kinh với đầy đủ chuẩn mực hàn lâm cho dân tộc Việt Nam không chỉ là việc không đơn giản mà còn là việc phải kiên trì, liên tục, trong nhiều tháng, nhiều năm. Do vậy, song song với những gì Chư vị có thể tiến hành bây giờ, còn là việc phải đào tạo nhân sự có khả năng học, hiểu, tiếng Hán, tiếng Phạn, để bánh xe pháp-sự được quay đều.

Chỉ khoảng chưa đầy một năm, sau buổi thuyết trình và thành lập Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam, quý Ngài đã làm việc ngày đêm và hoàn tất phiên dịch Thanh Văn Tạng giai đoạn 1, phần 1, tổng cộng 29 tập, trong đó có:

- Kinh Bộ (16 tập) gồm Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm và Tăng Nhất A Hàm.
- Luật Bộ (6 tập) gồm Luật Tứ Phần và Luật Tứ Phần Tăng Giới Bốn.
- Luận Bộ (5 tập) gồm A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, A Tỳ Đạt Ma Tập Dị Môn Túc Luận, A Tỳ Đạt Ma Pháp Uẩn Túc Luận.
- Tập Bộ (2 tập) gồm Lục Độ Tập Kinh và Kinh Hiền Ngụ.

Quý Ngài đã y giáo tâm từ bị vô lượng của Đức Thế Tôn khi Bạc Giác Ngộ muốn Giáo Pháp được rải đồng đều mọi tầng lớp, mọi sắc dân; như mưa xuống thì mọi cỏ cây đều thấm nhuận. Muốn được vậy, Đức Thế Tôn đã khuyến khích, là "Hãy để cho mọi người được nghe và học Chánh Pháp theo ngôn ngữ địa phương của chính mình"

29 tập Thanh Văn Tạng đã được phân phối khắp năm châu, theo sự hoan hỷ thỉnh cầu của Phật tử Việt Nam. Có nơi nhận được, quá cảm động, đã ôm thùng kinh sách mà oà khóc!

Nhìn chặng đường Thầy Đã và Đang đi, hàng hậu học chúng con thấy được bước chân Thầy như từng in dấu 1250 bước chân xưa.

Với hạnh nguyện Bồ Tát vào đời cứu độ chúng sanh.

Với đại nguyện "Đời ác ngũ trước, con xin thề vào trước". Với tâm nguyện trao truyền Đạo Pháp cho những ai cầu học.

Hoà Thượng Thích Tuệ Sỹ Đã và Đang đi trên con đường Phật đi.

Từ phương xa, hướng về quê hương, chúng con xin nằm vóc sát đất, chí tâm dâng lễ bái Cao Tăng Thạc Đức, viên ngọc quý của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, của Phật tử Việt Nam khắp năm châu bốn biển.

*Tào-Kê tinh thất - ngày gió chớm Thu*  
**TN Huệ Trân-Hạnh Chi**  
Cẩn bái



# Truyện cực ngắn HOÀNG LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

## TÊ NHẠT

Đột nhiên, anh chợt nhớ về ngày tháng cũ trong một buổi sáng ban mai tĩnh lặng uống cà phê một mình. Đứa trẻ hiền lành nơi tỉnh lẻ ngày nào giờ đã là một ông chú trên bốn mươi, những ký ức thời xa xưa đó đã hơn ba mươi năm rồi mà sao vẫn còn sắc nét, như ngày hôm qua đây thôi. Trong không gian phố núi những con dốc loanh quanh, bước chân nào nhỏ bé hiền lành đi dạo cũng với niềm mơ ước. Lúc nào anh cũng có một mình, tự mình vui tự mình chơi rồi tự mình buồn và suy ngẫm, hy vọng rồi lại ước mơ. Những tháng ngày tiếp nối qua như thế, tẻ nhạt theo ánh bình minh và hoàng hôn lên xuống đều đặn. Anh xuống Sài Gòn học đại học, chăm chỉ đến thư viện, lang thang cà phê một mình, tiếp tục nuôi dưỡng ước mơ. Tiếp tục những chuỗi ngày lặng lẽ, tẻ nhạt. Bây giờ sau ba mươi năm, những ước mơ tuổi nhỏ, và giấc mộng văn chương tuổi trẻ đã tự thành, anh mới thương chuỗi ngày tháng lẻ tẻ tẻ nhạt đó. Bậc thầy thời gian đã dạy cho anh lòng kiên nhẫn, hun đúc bản lĩnh và tập cho anh dày dạn gió sương, học cách chịu đựng được thất bại. Kiên trì không ngừng nghỉ. Anh biết chỉ cần mình kiên trì chăm chỉ trong suốt hai mươi năm là đã hơn được rất nhiều người. Nếu không có sự chuẩn bị suốt ba mươi năm sẽ không bao giờ có được thành công lâu dài cả. Ngoài những ngày rục rờ ngẩn ngui, đời người còn lại chỉ là mấy mươi năm là những tháng ngày tẻ nhạt. Nhưng nếu có những kẻ xem đó là tầm thường vô vị thì cũng có người đối xử trân trọng từng giây phút để nỗ lực âm thầm. Xa khỏi chốn thị phi huyền ảo, ẩn mình như vực sâu âm u, như sương mù vây bủa non cao, những người đó cố gắng hoàn thiện chính mình để cuối cùng nở một nụ cười kiêu hãnh. Và khi cát bụi trần gian rũ xuống, đưa những hình hài về đất vô danh, thì cõi tinh thần của kẻ ẩn dật mở ra sáng rực. Mấy mươi năm tẻ nhạt là bước chuẩn bị cho sự hồi đáp. Và tiếng vọng từ tác phẩm có giá trị là gửi đến thiên thu. Nụ cười ẩn giấu dành cho riêng mình chính là cảnh giới cao nhất của một kiếp đời hào hoa rục rờ, như cảnh lau trên đỉnh núi cao, trắng toát một màu vĩnh cửu. Anh vẫn tiếp tục những tháng ngày tẻ nhạt bình yên với sự trân trọng vô cùng và với nụ cười thâm lặng đầy kiêu hãnh của riêng mình như hôm nay.

(Sài Gòn, ngày 8/6/2023)

## KHO TÀNG TÌNH LẺ

Anh chạy xe chậm chậm qua các cung đường kỷ niệm để nhớ lại một chút gì đó của ngày xưa. Phố thị thay đổi nhiều, con người lại càng khác

biệt. Nhưng đâu đó một khúc quanh, một căn nhà gỗ cũ kỹ, vài gương mặt già nua lại sáng bừng lên tâm cảnh ngày nào. Nơi khúc quanh bất chợt hiện ra một bụi hoa dã quỳ dại lẻ loi trong gió, chỗ căn nhà gỗ lợp tôn có mấy bụi hoa cúc cánh chuồn đung đưa trong gió trước hiên nhà và khoảng sân đất nhỏ như căn nhà ngày cũ mà anh đã từng chơi đùa, gương mặt khắc khổ và nỗi buồn rầu của con người tỉnh lẻ luôn hằn sâu trong trí nhớ của anh, là tất cả kỷ niệm một đoạn đời tuổi trẻ. Lâu lắm rồi anh mới về lại, thư thả dành thời gian chạy xe loanh quanh, thưởng cho mình chút bình yên xa xỉ giữa chợ đời náo nhiệt điếc tai. Sâu thẳm trong anh vẫn là một chú bé tỉnh lẻ ước mơ giản dị. Bây giờ khi đã có những điều vượt quá ước mơ xưa, anh lại tìm về để nhớ thương mình ngày cũ. Tất nhiên nhiều năm tháng đã trôi qua và cảnh sắc thay đổi, lòng người cũng mãi hoang vu như cánh chim thiên di bay mãi giữa đời này, nên không thể nói anh nhớ hết và sống trọn mỗi khoảnh khắc ngày xưa. Anh trưởng thành hơn, chín chắn lên, điềm đạm lại, bớt kỷ vọng và chấp nhận nhiều hơn. Trí nhớ cũng không còn sắc sảo. Vì vậy anh luôn phải cần một điểm gì đó như mỏ neo ký ức để từ đó cho mây trắng yêu thương tràn về đầy khung trời kỷ niệm. Bụi hoa dã quỳ, căn nhà gỗ mục, những gương mặt người là tài sản của trí nhớ anh và anh luôn tưởng nhớ với niềm trân trọng. Cơn lốc cuồng quay thời đại tưởng như nuốt chửng tất cả nhưng vẫn không thể xóa tan đi ký ức của những con người muốn lưu giữ. Anh điều khắc lại khoảnh khắc bằng ngôn ngữ, anh cố gắng nắm bắt cơn gió mát bằng thanh âm, chụp lại khung cảnh xưa bằng màu sắc hình ảnh tâm trí. Rồi sẽ đến lúc nào đó, con người chỉ có thể tìm về kỷ niệm bằng những mỏ neo ký ức là ngôn ngữ văn chương hay nghệ thuật mà thôi. Với anh nỗi niềm tình lẻ là một kho tàng mà anh cố gắng gìn giữ, lưu dấu lại để trở thành một mỏ neo ký ức của biển người thất lạc ngày mai.

(Sài Gòn, ngày 29/6/2023)



## CAM KẾT

Càng ngày anh càng thấy người ta rẻ rúng ngôn từ. Con người rất dễ dàng đưa ra lời hứa hẹn để thuyết giảng cao đàm khoát luận, để vẽ ra những kế hoạch xán lạn ngày mai và đương nhiên tất cả sẽ bị rũ bỏ sau khi đạt được lợi ích và mong muốn của mình. Cái họ để lại phía sau là sự tổn thương, vụn vỡ, chai sạn và mất mát niềm tin. Ké bị lừa dần trở nên khôn ngoan lọc lõi để tiếp tục đi lừa gạt kẻ khác. Vòng xoáy mở rộng ra mãi. Anh luôn kinh ngạc về sự trắng trợn của người đời. Sao người ta có thể coi khinh phẩm giá và ngữ ngôn của mình như vậy. Ngôn ngữ giữ gìn và mở rộng thế giới con người cơ mà. Đầu phải ngẫu nhiên mà thảng hoặc đôi khi chúng ta nghe lại một bài hát cũ, một đoạn thơ xưa mà rưng rưng cảm động, mà da diết khôn hàn. Ngôn ngữ đâu phải chỉ ra những âm thanh hay lời hoa mỹ mà nó còn là máu thịt, tình yêu, kỷ niệm của chúng ta nữa. Sau tất cả, ngôn ngữ chính là sinh mệnh của chúng ta. Khi anh đọc lại những câu thơ và trang văn anh viết, anh cảm thấy như mình đã điều khắc lên toàn bộ tuổi trẻ, những tháng năm nhiệt huyết nhất của mình vào đó. Bây giờ anh viết có vẻ điềm tĩnh và từng trải hơn vì anh đã đưa tất cả kinh nghiệm và sự chín chắn của mình vào ngôn ngữ. Có nghĩa ngôn từ đã trở thành một bản thể khác của anh, sẽ còn lại mãi mãi sau khi thân xác già nua về cát bụi. Từ ngôn ngữ, chúng ta có thể phục dựng lại cả một cuộc đời, cả một nét tâm tình thời đại. Nhưng tại sao hầu như chỉ còn rất ít những tác phẩm giá trị còn lại sau tất cả những phù phiếm và ảo mộng thời gian? Người ta viết mà thiếu đi sự thành thực và cam kết sâu sắc với chính bản thân mình. Viết vì hư danh, viết để kiếm tìm lợi lộc, không có một chút trân trọng nào với ngôn ngữ như sinh mệnh, như bản thể thứ hai của con người mình cả. Trong sự thành thực bị đất, một tiếng kêu thương hay khóc thầm lặng lẽ từ ngàn năm trước vẫn có thể dội về bằng ngôn ngữ qua kinh nghiệm sống trải của riêng ra. Những câu thơ anh viết thời trẻ có thể còn vụng dại nhưng tuyệt đối chân thành thuần khiết và với một niềm trân trọng vô song. Chính vì vậy sau mấy mươi năm chúng vẫn còn làm anh cảm động và biết ơn chính bản thân mình. Sự cam kết sâu sắc của cuộc đời anh với ngôn ngữ khiến từng câu chữ là máu huyết là thịt da, là tình yêu và sinh mệnh. Và khi tìm đọc được những trang văn như thế, tâm tư anh bồi ngùi cảm động và thấu cảm được giá trị thực sự của văn chương, một giá trị thuần khiết tinh ròng của những tâm hồn đồng điệu.

(Sài Gòn, ngày 25/7/2023)

## VUI THÚ

Sư lặng lẽ đợi chú tiểu pha trà trong mái đình tạ. Tiếng chuông chùa trầm mặc, vọng vào thính không, lan tỏa bát ngát như sương mù đang vờn quanh những ngọn núi cao. Từ đây nhìn xuống, cảnh sắc thật thanh u diễm tuyệt, không nhuốm chút bụi trần ai. Đúng là tiên cảnh, người vô sự trên núi cao thật đúng là thần tiên. Hai thầy trò cùng nhau uống trà, tận hưởng làn không khí mát lành buổi sớm. Tiếng chim hót, tiếng tung rì rào trong gió càng gợi lên sự thâm u tịch tĩnh của nơi này. Từng ngum trà khoan khoái như nước cam lồ thấm vào thân thể, tẩy rửa đi hết những phiền muộn âu lo. Nhìn sang phía lan can của chiếc đình tạ, sư chợt thấy hai con kiến nhỏ cũng đang rung rầu khoan khoái. Hữu thể thật là màu nhiệm, sự sống thối vào cùng khắp vạn vật từ những con kiến nhỏ bé đến cả những sinh vật đầy ưu tư như con người mà không cạn kiệt, lúc nào cũng phong phong nhiều, tuần hoàn đắp đổi. Niềm vui thú của hai con kiến nhỏ chắc cũng giống như niềm vui uống trà của sư với chú tiểu đây thôi. Trong pháp giới nào đi nữa thì thân tâm an lạc cũng là điều đáng quý nhất, còn lại chỉ là vật ngoại thân. Chỉ khi thân tâm an lạc ta mới thấy sự hiện hữu nhiệm màu và cùng khắp, ta mới để cho hữu thể tràn đầy vào tất cả chân tơ kẽ tóc thịt da. Cái hữu thể vẹn toàn ấy nối kết với đất trời và toàn thể, như sư với những chú kiến nhỏ nhoi để thấy tất cả đều bình đẳng, được ban ân cho sự sống vĩnh hằng lâu dài như trời đất trong thân xác phù du. Thì ra tu tập cũng để sống cho vẹn tròn hữu thể, không để cho linh khí bị mất đi trong những thứ trần tục phù hoa. Sư chợt thấy biết ơn chính mình khi đã quyết tâm chọn con đường này, chọn đình núi này để cư ngụ và tu tập. Uống xong ấm trà, trong khi chú tiểu lau dọn, quét sân, sư quay trở vào am nhỏ đọc kinh, cảm thấy thân thể mình trống rỗng và trong suốt, từng lời kinh thấm hết qua tâm tư rộng mở. Một lần nữa, cái hữu lại tràn về sống động và trọn vẹn khi ta tập trung hết sức mình cho hiện tại, trong khoảnh khắc bây giờ và ở đây.

(Sài Gòn, ngày 26/7/2023)

## BẢN TIN

Đến một giai đoạn nào đó trong cuộc đời, ta phải tập làm quen với việc sống một mình trong kỷ niệm. Tất cả những đồ vật quen thuộc xung quanh đều gợi nhớ về những điều đã cũ. Bản thân con người anh cũng gần như đã trở thành bảo tàng của chính anh. Như một con tàu ngầm lặng lẽ đi qua biển sâu tâm thức, mỗi ngày anh lắng

nghe sự phản hồi từ chính mình vọng lại của quá khứ xưa xa. Anh đọc lại những câu thơ và trang văn xưa cũ để nhận thấy tâm trạng và con người mình thuở đó. Cuộc hành trình dài qua thế giới này thực ra cũng chính là sự biến chuyển của tâm thức cá nhân. Những trải nghiệm dù vui vẻ hay đau buồn tất cả cũng đều đáng giá. Từ một khởi đầu khiêm hạ, anh đã đưa mình đi rất xa. Nhưng sâu thẳm trong anh vẫn luôn nhớ về ngày tháng mộng mơ bắt đầu cuộc hành trình vô tận. Anh muốn quay về để cảm ơn chú bé ngây thơ cùng chàng thiếu niên nhiệt huyết của ngày đó và nhắn nhủ rằng bản thân ngày xưa cũ đã làm rất tuyệt nên anh mới có được hôm nay. Nhưng dòng đời cứ chày trôi miệt mài về phía trước, anh chỉ có thể cập nhật chính mình cho anh ngày cũ vẫn còn đang hiện diện trong anh. Anh vẫn hình dung nơi góc sân nhà thơ ấu vẫn còn mãi đó một chú bé thơ thẩn đợi chờ và trên sân trường đại học vẫn còn chàng thanh niên đọc sách mê mải dệt mộng cho ngày mai. Anh phải đáp lại sự đợi chờ đó bằng cách sống tận tụy và trải nghiệm hết mình. Những trang văn anh viết từ đó chính là sự cập nhật tin tức mới nhất bản thân anh, báo tin cho anh của ngày xưa cũ. Cũng như hai người thân thiết vì hoàn cảnh cách xa nhau nhưng luôn luôn mong ngóng tin nhau và cầu nguyện cho người kia được bình an hạnh phúc. Anh cũng nghĩ đứa bé ngày thơ và cậu thanh niên tuổi trẻ hẳn sẽ rất đổi vui mừng trước tin tức mới nhất về cuộc sống của anh. Chúng ta vẫn còn bình an, khỏe mạnh và đi tiếp con đường của mình. Anh lại tiếp tục lái chiếc tàu ngầm tâm hồn mình qua biển sâu tâm thức, khám phá những điều mới mẻ để cập nhật chính mình, mã hóa thành thông điệp gửi về cho ngày xưa cũ. Trên cuộc hành trình dài dằng dặc đó, mỗi tác phẩm của anh là một mẫu tin sống trên hải trình nhân sinh mà anh đã bắt đầu từ trong lăm than và gian khổ đến sự bình yên và mãn nguyện sau cùng.

Sài Gòn, ngày 31/7/2023

**HOÀNG LONG**



## NHỮNG NGÔI MỘ ĐÁ

(Thăm miền Trung thấy những ngôi mộ đá)

*Những ngôi mộ đá lâu đời  
 Nằm im chôn kín những thời vàng son  
 Ma Hời đêm nhớ nước non  
 Tiếng gào trong tiếng gió dồn sóng xa.  
 Hỡi người xưa! Hỡi hồn ma!  
 Im đi tiếng khóc lời ca nào lòng  
 Trong tim máu chảy đỏ hồng  
 Đâu là máu Việt, đâu dòng máu Chiêm?  
 Đất đai xưa vốn vô biên  
 Rời phần ranh giới chia miền Bắc Nam  
 Nước non từ thuở bình an  
 Trời âu ca bỗng tương tàn dấy lên  
 Bỗng dưng chuốc lấy lụy phiền  
 Tranh nhau dựng nước chia miền đánh nhau  
 Anh gươm vút giọt máu đào  
 Dầu rơi, máu đổ, phách trào khỏi thân  
 Tử sinh đã biết bao lần  
 Người đi đâu bỏ xác thân lạnh lùng?  
 Mê man trời đất vô cùng  
 Mịt mù ngõ trước, chập chùng ngõ sau  
 Nghiệp xưa hồn lạc theo nhau  
 Sáu đường rong ruổi chết nào khỏi sinh?  
 Để rồi tiếp tục đao binh  
 Xưa nay chuyện ấy lạ lùng gì đâu!*

*thơ* **DIỆU VIÊN**

# Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



## VẠN HẢI LONG VÂN

Thưở nhỏ sư thông minh, hiểu học, đã tốt nghiệp đại học Minh Tân, tương lai rộng mở nhưng sớm giác ngộ vô thường nên sư vào chùa Bách Đàm xin xuất gia. Tuy là tu sĩ nhưng không vì thế mà làm ngơ chuyện quốc gia – dân tộc. Vừa tu học Phật pháp vừa tìm phương cách hoạt động để khôi phục chủ quyền quốc gia, thức tỉnh người dân. Ngài phát nguyện tinh thần nhập thế, chăm lo cho dân cũng như chúng sanh.

Ngài đã viết quyển: “Triều Tiên Phật giáo Duy tân luận”, có thể xem đây như kim chỉ nam đưa Phật giáo vào thực tiễn đời sống. Phật giáo không thể đóng kín sau cánh cổng già lam hay trong những pho kinh đồ sộ.

Ngài là nhà sư, nhà tranh đấu vì độc lập của quốc gia và còn là nhà thơ. Ngài viết:

*“Lúc chia tay ta tin sẽ có ngày gặp lại  
Người đã đi rồi nhưng ta đâu có tiễn người đi.”*

Bài thơ “Sư im lặng của người hằng mong nhớ” viết sau khi phong trào đòi độc lập của người Triều Tiên bị quân xâm lược Nhật đàn áp dã man. Bài thơ với những lời thơ hay, biến sự tuyệt vọng thành niềm hy vọng. Ngài bị tù đày, bị tra tấn nhưng không hề nao núng, vẫn hy vọng vào sự độc lập của quốc gia. Ngài nỗ lực hiện đại hóa Phật giáo, tự do và bình đẳng, phát triển các giá trị thăng tiến xã hội...

Một hôm ngài ngồi trên tảng đá mà an nhiên thị tịch. Ngài trở thành niềm hy vọng mong nhớ của người Triều Tiên và là một biểu tượng lớn cho hàng hậu học.

**CAO LY THIÊN SƯ TU PHẬT VIẾT SÁCH GIÁO HÓA CHUNG ĐI ĐƯỜNG GIÁC NGỘ GIẢI THOÁT TINH THẦN HƯỞNG MUÔN PHƯƠNG VẠN HẢI**



THIÊN SƯ VẠN HẢI—HÀN LONG VÂN (1879—1944)

**ĐẠI HÀN XỬ SĨ VÊ QUỐC LÀM THƠ CỔ ĐỘNG DÂN TRANH ĐẤU ĐỘC LẬP TỰ DO THÂN XÁC VỊ LÃNH THỜ LONG VÂN.**

## THỌ TƯỜNG

Hai người vốn là huynh đệ cư sĩ, cùng thờ một thầy, tu một pháp môn. Một hôm có việc vào thành, họ gặp một cô gái trẻ rất xinh đẹp, người đệ cứ lăm lét nhìn trộm cô ấy. Sư huynh nhắc nhở:

“Đừng dính mắc đấy nhé!”

Người đệ thú thật:

“Cảm ơn huynh, quả thật cứ thọ là lập tức tưởng, hai cái đi liền khó tách rời.”

“Bởi vậy nên đệ đã hành,” nhìn chăm chăm cô gái. “Đệ đã ghi thêm vào tạng thức và vừa khởi dậy những chủng tử cũ trong tạng thức.”

“Vâng, đúng vậy thưa sư huynh! Sư phụ dạy phải quán thọ và tưởng là chí lý lắm! Tuy biết là thế nhưng tập quán từ bao kiếp nên đệ...”

“Cũng chính vì vấn đề này mà chư tổ nói: ‘Đốn ngộ tiệm tu,’ còn người đời thì lý luận: ‘Lý thuyết phải thực hành’ bằng không thì: ‘Trăm voi không được bát nước xáo’.”

Nói xong, huynh còn ứng khẩu:

*“Tâm vô tận tướng*

*Sắc vô tận mê*

*Tình vô tận thọ*

*hành vô tận lưu*

*Thức vô tận ký*

*Ô hô!*

*May thay*

*Đạo vô tận tín*

*Pháp vô tận minh*

*Ngộ vô tận sanh tử từ mỗi sát na.”*

## TU QUA MẠNG

Cuộc hội thảo rất sôi động, nhiều người đề xuất áp dụng khoa học kỹ thuật tân tiến vào Phật giáo, dùng công nghệ hiện đại để tu cho dễ và nhanh, phù hợp thời đại. Một cư sĩ phát biểu:

“Phật giáo có tính khế cơ, vì vậy thời đại hôm nay phải dùng kỹ thuật số để tu, giờ mọi người có thể thọ giới, quy y qua mạng. Quý thầy có thể thực hành nghi lễ, truyền giới, tấn phong, Phật sự, thiền định... qua internet, việc này nhanh chóng, dễ dàng không còn phải tốn thời giờ, công sức, khổ hạnh như kiểu tu cũ.”

Một ông tăng ngồi nghe từ đầu đến cuối không phát biểu gì, đến khi vị cư sĩ nói xong thì ông tăng mới facetime với anh ta:

“Ta sẽ cho ông cả kho tàng lớn gồm một trăm lạng vàng, một ngàn viên ngọc, một bọc kim



cương, một rương tiền quý, một tỷ đô la... Ông nhớ nhận lấy và tùy nghi thọ dụng!”

Vị cư sĩ còn chưa hết bất ngờ thì ông tăng cười và nói thêm:

“A, sau buổi hội thảo ta mời ông xơi sơn hào hải vị, món chi cũng có, của khó người khôn, đặc sản lâm thôn, hồn quê ẩm thực, Nhứt Bốn Tây Dương, bốn phương hội tụ... Ông nhớ mà thọ hưởng nhé! Ta cho ông tất cả, chỉ cần lên mạng là tha hồ nhận lấy.”

## AI VÔ ĐỊCH

Mấy nay thế giới tranh cãi ai là người vô địch, nhiều nước cử người tham gia tranh tài nhưng rồi cuộc ban giám khảo chấm hại nước đồng vô địch.

Anh Mèo bước ra trình diễn:

“Tụi tao đóng một bộ phim mà cho nổ tung vài căn nhà, đốt chục chiếc xe hạng sang là chuyện nhỏ! Tụi tao vẫn thường đổ ra cả đồng tiền để làm chuyện này chuyện kia, đổ thẳng nào dám chơi lại!”

Giám khảo gật gù cho là vô địch, khán giả cũng đồng tình nên vỗ tay tán thưởng. Đến lượt anh Mít ra:

“Ra ngoài thì tao và Cu Ba thách nhau thức ngủ để canh giữ hòa bình thế giới. Ở nhà thì tụi tao cạp đất đai, sông biển, núi rừng, xi măng, phân bón, thuốc sâu, vàng bạc, tiền mặt... tao cạp tất cả không chừa món nào!”

Giám khảo lắc đầu lè lưỡi nhưng lỡ đã phong cho thẳng Mèo vô địch chơi lớn, giờ thấy khó xử. Chợt một vị la to lên:

“Thẳng Mít vô địch cạp, phá và nổ sảng cũng khó có ai hơn được, thôi thì cho nó đồng vô địch vậy!”

Khán giả tại trường quay, trên mạng... đồng thanh hô to:

“Vô địch, vô địch!”

## SỰ THẬT

Quốc độ vào thời nhiễu nhương, trộm cướp như rươi, nhỏ thì bắt chó mèo, nhỏ cây kiếng, nhặt chổi cùn rế rách... lớn thì cạp đất, lấp biển phá rừng, cuôm hết thuế dân lộc nước. Bạc thức giả, giới bình dân ai ai cũng kêu ca đạo đức suy đồi, văn hóa xuống cấp, duy chỉ có thể nước là đang lên. Đô thị lớn nhỏ, gần xa mọi miền đều ngập hết ráo. Bối vậy hồng nhân bang chủ hí hứng tuyên bố:

“Thế nước đang lên! Có bao giờ được như thế này chẳng?”

Sĩ phu tân thời có kẻ bị ngồi tù vì dám nói lên sự thật:

“Thật sự là chúng nó đang nói dối một cách rất thành thật, thật hơn cả những kẻ thật thà nhất nhưng có một sự thật là chúng chẳng bao giờ nói gì thật, chỉ có lời nói dối của chúng là sự thật rõ ràng.”

Vị sĩ phu ấy bị kết án, bị chụp cho mấy cái mũ phản động, phá hoại đoàn kết, bôi xấu triều đình... Dân mạng gần xa, trong ngoài rần rần cười cợt:

“Xã hội cần có những kẻ ‘phản động’ như ông ấy, may ra mới vẫn hồi trật tự, phục hưng văn hóa, nâng cấp đạo đức.”



## THẢO NÀO

Hai khúc gốc Mít làm chung một hăng công nghệ. Một hôm thẳng Tèo bắt chợt ngộ, la to:

“Tí, mầy coi đây nè! Mother board, memory, harddriver, bio, chip... toàn làm ở nước ngoài: Trung Quốc, Mê Xi Cô, Việt Nam, Malaysia, Taiwan... Chỉ có mỗi dụng cụ quét rác, lau nhà là làm ở Mèo.”

Thẳng Tí cảnh báo:

“Cẩn thận cái miệng mầy, đứa nào nghe được rồi vô văn phòng mách lẻo thì mầy chỉ còn đường về nhà cạp sắn quých, ăn mì gói.”

“Tao chỉ nói sự thật, tất cả sờ sờ ra đấy!”

“Sự thật là thật sự chẳng có một ai dám nói thật sự cái sự thật cả!”

“Ờ, mà sao sản xuất toàn ở nước ngoài mà mầy ông chủ vẫn giàu mạnh không ai bằng?”

“Mầy khờ quá, mấy nước ấy chỉ là cái xưởng gia công thôi! Công nghệ, sáng chế, kỹ thuật... tụi Mèo vẫn nắm giữ. Hàng làm ra rồi chuyển về Mèo hay bán ra khắp thế giới, tiền vẫn chui vào túi Mèo.”

Thẳng Tèo lại thêm lần nữa ngộ:

“Ờ hén, thảo nào!”

## HỌC TRÒ HẠNH PHÚC

Xứ Vê thời nhà Sản, học trò trở thành chuột bạch để thí nghiệm những thứ ngu xuẩn và vô bổ. Sách giáo khoa thay đổi xoành xoạch, học phí tăng không ngừng, những thứ linh tinh phí đề nặng lên đầu cha mẹ học sinh. Lũ học trò ngoài học chính khóa ra còn phải học phụ khóa, học công, học tư, học kèm, học bồi dưỡng, học bổ túc, học cua, học nhóm, học thêm, học đêm, học ngày... học đến mù mị khờ cả người. Dân khoa bảng lẫn dân ngu khu đen thương tụi nhỏ ca thán quá trời nhưng chẳng ăn thua gì. Đã thế có một ông làm lớn còn mị dân, gạt học trò:

“Phải xây dựng trường học hạnh phúc, học sinh không hạnh phúc thì giáo dục không có ý nghĩa gì!”

Cha mẹ ơi! Trời đất quỷ thần ơi! Dân chúng thiếu điều khóc thét lên:

“Học như hành xác chưa đủ sao?”

Họ viết:

*“Quan quyền quốn quá lên cơn*

*Nói xàm cạp bậy nhưn nhưn mặt dày*

*Học hành như thể đọa đày*

*Chưa vừa lòng lại về bày nọ kia.”*

**Steven N**  
Georgia, 1123



## SÀI GÒN VÀO ĐÔNG

Sài Gòn bốn mùa chẳng khác biệt gì nhau  
Khi vào Đông chỉ xôn xao chút lạnh  
Nên em gái chẳng choàng vai khăn ấm  
Đôi từng đôi dạo phố loanh quanh

Sài Gòn vào Đông chẳng có rét căm căm  
Hơi se lạnh chạm... má em chín dậy  
Minh tựa vai nhau cho môi chờ môi ấy  
Đế bây giờ... em mãi nhớ xa xăm

Sài Gòn vào Đông vẫn chưa hết khó khăn  
Nơi vỉa hè chị hàng rong oằn gánh  
Những chiếc xe chở nặng đầy hoa trái  
Vẫn miệt mài bươn chải... nỗi lo chung

Sài Gòn vào Đông kiêu hãnh hào hùng...  
Còn vất vả... nhưng tin yêu cuộc sống  
Hòn Ngọc Viễn Đông vòng tay đang mở rộng  
Em sẽ đón anh về... âm lại những mùa Đông.

## XIN CHÀO THÁNG MƯỜI MỘT

Tháng Mười tròn trĩnh vội qua  
Tháng Mười Một đến... lẻ ra... đáng gầy  
Mặt trời chẳng đỏ ngon cây  
Sương mờ đậm đọng mê say nhụy vàng.

Em còn ngon giấc trần gian  
Mơ màng vạt nắng mênh mang quê nhà  
Đường về cố quận còn xa  
Vương lòng chút bụi phồn hoa thị thành.

Gỡ từng tờ lịch mỏng manh  
Biết là đã hết thu tàn... đông sang  
Bốn mùa xoay chuyển lệ làng  
Cùng thời gian cứ lang thang trên người.

Chớ phiền đông lạnh ai ơi  
Vì đang áp ủ mầm ngời mùa sau  
Một đời chất lọc ngọt ngào  
Cho chồi nụ hé... đông trao xuân hồng.

## CHÚT HỒNG PHAI

Bên hiên nhà... sớm đợi chờ  
Bình trà sen đã nguội ngor hết rồi  
Hương trầm còn đọng tinh khôi  
Cụm hoa hường nở bồi hồi rướn theo.

Sương mai ngậm cỏ trong veo  
Thềm xanh rêu phủ hắt hiu cuộc tình  
Người đi xa khuất bóng hình  
Vòm trời óng ánh lung linh đợi người.

Gởi vào chút nắng ai ơi.  
Tóc mai một thuở rồi rời từ đây  
Gởi vào mùa... chút hồng phai  
Mùa đi theo gió... tình lay lắt tình.

thơ

LÂM BĂNG PHƯƠNG



# THAY ĐỔI HÌNH DÁNG CỦA TUỔI GIÀ

*Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức*

Y KHOA PHỔ THÔNG

Thay đổi cấu trúc bên ngoài của cơ thể đôi khi là những chỉ dấu báo hiệu sự sắp tới của tuổi già. Và thường thường con người sẽ có những ngỡ ngàng, những ưu tư trước các thay đổi đó.

## 1. Thay đổi về tóc

Với khoa học, lông và tóc giúp bảo vệ cho đầu khỏi bị tác dụng nguy hại của ánh nắng mặt trời, ngăn ngừa sự xâm nhập vật lạ vào mắt, mũi. Nhưng với con người, tóc là món đồ trang trí quý giá, một biểu tượng của cá tính. Do đó tóc được chăm sóc rất chu đáo. Khi tóc thay đổi với tuổi già thì nhiều người thấy không vui, tìm đủ mọi cách để che đậy.

Về cấu tạo, tóc là một tập hợp những tế bào khô đã chết được đẩy lên khỏi da từ một túi nang ở chân tóc. Trong chân tóc có mạch máu, dây thần kinh, tuyến tiết chất nhờn. Trung bình trên đầu có hơn 100,000 sợi tóc và mỗi ngày có khoảng một trăm sợi rụng đi.

Tại chân tóc có những tế bào đặc biệt được sắp đặt để vào một tuổi nào đó tiết ra chất màu melanin khiến cho tóc đen, bạch kim hoặc hung hung đỏ.

Cho tới nay chưa có giải thích thỏa đáng cho những thay đổi của tóc khi về già như thay đổi về số lượng, màu sắc và phẩm chất của tóc. Mặc dù những thay đổi này không mang lại ảnh hưởng xấu cho sức khỏe nhưng con người lại rất quan tâm đến.

**a) Tóc bạc** - Về màu sắc, sự kiện tóc bạc hay tóc hoa râm là những dấu hiệu khá sớm của tuổi về già. Tóc bạc bắt đầu từ hai bên thái dương rồi lan lên đỉnh đầu. Mới đầu, nó còn có tính cách muối tiêu, trắng đen lẫn lộn, sau đó thì muối nhiều hơn tiêu.

Sở dĩ tóc thành trắng là vì loại tế bào sinh hắc tố (melanin) giảm đi, tóc trở thành không có màu, ánh sáng phản chiếu lên khiến cho tóc như trắng.

Cho đến nay khoa học chưa chứng minh tại sao tế bào này giảm đi, cũng như chưa tìm ra cách ngăn chặn được sự giảm này.

Đa số các nhà nghiên cứu cho tóc bạc vì gen di truyền hoặc vì sự hóa già. Cũng có ý kiến cho là vì thiếu sinh tố loại B, kém dinh dưỡng, do thời tiết, ô nhiễm hóa chất trong môi trường hoặc do căng thẳng tâm thần, buồn phiền quá mức.

Vì không ngăn ngừa, không chữa được nên con người tìm cách che đậy, thay đổi sự bạc trắng này bằng mỹ phẩm nhuộm tóc, mang tóc giả hoặc cấy tóc.

Giáo sư Kyonggeun Yoon và các nghiên cứu gia tại đại học Y Khoa Jefferson, Pennsylvania, đã thành công trong việc chuyển đổi tóc từ trắng sang đen của chuột mắc bệnh bạch tạng bằng điều chỉnh gen di truyền. Kết quả nghiên cứu được công

bố trong tạp chí Nature số tháng Giêng năm 2000. Mong rằng phương thức này sớm mang lại kết quả tốt đẹp để có thể áp dụng cho người già tóc bạch kim.

Tuy được coi là một dấu hiệu sớm của tuổi về già, nhưng sự bạc tóc chỉ xảy ra ở khoảng 65% người cao tuổi, còn 35% thì hoặc tóc không bạc hay chỉ bạc khi tuổi rất cao.

Nhiều trung niên, mới 25-30 tuổi tóc đã bạc.

Thành ra sự bạc tóc không phải là chỉ dấu của sự hóa già của các bộ phận trong cơ thể, cũng như không có ảnh hưởng gì tới sức khỏe hay tới tuổi thọ. Nhiều người hãnh diện có mái tóc bạch kim, tự cho là người từng trải, có kinh nghiệm và đáng tin cậy.

Thánh kinh có ghi "Tóc bạc là vương miện của sự vinh quang".

Còn huyền thoại Ngũ Tử Tư, sau một đêm trầm suy, sáng dậy tóc đã bạc trắng cũng vẫn chỉ là huyền thoại, không có giải thích khoa học.

**b) Rụng tóc** - Rụng tóc là một hiện tượng bình thường xảy ra ngay từ khi còn trẻ. Nhưng với tuổi cao, tóc rụng nhiều hơn nhất là khi da đầu bị nhiễm trùng, hoặc do ảnh hưởng của một vài dược phẩm, chất phóng xạ trị liệu, vài loại thực phẩm. Trung bình, mỗi ngày có khoảng 100 sợi tóc rụng. Lông nách và lông mu cũng chịu cùng số phận.

Ngoài ra, khi về già tóc khô, giòn, dễ rụng vì các tuyến nhờn kém hoạt động.

Ở nữ giới, lông tóc mọc ở cằm trên khi số lượng kích thích tố nữ giảm vào thời tắt kinh và gây ra nhiều ngưng ngưng cho quý bà. Ta có thể nhổ, cạo hoặc dùng các chất hóa học để làm mất những sợi lông vô duyên này.

Ngoài ra khi quý bà dùng thuốc có nam kích thích tố, thì lông tóc cũng mọc ra ở mặt và thân thể, nhưng khi ngưng thuốc thì lông tóc ngưng mọc.





## 2- Thay đổi về da

Với một diện tích 17 thước vuông, da là bộ phận lớn nhất của cơ thể.

Về phương diện cấu tạo, da đã làm nhiều kiến trúc sư xây dựng ngạc nhiên, thần phục vì tính chắc bền bỉ, đàn hồi và nhạy cảm của nó.

Da là đồng minh bảo vệ cơ thể chống ngoại vật xâm lăng như vi khuẩn, cát bụi, những phủ phàng của thời tiết nóng lạnh, thay đổi của thiên nhiên. Nhưng da cũng tố giác tuổi già với nhiều thay đổi không đẹp như da nhăn nheo, khô cằn, mềm xệ hoặc những vết đồi mồi...

Về cấu tạo, da có ba lớp chính: biểu bì, bì và hạ bì với các chức năng khác nhau.

- Biểu bì là lớp ngoài cùng gồm tế bào tiết chất cứng gelatin để bảo vệ da; tế bào sắc tố làm cho da có màu và chặn tia tử ngoại xâm nhập cơ thể. Biểu bì được liên tục thay thế và trong suốt cuộc đời 70 tuổi, ta mất đi tới 20 kí lô tế bào da.

- Bì là một mạng lưới tế bào với hai chất đạm elastin và collagen làm da được bền bỉ và co giãn. Bì còn có nhiều mạch máu, dây thần kinh, tuyến mồ hôi, tuyến nhờn và chân tóc.

- Hạ bì nằm dưới cùng, có nhiều tế bào mỡ, sợi thần kinh, mạch máu và được dùng như để gắn hai lớp bì và biểu bì vào cơ thể.

Sự hóa già mang đến nhiều thay đổi không đẹp lắm cho hình dáng con người ở cả ba lớp da.

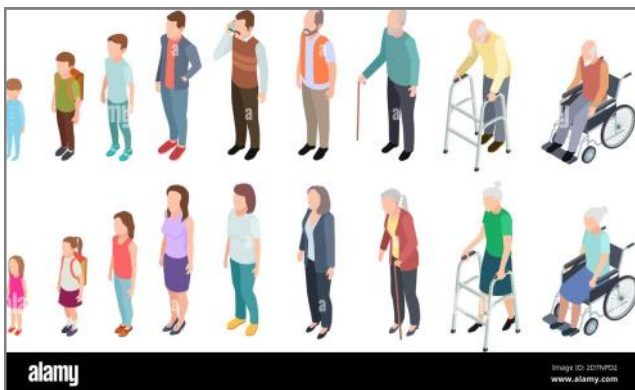
Biểu bì hư hao nhiều hơn là tái tạo, mô mới kém tổ chức khiến cho biểu bì mỏng manh. Tế bào màu, chất elastin và collagen giảm, tuyến mồ hôi và tuyến nhờn teo, giảm hoạt động. Những thay đổi đó đưa tới các hậu quả sau đây:

a- Da nhăn - Sự xuất hiện của lớp da nhăn đầu tiên trên cơ thể làm nhiều người hoang hốt, vì với da nhăn làm ta như già đi. Da nhăn nheo vì chất collagen giảm, chất elastin tăng, da mất tính đàn hồi. Chúng ta có thể đo sự mềm dịu đàn tính của da bằng cách kẹp lớp da giữa hai ngón tay trong ít giây, rồi thả ngón tay, tính xem mất mấy giây để lớp nhăn trở lại bằng phẳng. Thường thì một hai giây, nhưng ở người trên 60 tuổi, thì phải mất vài chục giây.

Da nhăn nheo, không có nghĩa là những cơ quan cốt yếu trong cơ thể cũng suy mòn. Người trẻ tuổi mà da không được chăm sóc thì cũng vẫn nhăn như thường.

b.- Da khô - Ở người cao tuổi, sự bài tiết mồ hôi giảm vì những tuyến mồ hôi, tuyến nhờn giảm hoặc kém hiệu năng. Do đó da trở nên khô, ngứa, nhất là về mùa lạnh.

c- Thay đổi khả năng điều hoà thân nhiệt -



Dưới lớp bì và biểu bì là một lớp mô mỏng chứa nhiều chất mỡ để chống sự thất thoát nhiệt độ cơ thể. Ở người cao tuổi, lớp mỡ này mất đi, nhất là ở mu bàn tay, mặt và gan bàn chân. Các cảm giác ngoài da cũng kém, nhất là cảm giác đau. Vì thế người cao tuổi hay bị phỏng ở bàn chân.

Số lượng những mạch máu nhỏ dưới da của người cao tuổi cũng ít hơn, cho nên người già chịu đựng độ lạnh kém người trẻ. Khi nhiệt độ giảm dưới mức an toàn, người già có thể bị lạnh cóng.

d- Chậm lành vết thương - Xúc giác giảm cộng thêm sự suy yếu của hệ thống miễn dịch kéo dài độ nhạy cảm của da khi tiếp xúc với hoá chất kích thích. Người già hay bị tổn thương nơi da. Khả năng lành da cũng rất chậm vì giảm máu nuôi dưỡng da.

Nhìn chung, những thay đổi theo tuổi già của da xuất hiện rõ nhất ở trên mặt. Vầng trán nhăn nheo với vết rạn chân chim ở đuôi con mắt; da mặt mỏng; xương mặt nhô; mạch máu lộ trên da; mí mắt xệ, quầng mắt đen; vành tai to chảy xuống; cằm nhiều mỡ.

## 3- Thay đổi về chiều cao

Với tuổi đời chững chắt, con người như co lại, và đáng điều ngạc nhiên ngang lúc trai tráng không còn nữa. Trung bình khi về già, đàn ông thấp đi khoảng 2 phân, đàn bà 1,5 phân. Đây là do ảnh hưởng của một số yếu tố như sự giảm nước trong cơ thể, các bắp thịt yếu, thay đổi vóc dáng, xương sống hao mòn và biến dạng. Riêng ở nữ giới, nguyên nhân chính của co ngắn chiều cao vẫn là bệnh loãng xương (osteoporosis).

## 4- Thay đổi về sức nặng, dung lượng nước của cơ thể

Kết quả của nhiều cuộc nghiên cứu đều xác nhận là, sức nặng của cơ thể tăng lên ở tuổi trung niên rồi giảm xuống lúc tuổi già. Đồng thời, tế bào mỡ tăng và thay thế vào chỗ những tế bào thịt bị tiêu hao vì ta không sử dụng đến chúng. Tế bào mỡ xuất hiện nhiều nhất ở vùng bụng và hông.

Ở tuổi thanh niên, 60% sức nặng của cơ thể là nước. Khi về già chỉ còn có 51%.

Nữ giới cũng vậy: từ 51% lúc trẻ xuống 46% lúc về già. Nguyên do là số lượng tế bào chứa nhiều nước mất đi hoặc teo đi.

## 5- Một số những thay đổi khác

Nhận xét chung cho thấy, về già vòng ngực tăng lên, sống mũi và dái tai dài ra một chút.

Trên xương đầu thì những khớp nối của xương dính liền lại, xương sọ dày lên.

Móng tay, móng chân mọc chậm, đổi màu và có những lần gợn gồ ghề.

## Kết luận

Trên đây là những thay đổi bình thường xảy ra trong tiến trình lão hoá.

Ngày nay khoa học đã chứng minh là ta có thể làm những thay đổi này chậm lại bằng cách sống theo quy luật thiên nhiên, dinh dưỡng hợp lý, tránh lạm dụng những chất có hại cho cơ thể, vận động xương thịt đều đặn cho khí huyết lưu thông, gân cốt thư giãn.

Cũng như giữ cảnh lòng luôn luôn an lạc, như lời người xưa: "Lạc giả trường thọ, ưu giả dị yếu".

# LỄ CẦU AN CHO TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TUỆ SỸ, CHÁNH THƯ KÝ, XỬ LÝ THƯỜNG VỤ VIỆN TĂNG THỐNG GHPGVNTN

*Thanh Huy*

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Garden Grove, Nam California (Thanh Huy) – Tại chánh điện Tu Viện Đại Bi số 13852 Newland St, Thành Phố Garden Grove, Nam California, vào lúc 4 giờ chiều thứ Bảy, ngày 28 tháng 10 năm 2023, một buổi lễ cầu an cho Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Chánh Thư Ký, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.



Trước tình trạng sức khỏe nguy ngập của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, nên một số những học trò thọ ơn giáo dưỡng của Ngài đã đứng ra tổ chức buổi lễ cầu an. Điều hợp buổi lễ do Thượng tọa Thích Hạnh Tuệ, Trụ Trì Tu Viện Pháp Vương. Mở đầu buổi lễ, TT Thích Hạnh Tuệ cung thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni quang lâm chánh điện, trong lúc này quý huynh trưởng và một số đoàn sinh Gia Đình Phật Tử sắp thành hai hàng để cung thỉnh chư tôn đức tăng, ni. Sau khi đạo tràng trang nghiêm, thay mặt ban tổ chức, Thượng tọa trình bày về những công trình và sự nghiệp giáo dục, hoằng dương Chánh Pháp của Trưởng lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ. Thượng Tọa cho biết trong lời mở đầu của tập kỷ yếu nói về Ôn Tuệ Sỹ, những thế hệ bậc thầy của tăng ni, Phật tử, có đoạn: "Nhìn lại hành trạng một đời của Thầy Tuệ Sỹ, chúng ta thấy thầy luôn là người tiên phong đầu ngọn sóng, trong cả nẻo đạo hay đường đời, vận dụng từ bi và trí tuệ để khai mở, xây dựng và phát triển từ việc giáo hội đến việc tăng đoàn, không màng chút lợi danh quyền thế.."

Tiếp theo Thượng tọa lần lượt giới thiệu thành phần tham dự buổi lễ cầu an, Thượng Tọa cung kính đánh lễ giới thiệu sự quang lâm chứng minh của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên

Thế Giới, Viện Chủ Chùa Liên Hoa; Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Phương Trưởng Tu Viện Pháp Vương và Viện Chủ Chùa Phật Đà San Diego; Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Viện Chủ Chùa Hội Phước New Mexico, Thượng Tọa Thích Huệ Minh Trụ Trì Trung Tâm Văn Hóa Việt Mỹ Chùa Bảo Quang cùng số đông chư tôn đức Tăng, chư tôn đức Ni đến từ các chùa và tu viện Nam California. Phía quan khách có: Nghị Viên Michael Võ, cựu Thị Trưởng TP Fountain Valley và phu nhân; bác sĩ Võ Đình Hữu, Chủ Tịch Hội Đồng Liên Kết Quốc Nội Hải Ngoại; ông Đoàn Ngọc Đa (Hội Trưởng và một số thành viên Hội Đồng Hương Quảng Nam Đà Nẵng), ông Nguyễn Xuân Hùng (Hội Trưởng Hội Đồng Hương Quảng Trị); Về phía cư sĩ, văn nghệ sĩ Phật tử, có Nhà Văn lão thành Doãn Quốc Sỹ, Tiến Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế, Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ; nhà báo, nhà văn Nguyễn Giác Phan Tấn Hải; nhà báo Tâm Huy Huỳnh Kim Quang, nhà văn Tâm Quang Vinh Hào, nhà văn Như Hùng, Huỳnh Trưởng Tâm Hòa Lê Quang Đạt cùng quý huynh trưởng, đoàn sinh Gia Đình Phật Tử các cấp Miền Quảng Đức, cùng với đại diện các cơ quan truyền thông báo chí, gồm có nhà báo Thanh Phong (Viễn Đông); Văn Lan (Người Việt); Thanh Huy (Việt Báo); Đoàn Trọng (Đài truyền hình SET); Phan Đại Nam đài (SBTN). Và sự tham dự của một số Chư Tăng, Ni, Cư sĩ, Huỳnh Trưởng, Đoàn Sinh Gia Đình Phật Tử, các học trò đã thọ ơn giáo dưỡng của Hòa Thượng Tuệ Sỹ.





*HT Nguyễn Siêu tuyên bố lý do buổi lễ*



*Tiến Sĩ Huỳnh Tấn Lê có lời cảm niệm*

Sau phần giới thiệu quan khách, Thượng Toạ Hạnh Tuệ cung thỉnh Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Trưởng Ban Tổ Chức lên tuyên bố lý do. Trong lúc này Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu mời Cư Sĩ Như Hùng, Tâm Huy Huỳnh Kim Quang, Tâm Quang Vĩnh Hào là những học trò của Trưởng Lão HT. Thích Tuệ Sỹ cùng lên với Hòa Thượng. Mở Đầu HT. Thích Nguyên Siêu nói:

"Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni, kính thưa quý quan khách, quý cơ quan truyền thông báo chí, quý thiện nam tín nữ Phật tử cùng quý huynh trưởng các cấp Gia Đình Phật Tử thân mến."

HT. tiếp: "Tất cả chúng ta có mặt hôm nay trong ngôi chánh điện Tu Viện Đại Bi, một cách đầy đủ như thế này là do vì nhân duyên Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, một bậc Thầy quý kính của tất cả anh em học tăng trước và sau năm 1975, ngang qua các Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang, Tu Viện Quảng Hương Già Lam Sài Gòn... Hòa Thượng là một bậc thân giáo sư luôn chăm lo cho đàn hậu học, luôn sách tấn và trao truyền sở học của mình cho anh em học tăng, ngò hầu mai kia một nọ anh em học tăng lấy đó làm vốn liếng hoằng dương Phật Pháp mà lợi đạo ích đời."

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ luôn hiện diện, giảng dạy Kinh Luật Luận cho anh em học tăng cũng như giảng dạy Phật Pháp trên online cho quý thiện nam tín hữu Phật tử, quý vị thức giả tham cầu học Phật Pháp, cũng như Gia Đình Phật Tử Việt Nam chuyển mình qua những khúc quanh lịch sử nước nhà. Ân ấy, đức ấy, là những người học trò không bao giờ quên được, và luôn những tưởng rằng những người học trò của Hòa Thượng luôn được nghe những lời giảng dạy của Hòa Thượng trên bục giảng, trên online, trên các băng tape mà tình thầy trò luôn được gần gũi, gần gũi thân thương...

Gần đây những người học trò biết Hòa thượng lâm trọng bệnh, phải nằm bệnh viện Sài Gòn Việt Nam để chữa trị, cứ nghĩ rằng bệnh tình sẽ thuyên giảm, pháp thể được khinh an, để Hòa Thượng tiếp tục điều hành Phật sự trong cương vị là Chánh Thư Ký Xử Lý Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và phiên dịch Đại Tạng Kinh Phật Giáo Việt nam được hoàn thành tốt đẹp. Nhưng bây giờ, bệnh tình của Hòa Thượng chưa được thuyên giảm khả quan, do vậy, trong tâm trạng của những người học trò xa xứ,

chẳng biết làm gì hơn là nhất tâm cầu nguyện, tổ chức buổi Lễ Cầu An, kiến thành kính đánh lễ, cung thỉnh chư Đại Tăng, và trân trọng kính mời quý thiện hữu trí thức, quý đồng hương Phật tử, quý vị truyền thông báo chí, quý Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử thương tình mà gia tâm cầu nguyện cho Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ bệnh tình sớm chấm dứt, chướng duyên sớm tiêu trừ, thân tâm trường an lạc để Hòa Thượng tiếp tục hoàn thành những Phật sự, những trọng trách còn dang dở. Mong lắm thay! Tất cả mọi tấm lòng Từ Bi của đại chúng..."

Sau cùng, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu nói, "Chân thành kính cảm ơn Sư Bà Viện Chủ, Ni Sư Trụ Trì đã hoan hỷ cho mượn Tu Viện Đại Bi để tổ chức buổi lễ này. Kính chúc chư Đại Tăng pháp thể khinh an, đạo nghiệp viên thành. Đồng kính chúc liệt quý vị vô lượng an Khang, cát tường như ý. Nam Mô Đức Sư Lưu Ly Quang Vương Phật tác đại chứng minh."

Tiếp theo nghi thức lễ cầu an dưới sự chứng minh chủ lễ của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Chơn Thành, HT. Thích Nguyên Siêu, trong lúc này tất cả chúng cùng tụng kinh Phổ Môn để cầu an cho cho Trưởng Lão HT. Thích Tuệ Sỹ tật bệnh tiêu trừ, thân tâm an lạc.

Sau nghi thức lễ cầu an. Ban tổ chức cung thỉnh Trưởng lão Hòa Thượng Thích Chơn Thành ban lời cảm tử, HT. nói: "Nguyên cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ cho Hòa Thượng Tuệ Sỹ phước trí trang nghiêm, chướng duyên bệnh khổ tiêu trừ, thân tâm thường an lạc, vạn sự cát tường như ý."

Tiếp theo Tiến Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê trong lời cảm niệm ông nói: "Tôi không may mắn được là học trò của Ôn Tuệ Sỹ để được nghe Thầy giảng một cách trực tiếp, nhưng lại có may mắn khác, khi Con là một người Việt Nam, mà Thầy là một nhân vật có tư tưởng vĩ đại mà ai cũng tôn thờ kính trọng; con có một may mắn khác vì con là một Phật tử trong Giáo Hội của Thầy mà nơi đây Thầy là một thạch trụ ở chốn Tông Lâm. Tại Hoa Kỳ tôi gặp những người bạn Mỹ là Giáo sư Đại học, họ không ngớt ca ngợi về Thầy, họ nói: "Họ rất kính nể Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, vì họ nhìn thấy những vị tu hành trong Phật giáo không hề tốt nghiệp ở một trường nào, nhưng một số kiến thức rộng rãi, một trình độ học vấn uyên thâm không ai sánh bằng như Master



*Hình lưu niệm sau buổi lễ cầu an*

Thích Tuệ Sỹ, mặc dù không gần gũi Thầy nhưng con luôn theo dõi từng chặng đường Thầy đã đi qua từ bản án tử hình cho đến lúc Thầy tiếp nhận Xử Lý Viện Tăng Thống... Kính nguyện cầu mười phương chư Phật gia hộ cho Thầy được pháp thể khinh an để tiếp tục làm lợi lạc cho mọi chúng sanh trong xã hội này!”

Đạo hữu Tâm Hòa Lê Quang Dật, cố vấn ban hướng dẫn Gia Đình Phật Tử Hoa Kỳ, trong lời phát biểu ông nói: “Không riêng gì ở Việt Nam, Phật tử khắp nơi trên thế giới đang nhất tâm cầu nguyện cho Hòa Thượng Tuệ Sỹ, được hồng ân chư Phật thủy từ gia hộ cho thầy của chúng con được chóng bình phục để lèo lái con thuyền của đạo pháp trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn này.”

Sau cùng Ni Sư Trụ Trì Tu Viện Đại Bi cung thỉnh chư tôn đức và mời quý Phật tử vào trai đường thọ trai do ban trai soạn Tu Viện Đại Bi khoản đãi.

Được biết, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ là một học giả uyên bác, thông thạo nhiều ngôn ngữ như tiếng Anh, Pháp, Nhật, và các cổ ngữ Pali, Phạn, Tạng, Hán và đọc hiểu tiếng Đức; nguyên giáo sư thực thụ của Viện Đại Học Vạn Hạnh Saigon, nhà văn, nhà thơ từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, từng là Đệ Nhất Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Đệ Nhị Phó Thượng Thủ Hội Đồng Tăng Già Bản Thể.

Năm 1978 Hòa Thượng Tuệ Sỹ bị nhà cầm quyền Cộng sản VN bắt đi tù “cải tạo” ba năm. Tháng 9 năm 1988, Hòa Thượng Tuệ Sỹ và GS Lê Mạnh Thát bị ghép tội “hoạt động lật đổ chính quyền nhân dân” và bị tuyên án tử hình. Sau đó nhờ sự can thiệp của quốc tế, ngài được trả tự do vào ngày 1 tháng 9, 1998. Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ được trao giải thưởng Hellmann/ Hamett của Tổ Chức Theo Dõi Nhân Quyền. Vào năm 2005

Hòa Thượng được trao “Giải Nhân Quyền Việt Nam” do Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam tổ chức.

Hòa Thượng hiện đương là Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống GHPGVNTN từ năm 2020 đến nay, đặc biệt ngài được Hội Đồng Hoàng Pháp suy cử là Chủ Tịch Hội Đồng Phiên Dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam, cùng với GS Lê Mạnh Thát (Cố Vấn), quý Hòa Thượng Thích Như Điển (Chánh Thư Ký), HT Thích Nguyên Siêu (Phó Thư Ký Hải Ngoại), HT Thích Thái Hòa (Phó Thư Ký Quốc Nội). Công trình phiên dịch này mới chỉ đạt được thành tựu sơ bộ, với 29 cuốn trong đợt đầu của bộ Thanh Văn Tạng đã được ấn hành vào tháng Ba 2023.

Cũng nên nhắc lại trong một bức thư gửi các Tăng Sinh Thừa Thiên Huế có đoạn Hòa Thượng đã viết: *“Người xuất gia, khi cất bước ra đi, là hướng đến phương trời cao rộng; tâm tinh và hình hài không theo thế tục, không buông mình chiều theo mọi giá trị hư dối của thế gian, không cuối đầu khuất phục trước mọi cường quyền bạo lực. Một chút phù danh, một chút thế lợi, một chút an nhàn tự tại; đây chỉ là những giá trị nhỏ bé, tầm thường và giá nguy, mà ngay cả người đời nhiều kẻ còn vất bỏ không tiếc nuối để giữ tròn danh tiết. Chớ khoa trương bảo vệ chánh pháp, mà thực tế chỉ là ôm giữ chùa tháp làm chỗ ẩn núp cho Ma Vương, là nơi tụ hội của cặn bã xã hội. Chớ hô hào truyền pháp giảng kinh, thực chất là mượn lời Phật để xu nịnh vua quan, cầu xin một chút ân huệ dư thừa của thế tục, mua danh bán chức. Xưa kia khi vua chúa bắt sư tăng cúi đầu nhận tước lộc của triều đình để làm tôi tớ cho vương hầu, chư Tổ đã sẵn sàng đặt đầu mình trước gươm bén, giữ vững khí tiết của người xuất gia, bước theo dấu chân vô úy, vô cầu của bậc Thánh...”*

## TRẠI TÙ SƠN LA

(Tặng kỵ binh Vũ Đình Lưu  
Cuối cùng rồi cũng còn một thời để nhớ)

*Sơn La nước độc giòng trong vắt  
Trót hẹn cùng nhau một quãng đời  
Thăm thăm chín tầng sâu địa ngục  
Chín tầng mòn mỏi cuộc rong chơi*

*Mênh mông chướng khí mờ Sơn La  
Cái đói làm quên nỗi nhớ nhà  
Trữ nặng trên ai thân lính thú  
Mồ hoang... hoang lạnh dãy đồi xa*

*Nơi đây điểm hẹn bờ sinh tử  
Dãy trại ven đồi vắng... vắng thêm  
Nước độc rừng thiêng đêm chướng khí  
Huyết sâu xí xóa kiếp ưu phiền*

*Tinh sương... cả trại tù lưu xứ  
Chặt nửa trên ngàn khoán chỉ tiêu  
Công điểm trọn ngày đôi củ sắn  
Máu tuôn đá sắc móng tai mèo*

*Sơn La cũng có đoàn sơn nữ  
Thắm đậm tình người nghĩa quới nhân  
Lên núi chặt măng triển bát ngát  
Cho anh từng ống nứa com lam*

*Chao ôi! Vị nếp sao mà dẻo  
Ngọt lịm bờ môi thắm nghĩa đời  
Vị nếu hôm nào no một bữa  
Cũng còn nhớ mãi trọn đời thôi*

*Chao ôi! Bỏ nứa sao mà nặng?  
Chia sót nhau từ những khúc quanh  
Xuống núi cheo leo triển vực thẳm  
Oằn vai phân nửa gánh ân tình*

*Những gái Mường kia giờ ở đâu?  
Gùi măng xuống núi trắng hoa đào  
Sơn La đất chết tình sao đẹp  
Mãn kiếp lưu đày cũng nhớ nhau.*

## HỒ THANH NHÃ



# Lãng đàng vàng thu

TIÊU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Cuối tháng mười đất trời phượng ngoại vàng lên rực rỡ, muôn sắc màu nhuộm thắm cỏ cây. Những mảng màu đẹp không sao tả nổi, những buổi hoàng hôn càng làm cho sắc màu đã đẹp lại càng đẹp hơn.

Đi dưới tán lá rừng rực rỡ, những khoảng trống bên trên long lanh nền trời xanh ngan ngát, dưới chân lá xào xạc đùa vui như con trẻ. Tiếng lá vỡ vụn như tiếng cười nắc nẻ lúc mùa lên. Đi giữa lòng thu, lòng người man mác nỗi nhớ thương không tên, vương vấn những nỗi niềm từ bao đời. Những ký ức muôn màu của chữ tình từ trong tạng thức khởi dậy, hồn lâng lâng dâng lên những cơn sóng tâm lan tỏa làm cho mình như ngập giữa đất trời.

Đi giữa lòng thu, lòng tự dưng ngán nga những lời thương lời nhớ, lời tình tự miễn man, cái khoảnh khắc này như thực như mơ. Mình đang đi trên mặt đất mà cứ ngỡ là vườn địa đàng cổ tích. Mình đang sống giữa cuộc đời trần lao vất vả này mà ngỡ lạc vào xứ sở thần tiên như cô bé Alice, cái khoảnh khắc kỳ diệu này đẹp biết bao! Dòng đời trôi miên viễn qua lắm cung bậc hạnh phúc, khổ đau, ngọt bùi, cay đắng... Thỉnh thoảng có những khoảnh khắc như thế này làm cho cuộc đời trở nên đáng sống hơn.

Đi giữa mùa thu, lòng mình tự hỏi: "Sao quốc độ này khác biệt lắm vậy? Người ở Âu-Mỹ có cuộc sống vật chất phủ phê, tinh thần thoải mái, tháng ngày hưởng thụ, xã hội dân chủ hòa bình, thiên nhiên tươi đẹp... Còn những người dân ở các xứ độc tài, lạc hậu, đói nghèo sao khổ đến thế? Đã thế lại cộng thêm nỗi thống khổ vì thù hận mà gây ra chiến tranh bom rơi đạn nổ, lửa cháy ngút trời, cửa nát nhà tan, người chết thê thảm, người sống bơ vơ màn trời chiếu đất. Kiếp người đã khổ, khi không tai họa lại ập xuống đầu. Người dân

Ukraine, Palestine... hiện giờ đang sống trong địa ngục! Sự tàn độc hiếu chiến của những thế lực chính trị vốn coi thường sự sống của con người và muôn loài. Trong lúc Âu - Mỹ đang ngập tràn trong muôn sắc màu thu, đang sống một cuộc sống đủ đầy, đang tận hưởng cái đẹp của mùa thu đang trình diễn thì người Ukrainian, người Palestinian đang sống trong sự tận cùng khổ đau, chết chóc, tang thương, mất mát, chia lìa. Máu xương của họ đang đổ xuống, suối lệ tuôn tràn. Sự tàn ác vô cảm của kẻ gây chiến đang phô trương sức mạnh và quyền lực của nó, điều đó cũng có nghĩa là sự thống khổ của những nạn nhân đang đau đớn đến tận cùng!

Mùa thu cũng là mùa của lễ hội, nơi này đang vui vì hội thu thì nơi ấy bọn thủ ác, lũ hung thần đang đặc thẳng với hội say máu sát nhân. Ở nơi này có bao nhiêu lễ hội và mọi người đang vui trẩy hội, đang sống những ngày tháng đẹp của đất trời, của cuộc đời thì ngay trong lúc ấy những nạn nhân của chiến tranh đang sống dở chết

dở dưới những trận mưa bom, hỏa tiễn. Không biết bao nhiêu nhà cửa, trường học, bệnh viện, quán xá... giờ chỉ còn là những đồng gạch đá ngổn ngang. Cũng một kiếp người sao khác biệt đến dường này?" Những địa danh Gaza, West Bank, Jerusalem, Golan, Sinai, Jerusalem... vốn là linh địa của cả ba tôn giáo lớn, ấy vậy mà thiên nhiên, xã hội và con người khắc nghiệt, tàn bạo suốt bao ngàn năm nay. Bảo rằng số phận ư? Bảo rằng thượng đế an bài ư? Thượng đế sao lại tàn nhẫn vô cảm đến vậy? May ra chỉ có thể nói là do cộng nghiệp, biệt nghiệp, nghiệp lực mà thôi!

Người Palestine, người Do Thái vốn cũng từ một ông tổ Abraham, là anh em cùng cha khác mẹ và Jerusalem là thánh địa ấy vậy mà người ta hận thù nhau, tru diệt nhau, hận thù ngút ngàn và ngày càng chồng chất thêm.

Nếu ở đây có những khoảnh khắc đẹp diệu kỳ thì ở nơi ấy đang đẫm đặc kiếp nạn khổ đau. Bao đời rồi thù hận nhau, giết chóc không ngừng nghỉ,



máu nào thấm được đá? Xương thịt nào tắm được đất? Tâm nào cảm được những con người vô cảm mà đầy sự vô minh và sân hận? Những thế lực chính trị hiếu chiến, những thế lực thần quyền cuồng tín, những tướng tá đầy quyền lực nhưng vô tri đang ra sức kêu gào, thúc đẩy con người hai bên lao vào tàn sát lẫn nhau.

Ở đây thu vàng lãng đãng, muôn sắc gấm hoa, lá đỏ xào xạc, mùa lên rục rĩ thì nơi ấy máu đổ bi thương, xương thịt tan nát, khói lửa bom đạn đen cả vòm trời, cuộc sống đang là địa ngục, địa ngục trần gian.

Làm sao đánh thức lương tâm những kẻ cầm quyền? Làm sao để lay động lương tri những kẻ hiếu chiến? Luật pháp và công lý ở đâu? Làm sao thực thi? Những câu hỏi không thể trả lời, không dễ trả lời! May thay tình thương và sự cảm thông của nhân loại vẫn còn. Khắp thế giới xuống đường biểu tình: Chicago, New York, Paris, London, Madrid, Tokyo, Tehran, Seoul... Hàng chục triệu người kêu gọi chấm dứt chiến tranh! Những người yêu chuộng hòa bình và công lý đang nói thay cho những nạn nhân bất lực trong chiến tranh. Xin đừng nhầm lẫn hay cố tình gộp chung tất cả người dân Palestine với lực lượng khủng bố. Những kẻ cố tình đánh đồng không chỉ là bọn cầm quyền, những thế lực chính trị, quân sự cực đoan hiếu chiến mà ngay một bộ phận dân chúng chỉ vì yêu – ghét phe phái nên cũng cố tình đánh đồng như vậy! Một nhóm nhỏ khủng bố với một nhà nước khủng bố có khác gì nhau, có khác chăng là ở sức mạnh và cái hậu quả mà nó gây ra!

Mùa thu ơi! thương lắm, thương đứt ruột khi thấy bao nhiêu trẻ em Palestine ngơ ngác bơ vơ ngồi trên đồng gạch ngổn ngang, cái đồng gạch ấy vốn là nhà của các em, dưới đồng gạch đá ấy là xương thịt của ba má, ông bà, anh chị em của các em. Có vô số những em bé Palestine đầu trần chân đất, áo quần tả tơi, thương tích đầy người lang thang giữa đất đá đạn bom. Các em không có thực phẩm, nước, thuốc men, chỗ trú thân, thân nhân mất hết... Hàng triệu người Palestine đang bị mất nhà cửa, ruộng vườn, thân nhân. Hàng trăm ngàn bệnh nhân không có thuốc men, giải phẫu không có thuốc tê, thuốc mê... Cả một



dân tộc bị giam lỏng trên quê hương của họ, bị tước hết mọi quyền công dân, quyền con người!

Mùa thu ơi! Kiếp nạn này bao giờ mới chấm dứt? Đất trời bắc Mỹ đang ngợp trong muôn sắc màu, lãng đãng vàng thu. Đất trời đẹp nhất là khi xuân về chồi non lộc biếc, muôn hoa khoe sắc và khi mùa lên muôn màu rục rĩ, lá đỏ ngập lối qua, mùa màng gặt hái xong. Mùa thu về với những quả bí ngô ngô nghĩnh, những chùm bắp khô lủng lẳng khắp nơi, những hình nộm bù nhìn vui nhộn... Mùa thu cũng là mùa của Halloween, mọi người hóa trang thành những hình tượng ma quỷ kinh dị nhất, phải chăng quanh năm phô diễn chất người giờ thì bày ra một chút góc khuất, mặt trái của mỗi con người chúng ta? Nhà thiện vẫn bảo ở trong tâm của mỗi con người vẫn tiềm ẩn cái ác. Con người dù đó là kẻ quyền thế hay bình dân, đạo đức hay vô lại, nhà tu hành hay kẻ lưu manh... Tận trong thâm tâm vẫn ẩn chứa cái ác, chúng tử ác. Chỉ có điều là khác nhau ở chỗ biết điều khiển hay để bùng phát, biết hóa giải hay dung dưỡng, biết thăng tiến hay chìm đắm, biết thức tỉnh hay mê muội... Những người học đạo, hành đạo thì cái ác bị hóa giải, bị khống chế hay tiêu trừ. Còn kẻ không biết đạo thì để cái ác tự tung tự tác, nuôi dưỡng cái ác và làm cho cái ác tăng trưởng thêm. Ác – thiện vốn không phải hai, người – quỷ vốn không khác, một niệm tinh là người một niệm mê là quỷ. Một niệm giác là thánh một niệm mê là phàm! Quý

không ở dưới địa ngục âm ty, quý đang hiện diện ngay ở nhân gian này. Quý đâu phải ở ngoài, quý ngay trong mỗi con người. Lễ Halloween vui nhộn với những hình nộm và mặt nạ ma quỷ, đâu chỉ có trẻ con mới vui chơi hóa trang, người lớn còn thích hóa trang hơn, những cuộc hóa trang điều hành khắp nơi. Ma quỷ đâu có gì đáng sợ, chỉ có con người mang tâm địa ma quỷ mới đáng sợ, bởi những kẻ mang tâm địa quỷ thì không việc ác nào không dám làm, không tội lỗi nào không nhúng tay vào. Người hóa trang làm ma quỷ chỉ để vui, ma quỷ hóa trang làm người thì mới đáng sợ! Có thể đó là những mê muội trong ý thức hệ, giáo điều nọ kia. Có thể là bọn cuồng tín cực đoan, có thể là đám chính khách vì lợi ích bản thân hay lợi ích băng đảng, có thể là những tướng lĩnh điều hâu muốn lập công danh bằng xương máu của lính và dân, có thể là những kẻ quyền cao chức trọng nhưng lương tâm bé tí và lòng tham không đáy... Người hóa trang làm ma quỷ để vui chơi nhưng ma quỷ hóa trang làm người để giết chóc, tàn phá, hủy diệt, hại người hại vật, tổn hại cả thiên nhiên, không tội ác nào không dám làm!

Mùa thu đẹp lắm! Đất trời bừng lên rục rĩ. Mùa thu đâu chỉ để làm thơ vô thưởng vô phạt, đâu chỉ để miêu tả văn chương phù phiếm. Mùa thu đẹp biết cảm thông với nỗi đau của đồng loại, biết tỏ tình liên đới với những con người đang sống trong khổ đau. Tiếng lá thu xào xạc không làm quên tiếng bom rơi đạn nổ, xác lá vàng không thể xóa nhòa hình ảnh gạch đá xà bần lẫn lộn với thịt xương của hàng chục ngàn nạn nhân vô tội. Sắc màu thu mơ màng, hơi thu lãng đãng nhưng không thể quên được lửa đỏ khói đen ngút trời! Những nạn nhân đang thống khổ trong địa ngục trần gian, mùa thu thương người như thương chính bản thân mình. Nỗi đau của người, mùa thu cảm nhận sâu sắc, xin chia sẻ và thông cảm với người, xin khẩn nguyện cho người! Vàng thu không thể nhuộm nơi khổ đau mà người đang sống nhưng lòng thu hướng về nơi ấy!

Hãy chấm dứt chiến tranh!  
Sống và để người khác sống!

**Tiểu Lục Thần Phong**  
Át Lăng thành, 1123



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

# Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

## CHƯƠNG BÀ

Trà uống nhiều đã thấm, cả hai chúng tôi đều sáng mắt ra, không thấy buồn ngủ. Tôi để hết tâm vào câu chuyện kể, sống lại với những ngày tháng qua bằng vẻ tự tin của một người từng trải đối với một thánh giả ngây thơ, hay của một người đang loay hoay tìm kiếm sự hân thưởng cái hạnh phúc của hiện tại bằng cách khơi dậy niềm đau quá khứ. Chuyện càng kéo dài, chúng tôi càng thấy thân mật, tự nhiên với nhau hơn.

"Anh đói bụng lại chưa, em thấy đói quá; tại hồi chiều em ăn sớm. Hay để em làm cái gì sơ sơ cho hai đứa ăn hả?" nàng hỏi.

"Ờ... mất công không?"

"Không đâu, chỉ là mì gói thôi mà, nhanh lắm."

Ăn xong, tôi gần như mất cái hứng để kể tiếp. Trong khi tôi ngồi trầm tư, nàng vừa dọn rửa chén bát vừa nói:

"Ờ ngã tư đằng kia có một quán cà phê vỉa hè, anh muốn ra đó ngồi uống không?"

"Thôi, mất công. Ở nhà cho khỏe."

"Ra ngoài thay đổi không khi một chút. Em đi với anh."

"Bây giờ mới có ba giờ sáng, biết họ đã mở cửa chưa?"

"Họ có cửa đâu mà mở, hi hi, chỉ chờ bàn ghế xếp đến, bày ra vỉa hè thôi. Bán từ khoảng 2 giờ sáng đến sáng bừng thì đẹp."

"Sao em rành quá vậy?"

"Tại hồi đó có mấy người bạn đến đây ở lại đêm để đi vượt biên, khuya nhờ em đưa ra đường để chờ người đến đón. Lang thang trên đường thấy kỳ quá tụi em ghé vào cái quán vỉa hè đó. Chỉ miễn cưỡng ngồi đó thôi, nhưng rồi thấy cũng thú vị lắm. Từ đó, thỉnh thoảng dậy sớm mà không có hứng thú làm gì, em đi bộ ra đó ngồi uống một mình, nhìn xe cộ qua lại, cho đến khi mặt trời mọc mới trở về."

"Cũng khá hoang nghịch đó nghe! Em uống cà phê được sao?"

"Được chứ. Anh không biết uống à?"

"Dĩ nhiên là biết."

"Vậy thì thay đồ đi uống há. Từ nhà đi bộ đến đó đâu chừng năm, mười phút. Sở công an nằm gần đây nên khu vực này an ninh lắm, chẳng có cướp bóc gì đâu."

"Nhưng công an có thể để ý làm phiền mình đó chứ."

"Mình là công dân hợp pháp của đất nước mà, sợ gì chứ!"

"Cái đó chẳng bàn được đâu. Họ muốn bắt lúc nào chẳng được."

Tôi nói đến đó thì thoáng nhớ đến chuyện xưa khi tôi đến chỗ Hân và bị Hân sắp đặt ông thầy Tư đến rù tôi ra đường, rồi công an chặn bắt. Nhưng nàng không đến nổi tệ như vậy đâu. Nàng thích và quý tôi, tôi thừa biết điều đó. Không phải hạng người nào trong xã hội này cũng phải bị uốn nắn theo khuôn để trở thành những con người hiểm ác, độc địa, dối trá, hèn hạ, lường gạt và hại nhau. Có những hạng người sinh ra để sống như đời một hoa sen.

Chúng tôi cùng rảo bộ trên hè phố vắng. Sương khuya phảng



*phất mờ trắng trên đường. Nàng khoác cái áo gió mỏng màu vàng tươi và đã cho tôi mượn cái áo khoác gió màu ka-ki trước khi ra đường, vậy mà cả hai đều có vẻ lạnh. Thấy nàng cheo hai tay ôm lấy hai vai, tỏ vẻ lạnh, đôi lúc tôi muốn chèo tay ôm nàng cho ấm nhưng ngại. Xe cô đã bắt đầu qua lại thưa thớt trên đường. Mấy chiếc xích lô rung chuông mời gọi. Chúng tôi im lặng, thong thả bước. Chị chủ quán đang quạt lò, thấy chúng tôi đến thì lên tiếng mời chào. Chúng tôi chọn cái bàn sát với một khu đất trống và khá xa với chị chủ quán. Rồi cùng với ngum trả nóng rất ư sáng khoái giữa trời sương, tôi nhỏ giọng kể, như là thủ thi tâm tình với nàng.*

\*\*\*

Trời bây giờ đã vào thu. Tôi biết vậy chẳng phải nhờ nhìn thấy sự úa màu của cây lá bên ngoài đâu; mà chính vì bầu trời xám xịt bên trên với những đám mây đen kịt lướt qua thật nhanh phía sau cái bốt gác cao ở góc trại. Và lại, bây giờ là cuối tháng tám thì phải là mùa thu.

Từ cửa sổ nhìn ra sân trại, tù nhân chúng tôi chẳng thấy có bóng cây nào to lớn để có thể mang lại tín hiệu rõ rệt cho bốn mùa. Chỉ có một cây mai tứ quý ẻo uột, khẳng khiu như một anh tù ốm đói, trơ trọi đứng một mình nơi vồng hoa của sân chơi. Vồng hoa chạy song song với chiều dài của phòng giam. Mà cái vồng này thực ra lại chẳng có thứ hoa nào được trồng cả; chỉ thấy những rau là rau: rau muống, rau răm, rau diếp cá, rau húng, rau thơm... và vài cây ớt hiểm do mấy anh tù trồng lấy để "cải thiện đời sống." Tôi mới đến, không dám tin là cây mai tứ quý có thể nở hoa vào mỗi đầu xuân hay không—nói chi đến chuyện nở hoa bốn mùa như tên gọi của nó! Hiện giờ thì chẳng thấy nụ hoa hay cuống hoa nào còn lưu lại trên cây. Chỉ có lá lưa thưa, trông tội nghiệp. Phải chăng các thứ rau mọc sần sần quanh chân nó đã tranh nhau hút lấy nhựa sống khan hiếm còn sót lại trên cuộc đời cần cỗi của sân trại? Và cây mai quân tử kia, vì không chịu hạ mình tranh sống với những thứ rau cỏ tầm thường nên chỉ có mỗi một cách để sinh tồn là cố gắng vươn lên giữa không gian cao rộng? Hay

vì chính nó là một loài thực vật cao kỳ vốn sinh ra và tồn hữu bằng thứ dinh dưỡng duy nhất là cái tiết hậu tuần hoàn luân lưu của bốn mùa sinh diệt nên người ta gọi nó là mai tứ quý?

Đang trầm tư về cốt cách của cây mai, tôi chợt thấy Phương từ phía cổng của khu trại bước vào sân, hướng về phía phòng giam chúng tôi, tay xách một cái giỏ. Một vài anh tù lảng xăng kháo với nhau:

"Ế, chị Phương vào kia. Đã quá bảy giờ!"

"Tránh chỗ, tránh chỗ."

Họ tranh nhau xúm xít ngồi gần chỗ lồng khung để được "gần" với người nữ cán bộ này hơn. Có ba tiếng vỗ tay bôm bốp thật lớn làm hiệu cho cả phòng im lặng và tất cả cùng ngồi xuống. Nhất là mấy anh tù đang đứng tắm tòng ngồng trong nhà vệ sinh, phải ngừng dội nước, ngồi thấp xuống sau hai bức tường ngăn, ló đầu lên nhìn ra hướng lồng khung. Đây là lần đầu tiên tôi chứng kiến cảnh bạn tù đón tiếp nữ cán bộ. Quả là có khác với khi các nam cán bộ đến phòng. Chỉ mấy người tù già và vài người tù đứng đắn là không hăm hờ đón tiếp Phương, số còn lại giương những cặp mắt đau đáu, nhìn Phương một cách thèm thũng. Thật chẳng khác những con cọp đói bị nhốt trong chuồng thú, thấy con hoẵng mập mạp và nung núc mỡ đi qua đi lại trước mặt.

Phương bước đến sát bên cửa sắt, không mở khóa, chỉ đứng ngoài, đặt cái giỏ xuống đất, rồi vén tóc mai, nói:

"Phòng này có ai bệnh hoạn gì cần xin thuốc không? Có ai bệnh nặng xin ra nằm bệnh xá không?"

Anh Nhiều trưởng phòng vội bước đến chỗ lồng khung, nói:

"Báo cáo phòng này không ai bệnh, thưa cán bộ."

Phương gục gặc không nói gì. Không khí im phắc. Cơ hồ chỉ có tiếng áo lụa của cô nữ cán bộ là kêu lên những tiếng sột soạt nhỏ theo sau cử động của cánh tay đưa lên đưa xuống, làm điệu bộ trước mấy chục con mắt đàn ông xa gia đình.

"Có chắc là không ai cần thuốc men không đó?" Phương hỏi lại một lần nữa.

Chẳng ai lên tiếng. Chỉ có

tiếng đôi guốc của Phương nghiêng nhẹ trên nền xi măng. Phương cúi xuống xách cái giỏ lên, quay ra, nhưng vừa tới bậc cửa, cô quay lại:

"A, anh Khang đâu rồi? Có phải anh Khang ở phòng này không?"

Trưởng phòng vội nói:

"Báo cáo cán bộ, ở đây có một Khang. Vĩnh Khang phải không ạ? Anh Khang, cán bộ muốn gặp anh."

Tôi bước tới chỗ lồng khung. Phương kín đáo nhìn tôi từ đầu tới chân—lần đầu tiên cô thấy tôi cởi trần mặc quần cụt—rồi bằng một giọng tự nhiên, cổ nói:

"Cán bộ chấp pháp nhờ tôi đem thuốc xức ghê xuống cho anh. Nghe nói anh mới bị nổi ghê ở hai bàn tay, phải không? Có bị chỗ nào khác không?"

"Không," tôi đáp.

Đám tù cười. Phương cũng cười rồi tự nhiên đỏ mặt. Thực ra tù nhân chỉ dám cười trước mặt cô nữ cán bộ phụ trách về y tế này thôi chứ đối với các cán bộ khác, chưa bao giờ tôi thấy họ cười như vậy.

Phương ngồi xuống, soạn trong giỏ ra một gói bông gòn nhỏ và một lọ thuốc xức ghê. Hình như cô định chờ tôi đưa tay ra cho cô xức nhưng thấy tôi cứ ngồi yên, cô đổi ý, bèn đưa bông gòn và thuốc vào cho tôi.

"Anh cắt cái này mà xức. Ở phòng giam đông người như vậy dễ bị lây ghê lắm. Mỗi ngày ra chơi, anh nhớ ra ngồi phơi nắng chứ đừng có nấp trong bóng mát. Hết thuốc anh nhắn tôi biết nha."

Một anh tù từ đâu chồm tới, ngay sau lưng tôi, nói:

"Báo cáo cán bộ, tôi cũng bị ghê nhiều lắm, đây cả người."

"Sao này tôi hỏi chẳng ai báo cáo?" Phương khó chịu.

"Dạ tại vì tưởng cán bộ hỏi bệnh gì nặng chứ còn ghê thì gần hết cả phòng đều bị, mà bị nặng hơn anh Khang nữa, thưa cán bộ."

"Ồ, vậy sao? Nhưng mà các anh có gia đình thăm nuôi, nhắn gia đình gửi thuốc vào chứ trại đâu có lo hết cho các anh được. Trường hợp anh Khang... là vì cán bộ thụ lý hồ sơ biết rằng anh chưa có thăm nuôi..."

Tôi quay lại nói với người bạn tù:

"Không sao đâu, thuốc và bông gòn này là của chung, ai bị ghê thì cứ lấy xức."

Phương liếc nhìn tôi, tỏ ý can

ngắn tôi về việc đưa bông thuốc ra xài chung, rồi cô trợn mắt nói anh tù kia, nói:

"Các anh lộn xộn quá. Thôi được, để tôi nói với quản giáo của các anh ghi tên người nào muốn có thuốc xức ghê để tôi tìm cách đưa xuống, nhưng nhớ là chỉ anh nào không có gia đình thăm nuôi thôi nhé!" Nói rồi Phương nhìn tôi, nhỏ giọng, "anh cứ lo xức phần anh đi, có một lọ đó mà xức chung thì chẳng ai hết ghê được đâu."

Phương kín đáo gợi cho tôi một cái nhìn triu mến lạ lùng trước khi xách giỏ rời khỏi phòng giam. Cô vừa khuất thì trong phòng ồn ào trở lại.

"Nhớ vợ quá, mèn đét ơi!"

"Em Phương đã thiệt!"

"Tao sắp điên rồi, thấy em là chịu không nổi!"

Và đầu đó trong những tiếng than trời kia, tôi nghe được lời một người nào đó:

"Chị Phương chịu ông thầy rồi bây ơi!"

Rồi một người khác:

"Ừ, lạ nghe! Mình muốn cô cô chẳng chịu nhìn, lại nhìn cái người tu hành tuyệt dục mới kỳ chứ!"

\*\*\*

Thư tôi viết xong đã nhờ anh trưởng phòng đem ra nộp cho quản giáo cùng lúc với vài lá thư của những bạn tù khác trong phòng. Trưởng phòng theo quản giáo ra ngoài khá lâu. Khi trở về, anh thông báo chung cho những người khác biết là đã được quản giáo chấp thuận cho gửi thư;

nhưng với tôi, anh kéo riêng vào góc phòng-nơi làm việc và là chỗ ngủ của anh-nói nhỏ:

"Thư của thầy chưa biết có trót lọt không. Quản giáo Khoa thì dễ, ông đã chấp thuận; nhưng ông Hón cứ nói: thư của tên thầy chùa này phải xét kỹ từng chữ mới được, hẳn viết cái gì cũng có ý nghĩa sâu xa bên trong, coi chừng hẳn thông cung ra ngoài đó! Theo tôi thì đừng cho hẳn liên lạc gì với bên ngoài là tốt nhất!"

"Rồi kết quả ra sao?"

"Chưa biết. Có lẽ chờ mấy ống khói ý với nhau."

Tôi phì cười:

"Bộ mỗi thư đều bị tắt cả các quản giáo kiểm duyệt trước khi gửi đi à?"

"Đâu có, quản giáo của phòng nào thì kiểm duyệt thư của phòng đó thôi. Nhưng cái thư của thầy chẳng biết sao lại đưa ra hỏi ý kiến chung của cả ban quản giáo. Tôi sợ không được."

"Nhưng nếu không được thì ông Khoa sẽ xuống đây bảo tôi viết lại thư khác chứ, phải không?"

"Thường thường là vậy. Nhưng biết đâu đối với trường hợp thầy, ông ấy lại im luôn, chẳng gửi đi, cũng chẳng cho viết thư khác!"

Thấy tôi im lặng, Nhiều nghĩ rằng tôi buồn nên nói lời an ủi:

"Ráng đi. Có lẽ tại thầy là tu sĩ Phật giáo, lại nắm giữ chức vụ quan trọng trong lực lượng Phục quốc nên mới bị họ đi như vậy."

Tôi phì cười:

"Đâu có sao. Chẳng phải tôi lo buồn đâu. Tôi đang nghĩ cách nào thông báo ra ngoài mà thôi. Còn chuyện Phục quốc, tôi có nắm chức vụ gì đâu, chỉ tại họ nghĩ rằng có tham gia, có đóng góp thì phải có chức vụ nên mới đoán mò vậy thôi."

"Ông Khoa hỏi tôi có biết ông thầy nắm chức vụ gì trong lực lượng Phục quốc không. Tôi nói không. Ông ấy nói rằng thầy là lãnh tụ, hoặc là cố vấn tối cao của ông Trần Văn Lương đó. Ông còn dặn hãy coi chừng, đừng để ông thầy móc nối các thành phần phản động trong phòng giam..."

Tôi bật cười, không nói gì. Nhiều tiếp:

"Có lẽ vì vậy mà mấy quản giáo dim thư của thầy đó. Nè, nói thiệt thầy nghe, kỳ thăm nuôi trước tôi có dặn bà xã gợi cho tôi nhiều đậu hũ và tương chao trong kỳ thăm nuôi tới. Tôi dặn vậy là để thầy có thêm thức ăn đó. Còn như thầy muốn nhắn gì ra ngoài... tôi cũng có thể nhờ bà xã tôi được."

"Cám ơn anh. Tôi chỉ sợ liên lụy cho anh và gia đình anh, không tốt đâu."

"Xì, có gì đâu. Bà xã tôi lanh lắm. Bên ngoài lại có má tôi và mấy đứa em gái nữa. Muốn nhắn gì, làm gì, họ cũng làm được hết. Đàn ông của gia đình tôi đều bị dính vào lực lượng Nghĩa quân Phục quốc. Còn lại toàn đàn bà con gái, tự sinh sống và thăm nuôi cho mấy người đàn ông trong tù. Gia đình tôi là gia đình cách mạng mà, tôi kể rồi bộ thầy không nhớ sao! Hồi xưa, ông già tôi theo cách mạng, còn lại bao nhiêu người trong nhà đều làm giao liên hoặc chứa chấp mấy ông Việt cộng nằm vùng... Sau giải phóng, ông già tôi làm Tỉnh ủy tỉnh Sông Bé, nhưng rồi bất mãn chế độ, ông từ chức, đem gia đình bỏ về Tân Phú làm rẫy. Sau đó, gia nhập Nghĩa quân Phục quốc. Khi ông quyết định theo Phục quốc, cả nhà ủng hộ, rủ rê thanh niên trai tráng trong huyện vào rừng cầm súng. Súng thì do tôi móc nối mua lại của tụi huyện đội, đem chở vào rừng cho nghĩa quân. Đàn bà con gái nhà tôi lại trở thành giao liên cho Phục quốc. Thầy thấy không, nhờ mấy người giao liên này nhắn một cái tin thì dễ như móc đồ trong túi. Thầy muốn nhắn gì cứ nói tôi



biết, bao nhiêu chuyện bà xã tôi cũng nhớ hết. Bà ấy không làm được thì dặn mấy đứa em gái tôi làm."

"Tôi cũng chẳng nhản gì rườm rà đâu. Chỉ cần cho gia đình tôi biết rằng tôi bị bắt, vậy là đủ rồi. Thà biết như vậy còn hơn mù mù tăm tăm chẳng rõ tôi còn phiêu dạt ở đâu hay đã chết mất xác..."

"Dĩ nhiên là phải cho gia đình biết rồi, có ai ở tù mà lại chẳng muốn thông báo cho gia đình đâu, nhất là ở tù cộng sản, chẳng bao giờ đủ cơm ăn, áo mặc, thuốc uống... Để tôi bảo bà xã tôi đến nhà thầy báo tin. Thầy yên tâm đi. Đó là chuyện nhỏ thôi mà. Gặp chuyện lớn cần hy sinh, tụi này còn sẵn sàng làm cảm tử quân nữa mà!"

Tôi im lặng, cảm kích sự nhiệt thành của gia đình anh Nhiều, một gia đình nông dân miền Nam, sống côi mớ hồn nhiên và sẵn sàng chết một cách anh hùng để bảo vệ đất đai phì nhiêu trù phú của tổ tiên để lại. Về nhiệt thành của gia đình anh luôn luôn có lợi cho các công cuộc cách mạng. Cộng sản thành công trong việc xâm chiếm miền Nam một phần cũng nhờ những gia đình mà từ chồng đến vợ, từ cha đến con, đều dốc cả thì giờ và sinh mệnh của họ ra mà đóng góp. Chỉ đáng tiếc một điều là những người dân Nam bộ này đã ủng hộ đến thành công một tập đoàn hại nước hại dân, và khi nhận thức mình sai lầm, họ đã ủng hộ một lực lượng có chính nghĩa nhưng lại thất bại thê thảm để rồi cả nhà phải sa vào vòng tù tội. (Cái nghiệp dĩ khổ đau của Việt Nam từ trăm năm đổ lại đây là hệ lực lượng nào có chính nghĩa thì lại thường thất thời, thất thế, thất thủ, thất trận, thất vận, thất vọng, thất bại... Còn những lực lượng nào phản dân tộc thì lại dễ thành công để rồi mặc tình làm những điều thất học, thất sách, thất đức, thất tín, thất nghĩa, thất nhân tâm... Suy vong của đất nước cứ theo cái đà nghịch thường ấy mà diễn tiến thì dân tộc này biết đến lúc nào mới có thể vươn dậy?)

Nhiều kể rằng ban đầu cả nhà anh đều bị bắt vào tù, một tháng sau đó do khai cung khéo léo, tốp đàn bà con gái được thả về. Anh còn cho biết hồi trước năm 1975, gia đình anh theo cách mạng, làm giao liên, là để

ủng hộ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, chứ không phải ủng hộ cộng sản, gia đình anh chỉ muốn đánh Mỹ để bảo vệ mảnh đất miền Nam chứ không phải đánh Mỹ để rước cộng sản Bắc Việt vào. Và cuộc đấu tranh tham gia Nghĩa quân Phục quốc của gia đình anh sau năm 1975 cũng chỉ mang một mục tiêu đơn giản là bảo vệ mảnh đất miền Nam khỏi sự thống trị của cộng sản Bắc Việt. Anh không nghĩ chuyện xa xôi là sẽ giải phóng miền Bắc. Ước mơ và hoài bão của anh đối với đất nước (có nghĩa là miền Nam Việt Nam) rất đơn giản, đơn giản như ước mơ của một nhà nông đối với mảnh vườn miếng ruộng của mình. Ai đụng chạm đến mảnh vườn của mình thì mình chống lại họ. Hồi đó nghe tuyên truyền là Mỹ muốn lấy đất lấy vườn của mình: chống Mỹ! Cách mạng thành công mới biết rằng cái đế quốc tư bản dù sao hãy còn dành đất lại cho mình cấy cấy, còn đế quốc cộng sản thì thu tóm hết, vơ vét hết, đất vườn này biến thành đất vườn chung do nhà cầm quyền Bắc Việt quản lý: chống Cộng! Trong khi người cộng sản Bắc Việt nhìn mảnh đất miền Nam và con người miền Nam như là một phần cơ thể ung nhọt cần được dẫn dắt và điều trị bởi đỉnh cao trí tuệ của chủ nghĩa Mác-Lê thì người nông dân miền Nam (điển hình là gia đình của Nhiều) nhìn người cộng sản Bắc Việt như là những người ngoại quốc, những kẻ xâm lăng vừa tham lam, vừa tàn bạo, vừa ích kỷ, cướp lấy miền Nam để nuôi béo những cán bộ ngoài Bắc. Phục quốc chiều mộ nghĩa quân để chống lại cộng sản thì gia đình Nhiều tham gia, tham gia để bảo vệ mảnh đất miền Nam, cụ thể là để bảo vệ vườn tược và nếp sống yên bình từng có trước khi chủ nghĩa cộng sản có mặt tại Việt Nam. Lý tưởng của anh chỉ đơn giản như vậy.

Tôi nhắc cho Nhiều nhớ rằng Bắc hay Nam cùng chung một nhà, đều là anh em cả, và thồng nhất đất nước trong một tiến trình hòa hợp không gây thương tổn cho nhau qua là điều tốt đẹp, nên thực hiện...

Điều đáng tiếc là Việt Nam chỉ được thống nhất ở mặt địa lý chứ không thống nhất ở mặt nhân tâm. Cái nghiệp dĩ phân ly

của năm 1954 là một đường cắt đau lòng trên vận mệnh quê hương, nhưng nếu chúng ta biết chấp nhận và lợi dụng nó để cùng lúc tiến hành một cuộc "thi đua hạnh phúc" thì cái nghiệp dĩ đau thương sẽ chuyển thành ước vọng và hiện thực tươi đẹp. Thử tưởng tượng, chính quyền của hai miền Nam-Bắc tranh đua nhau làm lợi ích cho dân trong xứ mình và nhân dân của hai miền tranh đua nhau xây dựng kiên thiết xứ sở mình đang sống thì đại hạnh biết bao! Đảng này, hai khối chính quyền đều u mê chấp chặt vào hai thứ chủ nghĩa ngoại lai, biến chúng thành lý tưởng để rồi đẩy xô hàng triệu sinh dân vào chỗ thù hận chém giết nhau, gây bao tang tóc ê chề cho cả hai miền suốt mấy chục năm. Thay vì mấy chục năm kiên thiết, chúng ta nhảy vào mấy chục năm phá hoại, hủy diệt, từ cơ sở vật chất đến sinh mệnh và cả tâm thức của lương dân. Một cuộc phá hoại trường kỳ xuẩn động!

Không cần phải đổ thừa chuyện phân chia hai miền (hay ba kỳ) là do các thế lực thực dân đế quốc. Cái mầm phân chia đã nảy ra từ sự bám chặt vào ý thức hệ. Khi ý thức hệ cộng sản đi vào Việt Nam, có người theo, có người chống, thì ý niệm phân chia ranh giới đã khởi động. Mà thực ra, sự phân chia Nam-Bắc đâu phải chỉ bắt đầu từ năm 1954! Không phải rằng Việt Nam đã từng bị chia hai từ đầu thế kỷ 17 bởi cuộc phân tranh Trịnh-Nguyễn? Ở thời ấy, sự phân chia bắt nguồn từ tranh chấp quyền lực của hai thế lực công thần Trịnh-Nguyễn. Sự phân chia ấy có thể xóa được dễ dàng khi một trong hai thế lực ấy thắng thế, hoặc hai thế lực ấy bị dẹp tan hay thống nhất bởi một thế lực khác (chẳng hạn nhờ vào sự nổi dậy của lực lượng Tây Sơn và cuộc thống nhất đất nước của Gia Long). Nhưng còn sự phân chia bắt nguồn bởi ý thức hệ với sự tuyên truyền rộng rãi của các phương tiện truyền thông cũng như chính sách văn hóa giáo dục của quốc gia thì ăn sâu vào tâm thức người dân của nhiều thế hệ, thật khó mà giải tỏa.

Từ năm 1954, Việt Nam chúng ta ngậm ngùi biến thành hai nước đeo đuổi hai thứ "lý tưởng" khác nhau mà phía nào cũng cho là mình đúng, bên kia sai, rồi tự phong cho mình sứ

mệnh hay bốn phần “giải phóng” phía bên kia. Đáng ra, ở cơ hội đình chiến hiếm hoi trong thời điểm hiệp định Ba-lê, chính phủ hai miền nên tranh thủ nhân tâm để tiến đến tổng tuyển cử, thống nhất đất nước trong hòa bình. Nhưng các thế lực đế quốc gườm nhau, ngăn trở tiến trình này, để rồi hai miền thay vì mong đợi một cuộc tổng tuyển cử, lại tiến hành một cuộc xâu xé nổi da xáo thịt. Từ đó, lại nảy sinh những thứ chính nghĩa và lý tưởng giải phóng dân tộc. Bên nào cũng cho rằng bên kia bị nô lệ bởi đế quốc hay chủ nghĩa. Lý tưởng, “giải phóng” bắt đầu phôi thai. Ý niệm giải phóng phía kia là lẽ tự nhiên, vừa hợp tình vừa hợp lý—nếu thực sự người dân miền Nam với chính sách và chủ trương nào đó có thể đem lại thái bình và thịnh vượng cho đất nước thì người miền Nam nên cứu lấy miền Bắc để chia sẻ cái hạnh phúc mà mình gặt hái được; và ngược lại, người dân miền Bắc cũng nên giúp người dân miền Nam thực hiện con đường cứu quốc và kiến quốc nếu họ thực sự tìm thấy hạnh phúc bằng con đường công sản. Nhưng đứng bao giờ khư khư chấp chặt vào những ý thức hệ, những chiêu bài, những chiến lược hay chiến thuật, những phương châm, những khẩu hiệu, những chúc thư, những ảo vọng hy hiển và đôi chác với thần linh... của bất cứ lãnh tụ hay tập đoàn tổ chức nào để rồi cứ một mực cho rằng bên kia phải nghe bên này và chẳng bao giờ chịu tìm hiểu hay lắng nghe bên kia.

Thực ra, thống nhất hai miền chẳng bao giờ là lý tưởng của con đường cách mạng dân tộc. Sự cắt chia hai miền cũng chẳng phải là cái hiểm họa gì ghê gớm lắm cho đất nước. Chân lý của ông Hồ Chí Minh “nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một” là thứ chân lý bá đạo của kẻ có tham vọng nới rộng tầm ảnh hưởng thống trị của mình, nó được dựng lên chỉ để che đậy dã tâm nhuộm đỏ đất nước chứ chẳng phải là chân lý của người dân. Người dân chỉ cần sống bình yên trên mảnh vườn của họ, không cần thống nhất... Không hề có một thứ chân lý của sự thống nhất, cũng không hề có lý tưởng thống nhất. Không thống nhất hai miền cũng chẳng phải là hiểm họa.

Có chăng là lý tưởng đấu tranh, xây dựng hầu mang lại hạnh phúc ấm no thực sự cho dân tộc. Hiếm họa là hiếm họa vong thân, tôn thờ chủ nghĩa ngoại lai để dày xéo chà đạp lên tình tự dân tộc. Nếu chia cắt ở mặt địa lý nhưng thống nhất ở mặt tinh thần và ý chí thì sao? Chẳng phải rằng tự nhiên hai miền sẽ thống nhất một cách êm thuận à? Chống cộng chẳng bao giờ là một lý tưởng. Chống cái tham tàn, sân hận, si mê như là nguồn cội của phân tranh để giữ được mảnh đất quê hương do tổ tiên gầy dựng và tạo được hạnh phúc ấm no thực sự cho dân tộc mới chính là lý tưởng mà mọi người dân nên theo đuổi. Như vậy, nếu có hai nước Việt Nam thái bình thịnh trị thì đã sao? Chết chóc gì ai? Miễn sao hai nước ấy biết thương yêu nhau như anh em, đừng thù hằn nhau, đừng chém giết nhau, đừng chen ép nhau, đừng ngăn trở nhau trong việc xây dựng kiến thiết đất nước là được rồi. Hai anh em sống chung một nhà cũng tốt, nhưng nếu đã trưởng thành cần sống riêng và có thể sống riêng mà vui được thì cứ sống riêng, tại sao bắt buộc phải sống chung một nhà mà rồi cứ ép uống nhau! Cái sai lầm là luôn luôn tưởng rằng “nếp sống” của mình là hay nhất, hết lòng đem vũ lực mà bắt buộc người anh em khác phải tuân theo, sống theo. Hệ lụy phân tranh từ địa lý cho đến tâm thức từ đó kéo đến.

Giải phóng hay thống nhất đất nước theo lẽ thói đó thì phỏng có ích gì? Rõ ràng là người ta đã đâm đuổi chạy theo hết cái mê lầm này đến cái mê lầm khác. Mê lầm rằng có một thứ chủ nghĩa, một thứ ý thức hệ (hay ngay cả một thứ tôn giáo) vô địch bách chiến bách thắng có thể xây dựng được một thiên đàng ngay trên trần gian. Mê lầm rằng ai không tin cái chủ nghĩa ấy thì đáng phải chết. Mê lầm rằng cái chủ nghĩa ấy không bao giờ sai và không bao giờ lỗi thời lạc hậu. Mê lầm rằng chỉ có giải phóng và thống nhất hai miền thì mới có hạnh phúc. Mê lầm rằng chỉ có một nước Việt Nam suốt từ Bắc vào Nam, như là chân lý bất di bất dịch! (Thực ra, có cái gì bất di bất dịch được đâu?

Nếu miền Nam đã không là vương quốc bất di bất dịch của Chiêm Thành thì đâu nhất thiết phải có nước Việt Nam thống nhất Nam-Bắc bất di bất dịch? Nếu nước Việt Nam là một từ ai Nam Quan đến mũi Cà Mau là chân lý bất di bất dịch thì lẽ nào lại có một nước Chiêm Thành trong lịch sử? Nếu là chân lý bất di bất dịch thì nước Việt Nam phải đứng mãi ở miền Bắc chứ đâu có được mở mang thêm ở miền Trung và Nam!). Vì mê lầm như thế mà phải dùng mọi thủ đoạn mưu chước để áp đặt niềm tin của mình lên người khác, không biết rằng công cuộc giải phóng và thống nhất đất nước theo cách đó chẳng bao giờ là điều mong đợi của cả nhân dân hai miền.

Lý tưởng của anh Nhiều đơn giản quá: chỉ cần bảo vệ mảnh đất miền Nam sao cho có hạnh phúc. Ban đầu mới nghe qua, tôi sợ rằng thứ lý tưởng mộc mạc này sẽ tiếp tục góp phần phân chia đất nước hai miền, nhưng xét cho cùng, tôi lại phần nào đồng ý với anh ấy rằng, mỗi người tự lo xây dựng toàn hảo khu vườn của mình thì tự khắc toàn vùng sẽ trở thành màu mỡ trù phú. Nếu ta chưa lo tròn được trách nhiệm đem lại hạnh phúc và ấm no cho phần đất của ta thì đừng bao giờ xía vào phần đất của người khác, dạy khôn cho người khác, hoặc ép buộc người khác phải đi theo cái lầm lỡ đói nghèo khổ đau mà ta đã kinh qua... Ôi, cái bị kịch phân tranh và thống nhất của đất nước này, nói sao cho cùng!

(còn tiếp)



## MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

# CANH BÍ MÙA THU



### Nguyên liệu:

- 4 chén nước
- 1/2 trái bí Nhật (kabocha) vỏ màu xanh, chừng 1 cân (450gr)
- 1/2 miếng đậu hủ non
- 8 tai nấm bào ngư
- 1/2 miếng rong biển khô không muối của Nhật (kombu), giống như phổ tai
- 1 nắm lá thì là tươi
- 1/2 viên súp cô đặc (bouillon) chay (có thể dùng hiệu Organic Rapunzel vegetable bouillon, No salt added)
- 1/2 muỗng cà-phê bột nêm
- Hành, ngò, tiêu (tùy thích)

### Thực hiện:

1. Bí Nhật gọt vỏ, bỏ ruột, cắt khúc khoảng 1 inch (3cm).
2. Đậu hủ non, cắt khúc cỡ như bí.
3. Nấm bào ngư rửa nước muối, xé cọng nhỏ, thấm giấy cho ráo nước.
4. Rong biển kombu ngâm và rửa cho sạch. Khi nở, xắt nhỏ cọng như nấm bào ngư.
5. Thì là xắt khúc khoảng 2 inches (5cm).
6. Nước nấu sôi, sau đó tuần tự cho vào nồi bí, nấm, rong biển, đậu hủ và viên súp cô đặc.

7. Nấu lửa trung bình thêm khoảng 10 phút, nêm chút bột nêm cho vừa ăn.
8. Thêm thì là và tắt bếp.
9. Có thể rắc lên tí tiêu hay hành, ngò nếu thích.

Món canh chay này rất thanh khiết và bổ dưỡng, không đường, không dầu mỡ, không bột ngọt.

*(Recipe & photos by Phương Thy)*



## THĂM PHÉ TÍCH ĐẠI HỌC NALANDA, ẤN ĐỘ

*Trong chuyến hành hương thăm Đất Phật,  
Đến sông Hằng rồi Lộc Uyển xanh tươi,  
Tiếp theo nhiều Thánh Tích Phật xa xôi  
Rồi sau đến Nalanda hoang phế.*

*Sáng hôm đó đi thăm như thường lệ,  
Nalanda, Đại học Phật cổ xưa,  
Trường được xây từ thế kỷ thứ 5.  
Phát triển mạnh thời Vua Kumara Gupta...*

*Đại học Phật lớn nhất Đông Nam Á  
Diện tích mênh mông hơn 14 mẫu ta,  
Trường có tên: Đại học Nalanda,  
Ý nghĩa đẹp là: Tài năng vô tận"*

*Trường lôi cuốn biết bao nhiêu học giả.  
Từ Trung Hoa, Nhật Bản, đến Ba Tư,  
Dạy Kỹ thuật, Phật pháp, Y khoa.  
Trường Đại học đầu tiên trên thế giới.*

*Nalanda, vào thời hoàng kim ấy,  
Thế kỷ 12, quân Hồi, người Turk... đến xâm  
lãng!!*

*Đốt thư viện! tàn phá! giết!... tan tành!  
Sát hại hơn ba ngàn Tăng du học!*

*Sau ba tháng, giặc hủy tan trường học  
Chỉ còn tro gạch móng đổ ngổn ngang !  
Cảm thương cho một Thánh tích huy hoàng,  
Chiến tranh vì không cùng niềm tin tôn giáo*

*Đoàn chúng tôi bước vào trên thêm gạch,  
Trước mắt là tàn tích đau thương!  
Gạch đỏ nâu hoang phế phủ đầy đường,  
Dư âm của một chiến trường... tàn khốc!*

*Chúng tôi bước, loang quanh trên nền dốc,  
Tâm mỗi người một thương cảm khác nhau  
Nhìn quần quanh những tàn tích thương đau  
Nay còn tro nền gạch nâu rêu phủ!*

*Đoàn tiếp tục bước đi trong trật tự,  
Thầy hướng dẫn luôn giải thích ân cần..*

*Lịch sử đầy sự sung đột chiến tranh  
Nay chỉ còn tường đổ hoang tàn phế!*

*Tôi ngậm ngùi... nhỏ rơi đôi dòng lệ  
Buồn, nhân gian sao nhiều nỗi đau thương  
Gây biết bao... hận oán cảnh đoạn trường!  
Ôi! oan nghiệt tới bao giờ dập tắt!*

*Khấp đó đây, kẻ tật nguyên... héo hắt !  
Thân đen gầy, mắt trắng dã... vươn tay  
Cố xin tiền luân quân đứng quanh đây  
Mong xin được, chút tiền người xứ khác!*

*Đời dương thế là luân hồi chuyển/thác  
Chuyện trả-vay do tạo tác mà thôi  
Có phải chẳng... Nhân tàn phá xứ người  
Nên Duyên-Nghiệp, sanh vào nơi hoang phế!*

*Vòng luân hồi trải qua bao thế hệ,  
Phật dạy rằng bỏ OÁN trả bằng ÁN,  
Voi bót đi bao tàn khốc chiến tranh,  
Mới chấm dứt cảnh OÁN-ÁN VAY-TRÁ,*

*Mặt Trời đã lên cao sao nhanh quá!  
Thầy hướng đạo ra dấu hiệu đi về,  
Chúng tôi vội, mau bước trở ra xe,  
Lòng cảm thương nhìn ngôi trường lần cuối!*

*thơ* HOÀNG THỰC UYÊN



# Lời thề nguyện

## Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

### (Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Đã hơn một tuần nhật rồi, vị Thánh nữ buồn rầu ủ ê, ăn không ngon miệng, ngủ không yên giấc, vì mẹ nàng vừa tử biệt cõi đời.

Gọi nàng là Thánh nữ, bởi vì nàng là một người tu hành đoan chánh, rất hiếu thảo với cha mẹ và tử tế với mọi người. Tuy nàng thuộc dòng dõi quý tộc Bà La Môn, song lại tu theo Phật giáo, ăn ở rất phúc hậu nên được nhân dân địa phương kính nể và mến phục mà tôn xưng là Thánh nữ.

Vị Thánh nữ thương mẹ lắm, song không phải là nàng thương vì mẹ nàng không còn ở cõi đời. Vốn là bậc tu hành chân chánh, nàng đã hiểu rõ lẽ sống chết như thế nào rồi. Đối với nàng, sự sống chết thật ra không làm cho nàng bị lụy xót xa cho lắm, nhưng nàng thương mẹ vì một lẽ khác.

Lúc còn sinh thời, mẹ nàng vốn theo ngoại đạo, tà giáo, không tin Phật pháp, không kính Tam bảo, không tin lẽ nhân quả, luân hồi, thường sát sanh hại vật, ăn ở tàn ác với mọi người, nói lời không chân thật... Đã nhiều lần, nàng cố sức khuyên can, mong phát huy chánh kiến cho mẹ nhưng mẹ nàng không chịu tin theo.

Vì hiểu rõ lý luân hồi, nghiệp báo, nên nàng càng cảm thấy thương xót mẹ vô cùng. Nàng tin thế nào sau khi thác, mẹ nàng cũng bị đọa vào các đường ác như: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh chứ chẳng không.

Nghĩ như vậy, rồi hai hàng nước mắt chan hòa, lòng đau như cắt. Bỗng nhiên đôi mắt vị Thánh nữ sáng ngời, trước mắt nàng hình ảnh Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai hiện ra.

- Chỉ có Đức Phật mới có thể cứu được mẹ ta. Ta hãy cầu nguyện nơi Ngài.

Sáng hôm sau, khi văng thái dương vừa ló dạng, muốn chim ca hát vui mừng chào đón ánh bình minh, vị Thánh nữ Bà La Môn thức dậy, nàng thu xếp hành trang và lễ vật, rồi khoan thai đi về phía chùa làng.

Sau khi dâng hương và lễ vật Thánh nữ ngước

nhìn pho tượng Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai oai nghi rực rỡ. Bất giác, nàng phục xuống chân Ngài, trong lòng thổn thức.

Nàng tự nghĩ: "Phật là bậc Đại giác, đầy đủ trí tuệ. Song là bậc phước cho ta, nên không được gặp Ngài lúc Ngài còn trụ thế. Nếu lúc này Ngài còn tại thế, tất ta có thể hỏi được, mẹ ta bị đọa nơi nào?"

Còn đang suy nghĩ chưa dứt, bỗng một làn khói thổi mạnh, ngọn nến lung linh. Vẳng vẳng bên tai Thánh nữ, như có ai nói tiếng rất ngọt ngào:

"Hỡi Thánh nữ đang khóc lóc kia, hãy nín đi và nghe đây, ta sẽ chỉ bảo cho nơi mẹ con bị đọa."

Bàng hoàng như vừa tỉnh giấc mộng, Thánh nữ ngạc nhiên và hướng lên không trung và bạch rằng:

"Chẳng hay vị thần linh nào ứng hiện, xong rũi lòng thương xót mà giải cho con tấm lòng lo âu. Từ khi mẹ con mất đến nay, ngày đêm thương xót, không biết mẹ con bị đọa vào ngã ác nào?" Ở trên không lại có tiếng văng vẳng như tiếng chuông chiều:

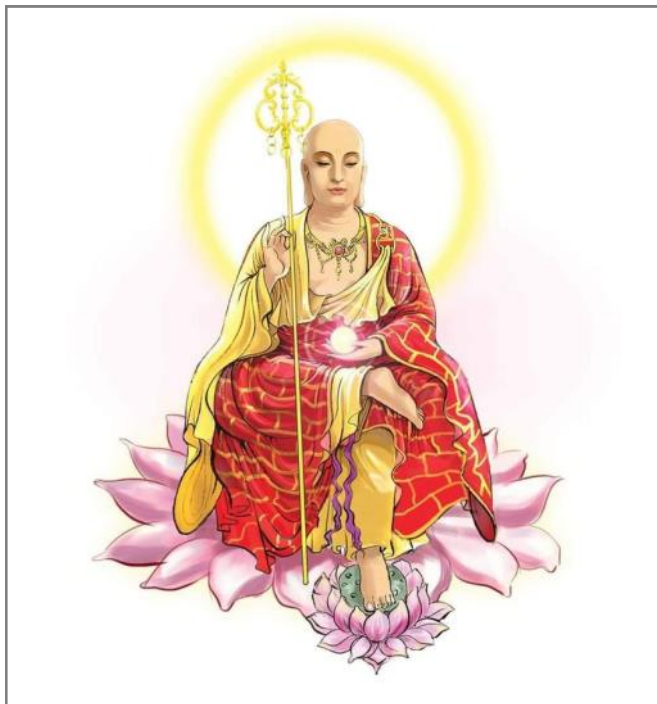
"Hỡi Thánh nữ! Ta đây chính là Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà con đang cúng dường và chiêm ngưỡng đó. Vì tấm lòng hiếu thảo gấp

mấy thường tình của con, nên ta mới bảo cho con biết."

Thánh nữ nghe nói khôn xiết vui mừng, liền chấp tay quì lạy. Đức Phật lại dạy:

"Hỡi Thánh nữ Bà La Môn kia, sau khi cúng dường, hãy trở về tọa thiền nghiêm chỉnh mà niệm danh hiệu ta, thì sẽ thấy nơi mẹ con bị đọa."

Vì nóng lòng thương mẹ, Thánh nữ Bà La Môn vội vã làm lễ tạ Phật rồi ra về. Y theo lời Phật dạy, Thánh nữ trang hoàng bàn thờ Phật và đối trước tượng Phật, ngồi kiết già nghiêm chỉnh, miệng và tâm đều kính cẩn niệm danh hiệu Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai luôn luôn không dứt.



Một bầu không khí mơ màng và trong ánh sáng bỗng hiện ra Thánh nữ Bà La Môn ung dung tiến bước đến một bờ biển mênh mông bất ngạt. Nhưng lạ thay, nước biển lại sôi lên sùng sục. Trên mặt biển, làn sóng cuộn cuộn nhấp nhô rất nhiều thú dữ, hình dáng quái dị, hung ác, bay nhảy, bơi lặn tung tăng, tranh nhau xé xác hàng ngàn, hàng vạn người trôi nổi trong đó, đàn ông cổ, đàn bà có, tiếng rên la khóc lóc vô cùng thảm thiết: Những cảnh tượng diễn ra vô cùng tàn ác, dã man, rùng rợn, không nỡ nhìn lâu. Tuy vậy Thánh nữ chỉ thấy thương xót cho những kẻ bị thú dữ ăn thịt đó thôi, chứ lòng nàng không cảm thấy sợ hãi chút nào. Lòng Thánh nữ rất phân vân về cái cảnh tàn sát ghê rợn ấy, nàng định tâm nếu gặp người nào sẽ hỏi cho rõ nguyên do!

Bỗng từ đằng xa đi lại một người hình dáng kì dị, cổ quái. Tới gần Thánh nữ, người kia vội vã chấp tay vái chào mà rằng:

"Mô Phật! Bạch Bồ Tát, chẳng hay vì duyên gì mà Ngài lại tới đây?"

Thánh nữ vô cùng ngạc nhiên về cách xưng hô của người kì dị kia. Nàng bèn hỏi lại:

"Mô Phật! Chẳng hay Người là ai mà kêu tôi là Bồ Tát?"

Người kia mỉm cười đáp lại:

"Mô Phật! Đệ tử là Quý Vương Vô Độc, cai quản nơi này nên được biết rõ: Vào được cõi này, chỉ có các bậc Bồ Tát hoặc các tội nhân mà thôi. Cứ nhìn cốt cách ung dung của Ngài thì biết ngay Ngài là bậc Bồ Tát mới đủ thần thông để chứng kiến những cảnh ghê gớm ở chốn này mà chẳng chút sợ hãi."

Thánh nữ suy nghĩ giây lát, rồi hỏi Quý Vương Vô Độc:

"Vậy đây là chốn nào?"

"Bạch Bồ Tát! Đây là từng bể thứ nhất về phía Tây núi Đại Thiết Vi."

"Phải chăng, trong núi Đại Thiết Vi là địa ngục?"

"Thưa vâng, trong núi Đại Thiết Vi quả có địa ngục!"

"Tôi có việc muốn vào địa ngục có được chăng?" Thánh nữ hỏi.

"Bạch Bồ Tát! Muốn vào địa ngục chỉ có hai cách: Uy thần và nghiệp lực. Ngoài hai cách ấy thì chẳng bao giờ vào được. Hiện nay Bồ Tát đang nhờ sức niệm Phật nên có uy thần, có thể vào được, song tôi muốn hỏi Bồ Tát muốn vào địa ngục có duyên có chứ?"

Thánh nữ nghe Quý Vương Vô Độc hỏi, ngậm ngùi nhớ đến mẹ và liên tưởng đến những cực hình ghê gớm trong địa ngục. Nàng đáp:

"Tôi muốn đi tìm nơi mẹ tôi bị đọa. Mẹ tôi mới thác, không biết người bị đọa đến ngã nào?"

Quý Vương Vô Độc phân vân giây lát, rồi hỏi Thánh nữ:

"Bạch Bồ Tát! Dám hỏi mẹ Ngài khi còn trên dương thế, hạnh nghiệp thế nào?"

Thánh nữ gạt lệ đáp:

"Mẹ tôi vốn tin theo tà đạo, thường chê bai Tam bảo và tạo nhiều nghiệp dữ."

"Chẳng hay mẹ của Bồ Tát thuộc dòng dõi nào và tên họ là chi?"

"Cha mẹ tôi đều thuộc dòng dõi Bà La Môn. Cha tôi tên là Thi La Thiện Kiến, mẹ tôi là Duyệt Đế Lợi."

Thánh nữ vừa dứt lời, Quý Vương Vô Độc vội

vã chấp tay đánh lễ Thánh nữ mà rằng:

"Mô Phật! Bạch Bồ Tát! Xin Bồ Tát chớ bị lụy nữa và hãy hoan hỉ trở về cho. Bà Duyệt Đế Lợi rất may mắn. Tuy bà có phạm nhiều tội ác bị đọa vào địa ngục Vô Gian, song nhờ lòng hiếu thảo của Bồ Tát, hết lòng tu phước, bố thí, cúng dường, nên được sanh lên cõi trời từ ba hôm nay rồi. Chẳng những một mình bà, mà tất cả những tội nhân trong địa ngục Vô Gian hôm ấy đều hưởng chung sự vui sướng ấy cả."

Quý Vương Vô Độc vừa dứt lời. Thánh nữ vui sướng quá, bất giác ra khỏi cõi thiền định. Nàng búng tinh đứng dậy, chạy trước bàn thờ Phật làm lễ và phát lời thề nguyện rất to tát và chân thành:

"Con xin thề nguyện rằng mãi mãi về đời sau này, nếu còn chúng sanh nào còn có tội khổ, con sẽ mở rộng phép phương tiện mà giải thoát cho họ và con cũng thề nguyện đời đời kiếp kiếp sẽ tu theo pháp của Phật, làm hạnh của Bồ Tát để độ hết chúng sanh và chỉ thành Phật khi nào hết thấy các chúng sanh đều thành Phật."

Lời thề nguyện vang lên như tiếng sắt chạm vào nhau, cương quyết và hùng mạnh, ghi sâu vào tâm khảm vị Thánh nữ chí hiếu và dư âm còn vang dội vào tâm tư muôn triệu tín đồ của Đức Phật trong muôn triệu thế hệ sau này.

Vị Thánh nữ nói trên là tiền thân ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát.

### Y Chu Nguyện Long Tiếp

*"Đôi đường nhân hiếu vẹn hóa đôi,  
Vẳng vạc gương soi ước vạn đời.  
Tích trượng phá tan bao cửa ngục,  
Minh châu chiếu sáng mọi chân trời.  
Độ sanh nhiều kiếp không sờn dạ,  
Cứu mẹ hại phen thật hiếm người.  
Bé khổ vì còn chưa tát cạn,  
Con thuyền tế độ vẫn còn bơi."*

